

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025


PETROVIETNAM
PV GAS



35 Năm
THẮP LỬA NON SÔNG

MỤC LỤC

1

TỔNG QUAN



- 08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 12 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 14 Thông điệp thương hiệu
- 16 Các chỉ số tài chính nổi bật năm 2025
- 18 Tổng quan 35 năm hình thành và phát triển
- 22 Lĩnh vực kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ
- 30 Khách hàng và đối tác của PV GAS
- 34 Danh hiệu, giải thưởng nổi bật trong năm 2025

2

THÔNG TIN TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



- 38 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 40 Giới thiệu về Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát
- 58 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 70 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 74 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 110 Báo cáo quản trị năm 2025
- 120 Các công ty trực thuộc/thành viên

3

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2026



- 132 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
- 134 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



- 140 Thông tin về doanh nghiệp
- 142 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 144 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 146 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 150 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 152 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 154 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Ban QLDA	Ban Quản lý dự án	KNK	Khi nhà kính
BCTC	Báo cáo tài chính	NĐTCKCN	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
BDSC	Bảo dưỡng sửa chữa	PV GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) / PetroVietnam
CP	Cổ phiếu	SXKD	Sản xuất kinh doanh
GDP (Gross Domestic Product)	Tổng sản phẩm quốc nội	TGD	Tổng Giám đốc
GHG	Tổng phát thải khí nhà kính	TSDH	Tài sản dài hạn
GPP (Gas Processing Plant)	Nhà máy Xử lý Khí	TSNH	Tài sản ngắn hạn
GSPA	Hợp đồng Mua bán Khí	UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
HĐQT	Hội đồng Quản trị	UBND	Ủy ban nhân dân
KDQT	Kinh doanh quốc tế	VN	Việt Nam

35 Năm THẮP LỬA NON SÔNG

Bước vào năm 2025, Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP tự hào kỷ niệm hành trình 35 năm hình thành và phát triển – một chặng đường đầy bản lĩnh để khẳng định vị thế nòng cốt trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Với thông điệp “35 năm thắp lửa non sông”, PV GAS không chỉ nhìn lại những mốc son lịch sử hào hùng mà còn tiếp tục truyền lửa nhiệt huyết, sáng tạo vào sứ mệnh dẫn dắt ngành công nghiệp khí Việt Nam vươn tầm quốc tế.

Năm 2025, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của PV GAS trong bối cảnh dịch chuyển năng lượng toàn cầu. Kế thừa giá trị từ “Hành trình Năng lượng Xanh”, chúng tôi kiên định mục tiêu đổi mới mô hình kinh doanh, tối ưu hóa chuỗi giá trị khí và bứt phá trong lĩnh vực LNG, CNG cùng các sản phẩm năng lượng xanh thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, cùng với việc củng cố hệ thống hạ tầng trọng điểm và ứng dụng công nghệ số tiên tiến, PV GAS cam kết tiếp tục mang nguồn năng lượng sạch, bền vững phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với sức mạnh của niềm tin và tinh thần đoàn kết được tôi luyện qua 35 năm không ngừng phát triển, tập thể PV GAS quyết tâm viết tiếp những trang sử mới, giữ vững ngọn lửa năng lượng luôn rực cháy trên mọi miền Tổ quốc, vì một Việt Nam thịnh vượng.

Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị để không ngừng cải thiện chất lượng Báo cáo Thường niên của Công ty.

Mọi ý kiến xin gửi về:

**BAN BIÊN TẬP
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP**

📍 Tòa nhà PV GAS, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

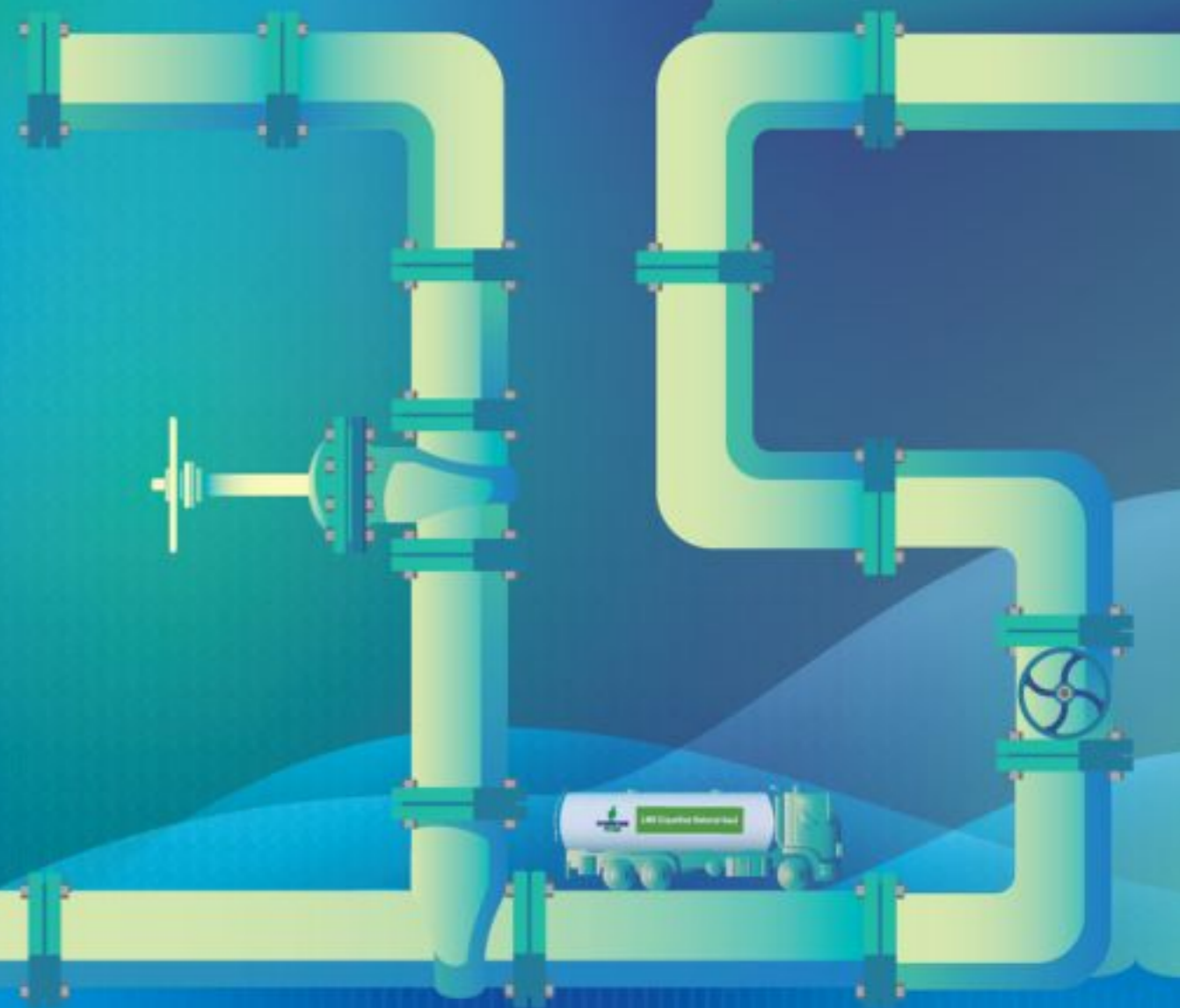
☎ (+84) 28 3 7816 777

✉ (+84) 28 3 7815 666

🌐 www.pvgas.com.vn

01 TỔNG QUAN

- 08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 12 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 14 Thông điệp thương hiệu
- 16 Các chỉ số tài chính nổi bật năm 2025
- 18 Tổng quan 35 năm hình thành và phát triển
- 22 Lĩnh vực kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ
- 30 Khách hàng và đối tác của PV GAS
- 34 Danh hiệu, giải thưởng nổi bật trong năm 2025



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Ông Nguyễn Thanh Bình

Chủ tịch HĐQT PV GAS



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng!

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc đặc biệt quan trọng trong lịch sử phát triển của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS), kỷ niệm 35 năm hình thành và phát triển của PV GAS kể từ ngày thành lập 20/09/1990. Đây không chỉ là một dấu mốc về thời gian, mà còn là hành trình của bản lĩnh, của sự kiên định và khát vọng xây dựng PV GAS trở thành doanh nghiệp chủ lực của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) và giữ vai trò trụ cột trong ngành năng lượng khí Việt Nam và đóng góp trực tiếp cho an ninh năng lượng quốc gia.

Trong suốt 35 năm qua, PV GAS đã không ngừng mở rộng quy mô, hiện đại hóa hạ tầng, nâng cao năng lực vận hành và quản trị để đảm bảo dòng chảy năng lượng ổn định, bền vững cho đất nước. Kể từ khi có dòng khí đầu tiên đưa về bờ vào tháng 4/1995 đến nay, PV GAS đã cung cấp cho thị trường trong nước: (i) khoảng 185 tỷ m³ khí khô; (ii) trên 32 triệu tấn LPG/LNG và hơn 2,3 triệu tấn condensate, tạo ra doanh thu lũy kế trên 1,3 triệu tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hơn 240 nghìn tỷ đồng, đồng thời đóng góp cho ngân sách Nhà nước trên 113 nghìn tỷ đồng.

Bằng tầm nhìn chiến lược và năng lực triển khai đồng bộ, PV GAS đã xây dựng và vận hành hệ

thống hạ tầng khí đồng bộ, hiện đại bậc nhất Việt Nam với tổng giá trị tài sản trên 94 nghìn tỷ đồng và tiếp tục được đầu tư mở rộng hơn nữa trong tương lai với tổng giá trị đầu tư cho giai đoạn 2026 - 2030 gần 100.000 tỷ đồng.

Năm 2025 là năm bứt phá mạnh mẽ của PV GAS với doanh thu và lợi nhuận kỷ lục. Bên cạnh đó, công tác đầu tư xây dựng đã có nhiều chuyển biến tích cực với giải ngân trên 3.000 tỷ đồng và một số dự án hạ tầng chiến lược quan trọng giúp mở rộng không gian phát triển mới đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và nhà đầu tư; công tác kinh doanh tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng quan trọng, cùng với đó bộ máy tổ chức đã được sắp xếp ngày càng tinh gọn, hiệu quả hơn. Đây là kết quả của sự lãnh đạo đúng hướng, quản trị hiệu quả, tinh thần đổi mới sáng tạo và đặc biệt là sự đoàn kết, quyết tâm hành động của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên PV GAS. Đây cũng là minh chứng rõ nét cho sự chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình kinh doanh đơn lẻ sang mô hình tích hợp, từ tư duy vận hành truyền thống sang tư duy phát triển chuỗi giá trị và tư duy thị trường toàn cầu.



PV GAS đang chuyển mình mạnh mẽ từ vai trò nhà vận chuyển và cung cấp khí truyền thống trở thành nhà cung cấp giải pháp năng lượng khí toàn diện, tham gia sâu vào chuỗi giá trị khí và LNG từ thượng nguồn, trung nguồn đến hạ nguồn.



Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng thân mến!

Bước sang năm 2026, thế giới được dự báo tiếp tục nhiều biến động khó lường. PV GAS xác định đây là giai đoạn bản lề đòi hỏi sự tăng tốc mạnh mẽ hơn, hành động quyết liệt hơn và đổi mới toàn diện hơn. Chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung phát triển hạ tầng công nghiệp khí, mở rộng thị trường kinh doanh trong nước và quốc tế, thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị theo chuẩn mực hiện đại.

PV GAS đang chuyển mình mạnh mẽ từ vai trò nhà vận chuyển và cung cấp khí truyền thống trở thành nhà cung cấp giải pháp năng lượng khí toàn diện, tham gia sâu vào chuỗi giá trị khí và LNG từ thượng nguồn, trung nguồn đến hạ nguồn.

Trong giai đoạn 05 năm tiếp theo, đặc biệt là năm bản lề 2026, PV GAS sẽ quyết liệt triển khai chiến lược với chủ đề **"Kiến tạo hạ tầng - Thúc đẩy mô hình kinh doanh vượt trội - Tiên phong sản phẩm xanh"** cùng với triển khai mạnh mẽ chiến lược "Lấy sản xuất, vận hành làm trung tâm, đầu tư làm nền tảng và kinh doanh mở rộng thị trường, chú trọng thị trường quốc tế làm động lực" để duy trì tăng trưởng hai con số, tiếp tục giữ vững vai trò chủ đạo, tiên phong trong Ngành năng lượng khí Việt Nam và tạo đà vững chắc cho giai đoạn 2026 - 2030.

Với phương châm hành động: **"Đổi mới - Bứt phá - Thích ứng - Cạnh tranh"**, quán triệt tư duy tích hợp và tư duy ngoài khuôn khổ, PV GAS sẽ nghĩ sâu, quyết nhanh, làm lớn,

mở rộng không gian phát triển và nâng tầm vị thế trên thị trường khu vực. PV GAS quyết tâm đóng góp tích cực vào mục tiêu của PVN hướng tới Top 500 doanh nghiệp lớn nhất toàn cầu (Fortune Global 500) giai đoạn 2026 - 2030, đồng thời phấn đấu mục tiêu đưa PV GAS vào Top 30 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á (Fortune Southeast Asia) vào năm 2030.

Thay mặt Hội đồng Quản trị PV GAS, tôi trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng đã luôn tin tưởng, đồng hành và tiếp thêm động lực cho chúng tôi trên hành trình phát triển. PV GAS cam kết hành động quyết liệt, quản trị minh bạch, đầu tư hiệu quả và phát triển bền vững nhằm tối đa hóa giá trị cho cổ đông, đóng góp thiết thực cho đất nước và không ngừng khẳng định vị thế tiên phong trong kỷ nguyên năng lượng mới. Trước mọi biến động và thách thức, PV GAS sẽ không chùn bước, không đứng yên và không tự giới hạn mình. Chúng tôi sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, bứt phá nhanh chóng, mở rộng không gian phát triển để giữ vững vai trò doanh nghiệp số 1 thị trường năng lượng khí Việt Nam và kiến tạo những giá trị bền vững cho cổ đông, đối tác và quốc gia.

Với bản lĩnh, kỷ luật và khát vọng vươn tầm, PV GAS sẵn sàng bước vào giai đoạn phát triển mới - mạnh mẽ hơn, hiện đại hơn và cạnh tranh hơn - để tiếp tục dẫn dắt tương lai ngành năng lượng khí Việt Nam và vươn tầm khu vực.

Trân trọng kính chào!

PV GAS đã xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng khí với tổng giá trị đầu tư

~100.000
tỷ đồng
giai đoạn 2026 - 2030

MỤC TIÊU HƯỚNG TỚI vào năm 2030

Top 30

Doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Phạm Văn Phong

Tổng Giám đốc PV GAS



Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động PV GAS cam kết tiếp tục tập trung phát triển kinh doanh, triển khai quyết liệt các giải pháp năng lượng tích hợp, thúc đẩy tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế chính sách, quyết liệt thực hiện phương án tái cơ cấu, tăng cường công tác quản trị điều hành để doanh nghiệp hoạt động ngày một hiệu quả hơn.

Kính gửi Quý cổ đông và nhà đầu tư!

Năm 2025 đánh dấu một năm đặc biệt của PV GAS với nhiều kết quả nổi bật và những kỷ lục mới, khép lại chặng đường 35 năm hình thành và phát triển – hành trình thắp lửa non sông đầy tự hào. Từ những bước đi tiên phong đầu tiên, PV GAS đã vươn mình trở thành doanh nghiệp chủ đạo, dẫn dắt ngành công nghiệp khí Việt Nam, là một trong những trụ cột quan trọng của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia và phát triển kinh tế – xã hội đất nước.

Trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu biến động mạnh, cạnh tranh gay gắt và áp lực chuyển dịch năng lượng ngày càng lớn, PV GAS vẫn giữ vững đà tăng trưởng và bứt phá ấn tượng. Hoạt động kinh doanh tiếp tục là động lực then chốt, đóng góp quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; sản lượng kinh doanh LPG/LNG trong và ngoài nước có sự tăng trưởng rất ấn tượng khi vượt 65% so với năm 2024, đạt trên 5 triệu tấn; kinh doanh quốc tế đạt trên 3,3 triệu tấn, tăng gấp đôi so với năm 2024, vượt mục tiêu dài hạn được Tập đoàn giao; đồng thời mở rộng nhanh thị trường LNG, đặc biệt là LNG bằng xe bồn.

PV GAS tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất đảm bảo an toàn, ổn định toàn bộ chuỗi giá trị khí. Qua đó, doanh thu hợp nhất của PV GAS năm 2025 đạt 136.843 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2024 và là mức tăng trưởng cao nhất trong lịch sử; lợi nhuận trước thuế đạt 14.359 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước 7,5 nghìn tỷ đồng.

Năm 2025 cũng ghi dấu mốc quan trọng khi PV GAS được Petrovietnam tin tưởng giao nhiệm vụ đầu mối chuỗi giá trị khí PM3 – Cà Mau khu vực Tây Nam Bộ, cùng với việc tập trung đầu tư phát triển các dự án hạ tầng chiến lược trên cả nước và triển khai quyết liệt công tác tái cấu trúc mô hình hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, PV GAS đã khẳng định bản lĩnh trước các thách thức, đóng góp vai trò kết nối, toàn diện trong chuỗi thượng – trung – hạ nguồn.

Bước sang năm 2026 – năm bản lề của giai đoạn phát triển 2026–2030, PV GAS xác định rõ các ưu tiên chiến lược: phát triển thị trường và kinh doanh quốc tế, tối ưu hóa chuỗi cung ứng – logistics; tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng khí/LNG chiến lược; mở rộng đầu tư thượng nguồn và M&A; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; tiếp tục tái cấu trúc toàn diện để tối ưu hiệu quả quản trị, vận hành theo chuẩn mực doanh nghiệp năng lượng tầm khu vực.

Với mục tiêu trong danh sách 30 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á đến năm 2030, cùng nền tảng vững chắc đã được xây dựng, sự đồng hành của các cấp lãnh đạo, người lao động, khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông, PV GAS tin tưởng sẽ hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đề ra, sẵn sàng bước vào giai đoạn phát triển bứt phá và tăng tốc toàn diện.

Trân trọng cảm ơn.

THÔNG ĐIỆP THƯƠNG HIỆU

TẦM NHÌN

Phát triển PV GAS thành doanh nghiệp mạnh, bền vững, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến/chế biến sâu - tồn trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí, tham gia hoạt động đầu tư thượng nguồn.

Giữ vai trò chủ đạo trong Ngành Công nghiệp khí trên toàn quốc, phấn đấu trở thành Doanh nghiệp ngành khí hàng đầu khu vực Asean và có tên trong các Doanh nghiệp ngành khí mạnh của Châu Á.

SỨ MỆNH

Tối đa hóa lợi ích của quốc gia và đối tác thông qua việc xây dựng và vận hành an toàn, hiệu quả toàn bộ hệ thống thu gom, xuất nhập khẩu, vận chuyển, tồn trữ, chế biến, phân phối khí, các sản phẩm khí và đường ống kết nối với hệ thống khí khu vực; đảm bảo cung cấp khí, các sản phẩm khí và dịch vụ khí cho các hộ tiêu thụ trên toàn quốc và mở rộng ra thị trường quốc tế.

KHẨU HIỆU

Fuelling values to life - Năng lượng khơi nguồn đổi mới



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2025



TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

136.843

Tỷ đồng

↑ 30% so với năm 2024



TỔNG TÀI SẢN

93.568

Tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

14.359

Tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

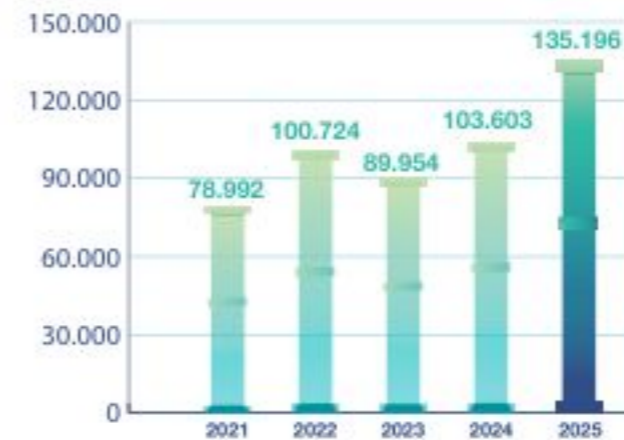
11.572

Tỷ đồng



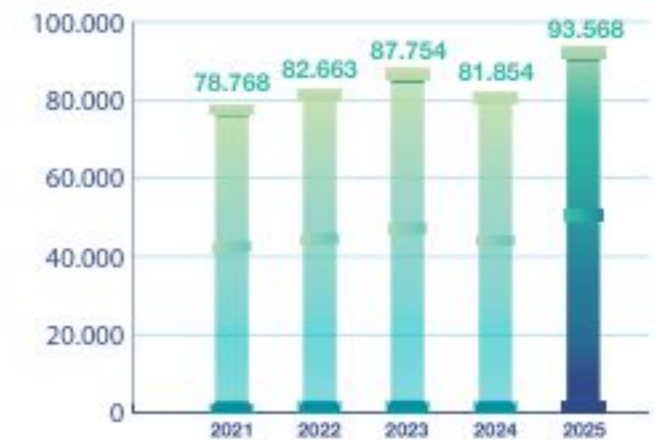
DOANH THU THUẦN

(Tỷ đồng)



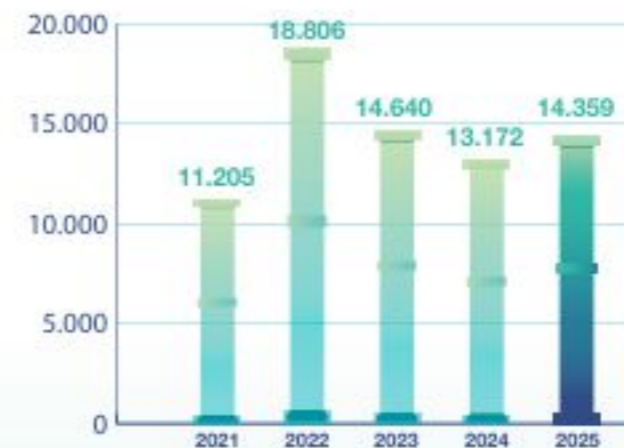
TỔNG TÀI SẢN

(Tỷ đồng)



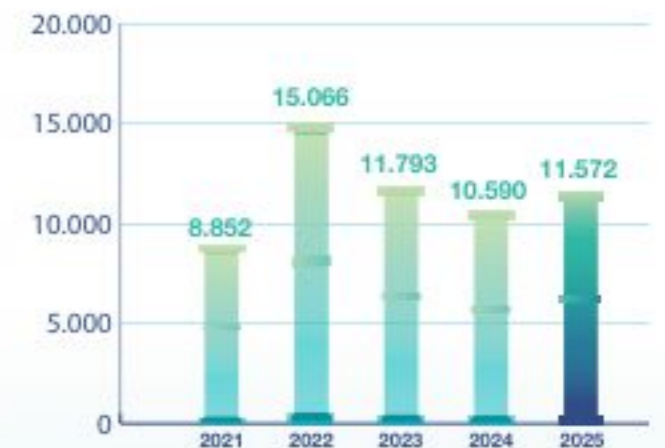
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

(Tỷ đồng)





TỔNG QUAN 35 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



09/1990

Thành lập Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

**1990-
2000**

10/1998

LPG & condensate lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.

04/1995

Dòng khí đầu tiên từ bể Cửu Long được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.

**2001-
2010**

12/2002

Dòng khí đầu tiên từ bể Nam Côn Sơn được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.



11/2003

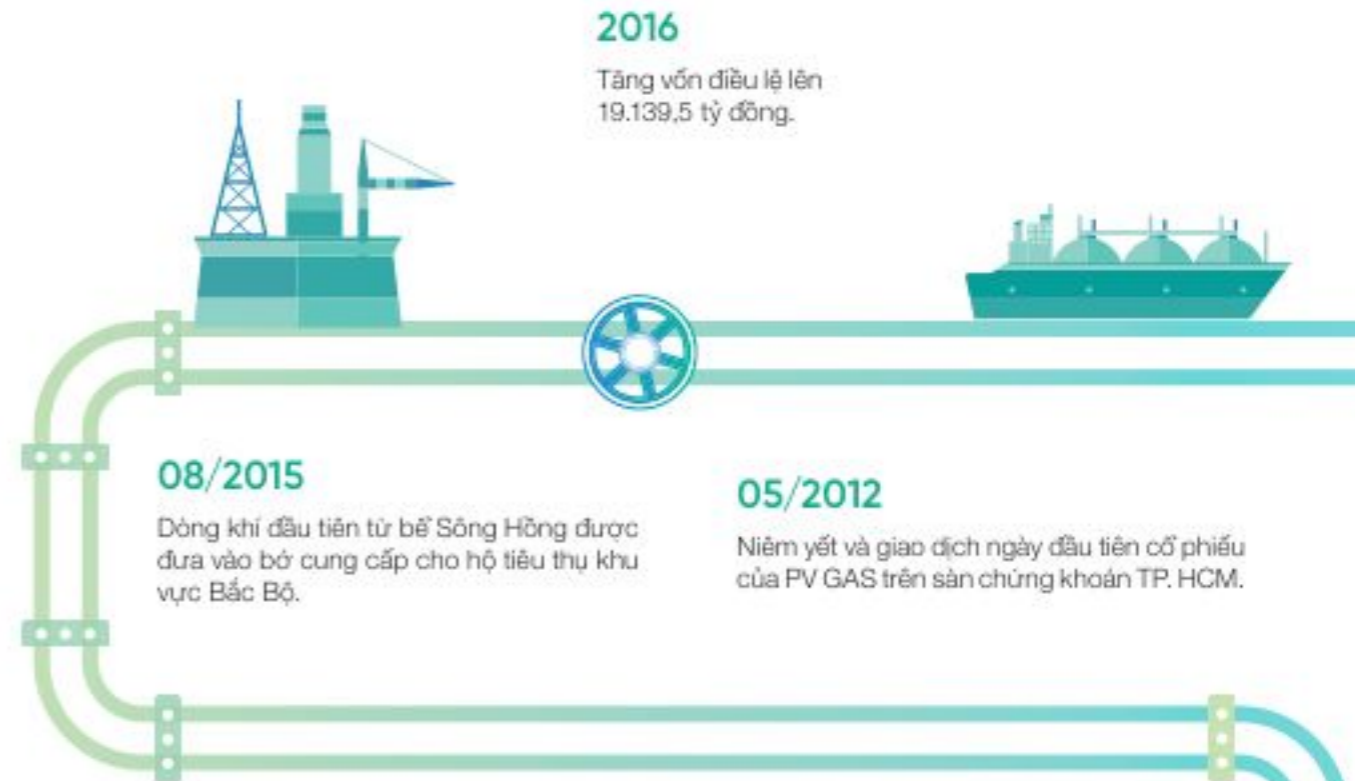
Mạng cấp khí thấp áp đầu tiên hoàn thành.

05/2007

Dòng khí đầu tiên từ mỏ PM3 - 46 Cái Nước được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Tây Nam Bộ.

07/2007

Trở thành Tổng công ty Khí, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.



**2011-
2016**

05/2011

Trở thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ: 18.950 tỷ đồng.



2018

Nhà máy xử lý khí Cà Mau đi vào hoạt động, góp phần gia tăng giá trị khí từ nguồn PM3.

2018-
2024

2020

Chuỗi dự án khí Nam Côn Sơn 2 đi vào vận hành (GD2 Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh; Sao Vàng - Đại Nguyệt; cải hoán GPP Dinh Cố để tiếp nhận khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh - GD2), góp phần bổ sung đáng kể nguồn khí sụt giảm khu vực Đồng Nam Bộ.

2021

Đưa vào vận hành thành công kho nổi chứa LPG lạnh tại Thái Bình.

2023

Hoàn thành đầu tư xây dựng, khánh thành và đưa vào vận hành Kho LNG 1 MMTPA Thị Vải (kho LNG đầu tiên tại Việt Nam); nhập khẩu chuyển hàng LNG đầu tiên về Việt Nam; Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 22.967 tỷ đồng.

2024

Bắt đầu cấp khí tái hóa từ LNG cho sản xuất điện, cấp LNG vận chuyển bằng xe bồn/tàu hỏa cho khách hàng công nghiệp; Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 23.427 tỷ đồng.



TỔNG DOANH THU

136.843 Tỷ đồng

↑ 30% so với năm 2024, cao nhất trong lịch sử PV GAS



Lợi nhuận trước thuế

14.359 Tỷ đồng

↑ 9% so với năm 2024

2025



TĂNG vốn điều lệ

24.129 Tỷ đồng

Gia nhập vào thị trường và ghi tên vào bản đồ kinh doanh LNG quốc tế.

LĨNH VỰC KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

LĨNH VỰC KINH DOANH



Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Nạp LPG vào chai, vào xe bồn.



Chế biến khí và sản phẩm khí.



Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG; Nhập khẩu Condensate.



Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí, liên quan đến khí và dự án, công trình công nghiệp khác.



Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến, sử dụng khí và các sản phẩm khí và lĩnh vực công nghiệp khác; Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí và lĩnh vực công nghiệp khác.



Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ.



Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí.



Tư vấn đầu tư; Thiết kế xây dựng công trình và công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng.



Dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí; Vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).



Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí và các công trình công nghiệp khác.



Sản xuất điện từ khí thiên nhiên, năng lượng mặt trời và năng lượng gió.



Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài; Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí; Mua các công ty khí khác để trở thành công ty thành viên của Tổng công ty; Bán các công ty con khi cần thiết.



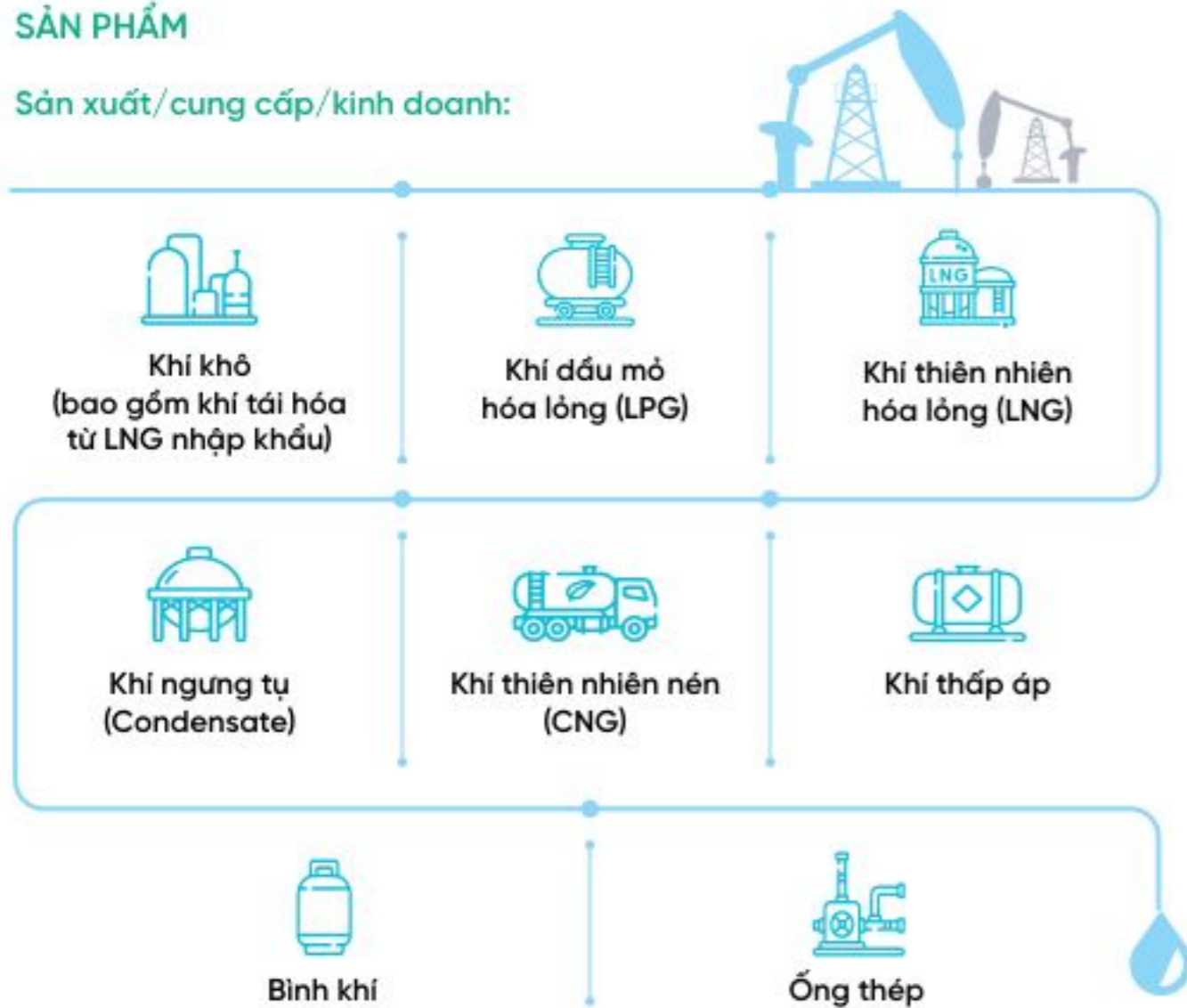
Và các ngành nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông PV GAS thông qua.

LĨNH VỰC KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ (Tiếp theo)

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH

SẢN PHẨM

Sản xuất/cung cấp/kinh doanh:



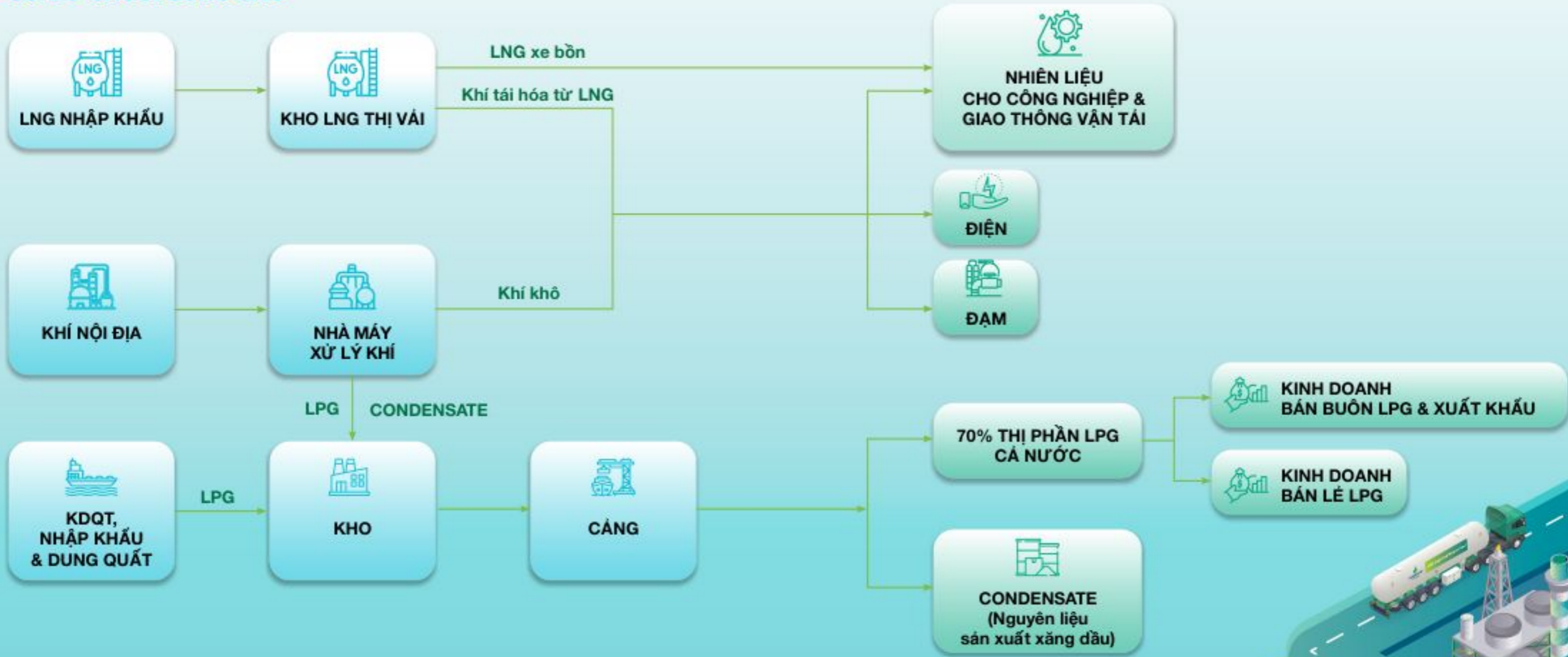
DỊCH VỤ

- 1 Thu gom; vận chuyển; xuất nhập khẩu; kinh doanh khí, các sản phẩm khí 
- 2 Chuyển đổi động cơ thành động cơ chạy khí 
- 3 Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị công trình khí 
- 4 Dịch vụ tư vấn quản lý dự án 
- 5 Dịch vụ bọc ống và dịch vụ ống thép 
- 6 Dịch vụ logistics 



LĨNH VỰC KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ (Tiếp theo)

SƠ ĐỒ CHUỖI CUNG ỨNG



LĨNH VỰC KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ (Tiếp theo)

ĐỊA BÀN KINH DOANH

PV GAS sở hữu

09 KHO CẢNG LỚN

05 HỆ THỐNG KHÍ

03 NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ

Trải dài từ Bắc đến Nam



KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC CỦA PV GAS



1 KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ KHÔ

Các nhà máy điện là khách hàng tiêu thụ chính, chiếm khoảng 64% tổng sản lượng khí khô. Các nhà máy sản xuất phân đạm chiếm khoảng 19% và khách hàng công nghiệp (tiêu thụ khí thấp áp, CNG) chiếm khoảng 17% sản lượng khí khô.

• Tại khu vực Đông Nam Bộ

Khí nội địa: Khí đồng hành từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Nam Côn Sơn được thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn để tách thành khí khô và các sản phẩm khí (LPG và condensate).

Khí khô sau khi qua các nhà máy xử lý khí sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ tại Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh, một phần khí khô được giảm áp để cung cấp/phân phối qua đường ống khí thấp áp/hoặc nén thành CNG cung cấp cho khách hàng công nghiệp miền Đông Nam Bộ và một số tỉnh thành Tây Nam Bộ, gồm:

- Các nhà máy điện hiện hữu gồm: Bà Rịa (công suất 350 MW), Phú Mỹ 1 (1090 MW), Phú Mỹ 2.1 (884 MW), Phú Mỹ 4 (450 MW), Phú Mỹ 2.2 (720 MW), Phú Mỹ 3 (720 MW), Nhơn Trạch 1 (450 MW), Nhơn Trạch 2 (750 MW), Hiệp Phước 1 (375 MW).
- Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- Khách hàng công nghiệp.

• Tại khu vực Tây Nam Bộ

Khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Malay - Thổ Chu được thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy xử lý khí Cà Mau để tách thành khí khô và các sản phẩm khí (LPG và condensate). Khí khô sau khi qua Nhà máy xử lý khí sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho 2 nhà máy điện Cà Mau với tổng công suất 1500 MW và nhà máy Đạm Cà Mau.

• Tại khu vực Bắc Bộ

Khí thiên nhiên từ lô 102 & 106, mỏ Hàm Rồng - Thái Bình thuộc bể Sông Hồng được thu gom, vận chuyển, đưa vào bờ và tách thành khí khô và condensate tại Trạm phân phối khí Tiền Hải (GDC Tiền Hải). Khí khô sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho các khách hàng công nghiệp (khí khô được giảm áp để cung cấp/phân phối qua đường ống khí thấp áp/hoặc nén thành CNG cung cấp cho khách hàng).

2

KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ DẦU MÓ HÓA LỎNG (LPG)

PV GAS đóng vai trò là nhà sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh LPG hàng đầu Việt Nam, đáp ứng trên 70% thị phần trong nước (trong đó miền Nam chiếm 78%, miền Bắc khoảng 60%, và miền Trung đạt 75%), đồng thời nắm giữ 65 – 70% thị phần LPG tại Campuchia.

• Các nguồn cung cấp LPG:

- LPG từ Nhà máy xử lý khí Dinh Cố được sản xuất từ khí đồng hành bắt nguồn từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Nam Côn Sơn;
- LPG từ Nhà máy xử lý khí Cà Mau được sản xuất từ khí thiên nhiên bắt nguồn từ các mỏ thuộc bể Malay - Thổ Chu;
- LPG mua từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất - Quảng Ngãi, Nghi Sơn - Thanh Hóa;
- LPG từ nguồn nhập khẩu từ Mỹ, Úc, Trung Đông và các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Brunei, Đài Loan, Singapore,....;
- LPG được bán buôn dưới hình thức xe bồn, tàu vận chuyển tới các kho chứa của khách hàng.
- Mạng lưới kinh doanh LPG bán lẻ bao phủ rộng khắp trong cả nước do đơn vị thành viên của PV GAS là Công ty cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam (PV GAS LPG) và đơn vị do PV GAS góp vốn là Công ty cổ phần kinh doanh Khí miền Nam (Gas South) phụ trách. Các đơn vị này phát triển mạng lưới phân phối bán lẻ thông qua các đại lý, trong đó PV GAS LPG được sử dụng và phát triển thương hiệu "PetroVietnam Gas". LPG được bán lẻ dưới hình thức bình 12kg và 45kg cho các đối tượng khách hàng dẫn dụng và thương mại.
- Kinh doanh LPG quốc tế với các đối tác Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực Đông Nam Á.

THỊ PHẦN
TRONG NƯỚC
đáp ứng trên

70%

THỊ PHẦN LPG
TẠI CAMPUCHIA
nắm giữ

65 - 70%



KHÁCH HÀNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC CỦA PV GAS (Tiếp theo)

3 KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ THIÊN NHIÊN NÉN (CNG)

CNG là khí thiên nhiên (khí khô) được nén lên áp suất 200 - 250 barg để tăng khả năng tồn chứa, giảm chi phí vận chuyển; tại nơi tiêu thụ, CNG được giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là <3 barg). Sản phẩm CNG bắt đầu tham gia thị trường khí vào năm 2008, đã được thị trường chấp nhận do giá bán cạnh tranh với các loại nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu, LPG...

- Các khách hàng hiện đang sử dụng CNG là các hộ công nghiệp sản xuất gạch men, sắt thép, gốm sứ,... nằm xa tuyến ống dẫn khí của PV GAS. Trong tương lai, sản phẩm CNG sẽ hướng đến thị trường miền Trung trên cơ sở nguồn khí tại chỗ. Hiện nay chủ yếu có 2 đơn vị phụ trách việc kinh doanh CNG là Công ty cổ phần CNG Việt Nam (PV GAS CNG) và Công ty cổ phần kinh doanh Khí miền Nam (Gas South).
- Ngoài ra, CNG còn được sử dụng trong giao thông vận tải để thay thế các nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu. Hiện nay có khoảng 570 xe bus chạy CNG đang hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh; trên 100 xe bus tại Hà Nội.
- CNG có đặc điểm là nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường và có xu thế được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

4 KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ THẤP ÁP

Khí thấp áp là khí khô được giảm áp về áp suất thấp (<49 barg), được cung cấp/phân phối đến các khách hàng tiêu thụ công nghiệp qua hệ thống đường ống, bắt đầu từ năm 2008.

- Hiện nay, Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV GAS D) là đơn vị thành viên của PV GAS được giao quản lý, phân phối và kinh doanh khí thấp áp qua đường ống. PV GAS D sở hữu hệ thống phân phối khí thấp áp đồng bộ và rộng khắp đến nhà máy của các khách hàng tại các KCN ở cả hai khu vực Bắc Bộ và Nam Bộ: KCN Tiên Hải (Hưng Yên), các KCN Nhơn Trạch - Gò Dầu (Đồng Nai), các KCN Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Cái Mép, KCN Hiệp Phước (TP.HCM),... Khách hàng của PV GAS D là các nhà máy sản xuất gốm sứ, gạch men, sắt thép, kính, thủy tinh,...

5

KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỒNG (LNG)



LNG là khí thiên nhiên hóa lỏng ở -162°C được vận chuyển đến Việt Nam bằng các tàu LNG chuyên dụng. Sau khi được nhập khẩu về Việt Nam, LNG được tồn chứa tại Kho LNG Thị Vải và phân phối đến các khách hàng tiêu thụ theo 2 phương thức:

- Đường ống:** LNG được tái hóa khí và bơm vào đường ống để cung cấp cho khách hàng tiêu thụ là các nhà máy điện khí bắt đầu cấp từ giữa tháng 4/2024 (Phú Mỹ 2.2 công suất 750 MW; Phú Mỹ 3 công suất 750 MW); Nhơn Trạch 3 và 4 công suất 1.624 MW (bắt đầu nhận khí từ cuối năm 2024 để vận hành thử nghiệm và chính thức vận hành thương mại từ cuối năm 2025); một phần lượng khí tái hóa từ LNG cung cấp đến khách hàng công nghiệp qua hệ thống phân phối khí thấp áp đường ống của PV GAS D (bắt đầu cấp cho khách hàng từ tháng 7/2023); dự kiến cấp cho khách hàng Đạm Phú Mỹ trong tương lai.
- Đường bộ, đường thủy:** LNG được xuất ra các tank chứa và vận chuyển bằng các phương tiện đường bộ (xe bồn/tàu hỏa,...)/hoặc đường thủy,... đến khách hàng xa hệ thống đường ống, tồn chứa tại các kho vệ tinh để tái hóa khí và cung cấp cho khách hàng tiêu thụ (là các khách hàng công nghiệp). PV GAS/PV GAS CNG đã vận chuyển thành công LNG bằng tàu hỏa từ miền Nam ra miền Bắc và bắt đầu cấp LNG liên tục cho khách hàng công nghiệp tại miền Bắc từ năm 2024.

TỔNG LNG NHẬP KHẨU NĂM 2025

> 500

Triệu m^3



6

KHÁCH HÀNG CỦA CONDENSATE

Condensate là sản phẩm thu được từ khí ẩm được khai thác từ các mỏ dầu khí thuộc bể Cửu Long, bể Nam Côn Sơn, bể Malay - Thổ Chu và bể Sông Hồng được sử dụng chủ yếu cho việc chế biến xăng thành phẩm, đóng góp một phần vào việc đảm bảo nguồn cung cấp xăng trong nước.

DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2025

**13 NĂM
LIÊN TIẾP**

Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2025

**HẠNG 15
/ TOP 50**

Công ty Đại chúng uy tín và hiệu quả 2025

**HẠNG 2
/ TOP 10**

Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo & kinh doanh hiệu quả 2025
Ngành Năng lượng – Dầu khí

TOP 10

Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025
Ngành Năng lượng – Dầu khí

**03
KỶ LỤC VN**

**Nhà máy Xử lý khí
Nam Côn Sơn**

Nhà máy có công suất xử lý khí lớn nhất Việt Nam

**Đường ống khí
Nam Côn Sơn**

Đường ống 02 pha vận chuyển dòng lưu thể khí thiên nhiên và chất lỏng condensate dài nhất, với công suất vận chuyển khí lớn nhất Việt Nam

**Đơn vị khai thác, vận hành
Kho cảng LNG
Thị Vải**

Kho cảng khí thiên nhiên hóa lỏng đầu tiên tại Việt Nam

**10^{TOP} MOST INNOVATIVE
ENTERPRISES VIETNAM**
DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KINH DOANH HIỆU QUẢ

**TOP 100 ESG
VIỆT NAM XANH**

**HẠNG 17
/ TOP 20**

Doanh nghiệp dẫn đầu Bảng xếp hạng PROFIT500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam

TOP 10

Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam 2025 và Doanh nghiệp tiên phong đổi mới sáng tạo năm 2025

**VIETNAM
PROFIT 500**
TOP 500 MOST PROFITABLE COMPANIES

**10^{TOP} MOST INNOVATIVE
ENTERPRISES VIETNAM**
DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KINH DOANH HIỆU QUẢ



02 THÔNG TIN TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

38	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
40	Giới thiệu về Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát
58	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
70	Báo cáo của Ban Kiểm soát
74	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
110	Báo cáo quản trị năm 2025
120	Các công ty trực thuộc/thành viên

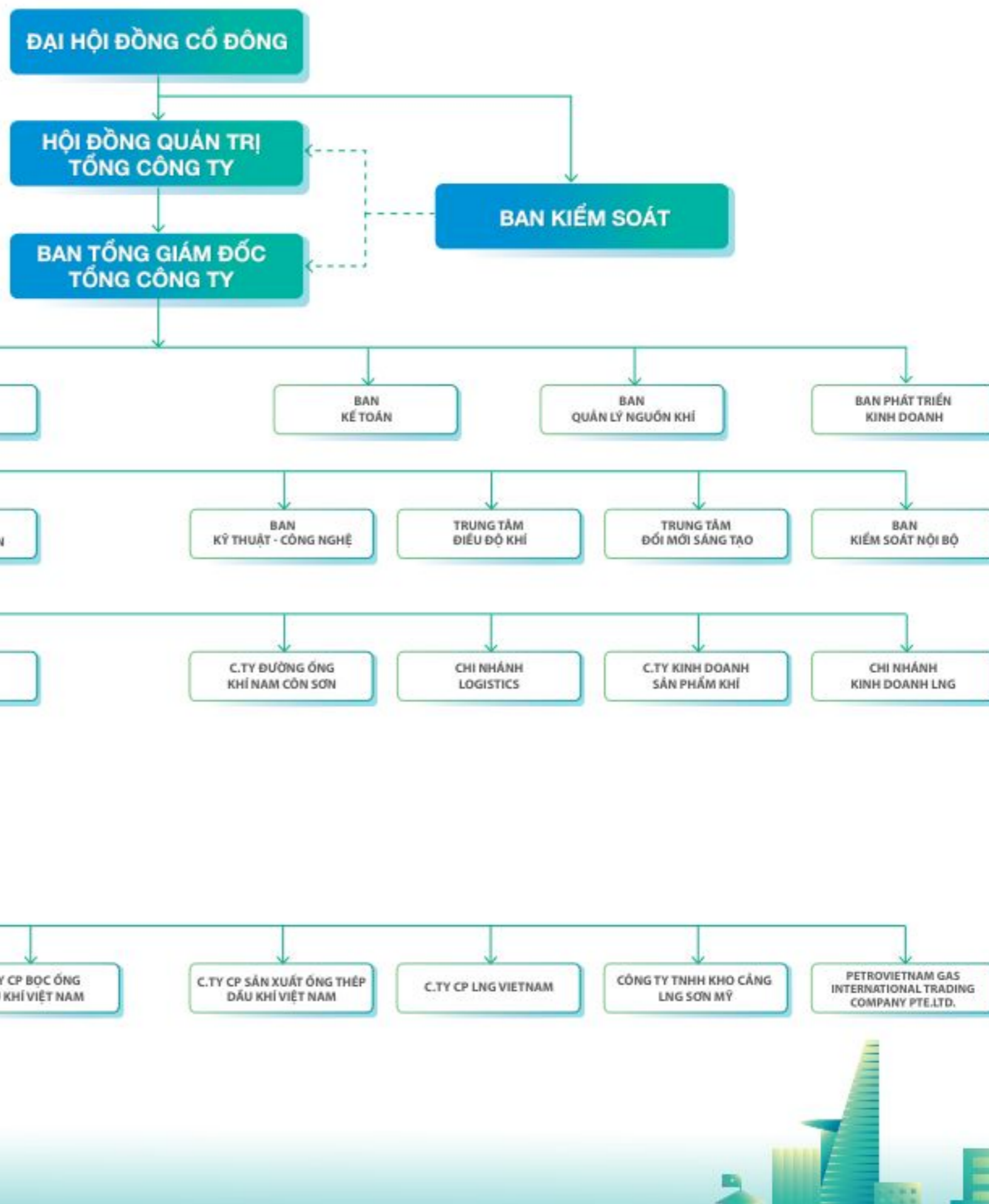


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

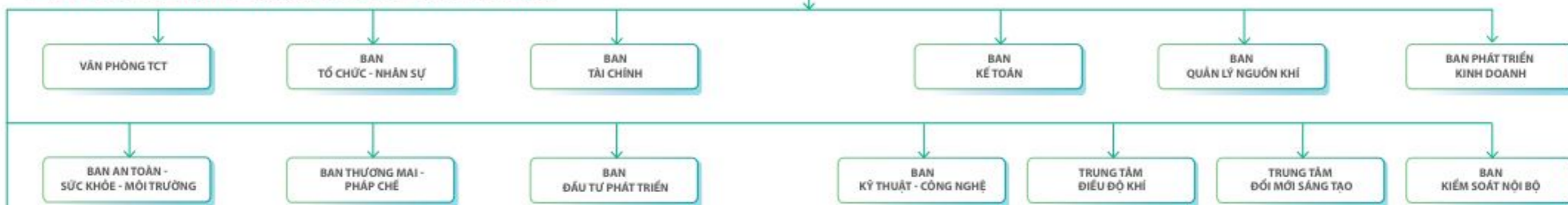
Hiện nay PV GAS hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con, ngoài công ty mẹ là Tổng Công ty với 13 ban chuyên môn thuộc Cơ quan điều hành Tổng công ty, PV GAS có 9 chi nhánh trực thuộc, 8 công ty do PV GAS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối và 2 công ty liên kết góp vốn. Cơ cấu tổ chức bộ máy của PV GAS cụ thể như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

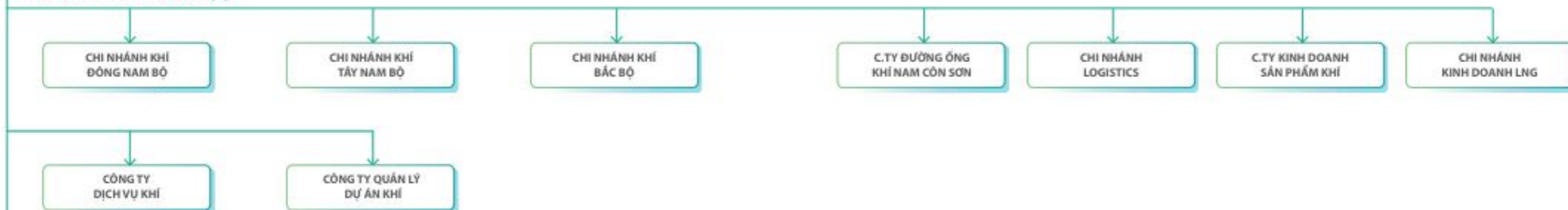
(hoặc tham khảo theo đường link <https://www.pvgas.com.vn/gioi-thieu/so-do-to-chuc>)



1. VĂN PHÒNG, TRUNG TÂM, CÁC BAN CHUYÊN MÔN (13)



2. CÁC CHI NHÁNH (9)



3. CÁC CÔNG TY DO PV GAS NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI (8)



4. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (2)





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN THANH BÌNH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Quản trị kinh doanh ngoại thương
- Thạc sĩ Kinh doanh Quốc tế

Quá trình công tác

- **10/2000 - 03/2001:** Công tác tại Công ty Xuất nhập Khẩu Thương mại và Du lịch Sovlaco.
- **06/2001 - 09/2003:** Học cao học Trường Đại học Monash, Tp. Melbourne, Bang Victoria, Australia.
- **10/2003 - 09/2009:** Chuyên viên; Trợ lý Tổng Giám đốc; Phó Ban Tổ chức - Nhân sự; Phó Ban Khai thác; Trưởng Ban Kinh doanh và Phát triển Thị trường, Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans).
- **10/2009 - 03/2015:** Trưởng ban Nhập khẩu và Phát triển thị trường khí, PV GAS.
- **03/2015 - 08/2019:** Giám đốc Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí, PV GAS.
- **08/2019 - 05/2023:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS (kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam giai đoạn 02/2021 - 04/2023).
- **05/2023 đến nay:** Chủ tịch HĐQT PV GAS.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư công nghệ hữu cơ Hóa dầu
- Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Hóa dầu
- Tiến sĩ Kỹ thuật hóa học

Quá trình công tác

- **02/2001 - 09/2006:** Kỹ sư, Thư ký trưởng Ban, Phó trưởng phòng thuộc Trung tâm/Ban tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - PVN).
- **10/2006 - 07/2015:** Trưởng phòng thuộc Ban/Công ty tại Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - PV GAS).
- **08/2015 - 06/2016:** Phó Trưởng Ban, Ban QLDA Nhà máy xử lý khí Cà Mau, PV GAS.
- **07/2016 - 05/2023:** Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần LNG VIETNAM, PV GAS (07/2016 - 05/2023); Giám đốc Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí, PV GAS (09/2019 - 02/2023); Phó Tổng Giám đốc PV GAS (01/2021 - 05/2023).
- **05/2023 - nay:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc PV GAS.



Ông PHẠM VĂN PHONG
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)



Ông TRIỆU QUỐC TUẤN
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư xây dựng công trình biển
- Kỹ sư Kinh tế và Quản lý
- Thạc sĩ Quản lý dự án

Quá trình công tác

- **03/1995 - 09/2002:** Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế và Khảo sát thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí, Vũng Tàu.
- **10/2002 - 09/2004:** Trưởng phòng - Xí nghiệp thiết kế và Khảo sát thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí, Vũng Tàu.
- **10/2004 - 02/2005:** Kỹ sư - Xí nghiệp vận chuyển khí, PV GAS.
- **02/2005 - 08/2006:** Kỹ sư dự phòng Đốc công tổ đường ống - Xí nghiệp vận chuyển khí, PV GAS.
- **08/2006 - 07/2007:** Quyền Giám đốc Xí nghiệp Khí Cà Mau, PV GAS.
- **07/2007 - 10/2009:** Giám đốc Xí nghiệp Khí Cà Mau, PV GAS.
- **10/2009 - 04/2021:** Giám đốc Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam bộ, PV GAS.
- **04/2021 đến nay:** Thành viên HĐQT PV GAS.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ Hữu cơ hóa dầu
- Thạc sĩ Công nghệ Hóa dầu và khí

Quá trình công tác

- **10/2002 - 01/2005:** Kỹ sư Công nghệ, Xí nghiệp Chế biến khí, PV GAS.
- **02/2005 - 01/2006:** Kỹ sư dự phòng Trưởng ca vận hành, Xí nghiệp Chế biến khí, PV GAS.
- **02/2006 - 09/2006:** Trưởng ca vận hành - Xí nghiệp Chế biến khí, PV GAS.
- **10/2006 - 07/2007:** Phó phụ trách Phòng Kỹ thuật sản xuất, Xí nghiệp khí Cà Mau - PV GAS.
- **08/2007 - 03/2008:** Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty Khí Cà Mau, PV GAS.
- **04/2008 - 09/2009:** Phó Giám đốc Công ty Khí Cà Mau, PV GAS.
- **10/2009 - 11/2015:** Giám đốc Công ty Khí Cà Mau, PV GAS.
- **12/2015 - 12/2022:** Giám đốc Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu, PV GAS.
- **12/2022 - 30/5/2025:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.
- **30/5/2025 đến nay:** Thành viên HĐQT PV GAS.



Ông TRẦN NHẬT HUY
Thành viên HĐQT

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)



Ông TRỊNH VĂN KIÊM
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác

- **08/1994 - 05/1996:** Chuyên viên phòng Kinh doanh, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Đầu tư, Công ty 489, Cục Quản lý - Hành chính BTTM - Cơ quan Bộ Quốc Phòng.
- **06/1996 - 08/2000:** Trợ lý Giám đốc, Công ty 489, Cục Quản lý - Hành chính BTTM - Cơ quan Bộ Quốc Phòng.
- **09/2000 - 11/2001:** Chuyên viên Phòng Kinh doanh, Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí (nay là PV GAS).
- **12/2001 - 07/2006:** Chuyên viên Phòng Kinh doanh, Xí nghiệp Kinh doanh Khí miền Nam, PV GAS.
- **08/2006 - 05/2007:** Phó phòng Kinh doanh, Xí nghiệp Kinh doanh Khí miền Nam, PV GAS.
- **06/2007 - 07/2007:** Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Kinh doanh khí miền Nam.
- **08/2007 - 06/2008:** Phó Tổng Giám đốc, Công ty Kinh doanh khí miền Nam.
- **07/2008 - 08/2008:** Chuyên viên Tổ chuyển đổi doanh nghiệp, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo).
- **09/2008 - 03/2011:** Giám đốc Công ty cổ phần phân bón và hóa chất Dầu khí Đồng Nam Bộ, PVFCCo.
- **04/2011 - 06/2013:** Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần phân bón và hóa chất Dầu khí Đồng Nam Bộ, PVFCCo.
- **07/2013 - 01/2016:** Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần phân bón và hóa chất Dầu khí Đồng Nam Bộ, PVFCCo.
- **02/2016 - 05/2020:** Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần phân bón và hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, PVFCCo.
- **06/2020 - 30/5/2025:** Thành viên HĐQT PVFCCo.
- **30/5/2025 đến nay:** Thành viên HĐQT PV GAS.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân kế toán tổng hợp
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- **12/2001 - 04/2004:** Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.
- **04/2004 - 07/2007:** Chuyên viên tín dụng Chi nhánh Cần Thơ, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- **07/2007 - 2013:** Trưởng phòng tín dụng, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ, Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam.
- **2013 - 2016:** Giám đốc Vùng 6 KHDN kiêm Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.
- **2016 - 2017:** Phó Giám đốc khối KHDNL kiêm Giám đốc KHDNL miền Nam kiêm Giám đốc kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.
- **2017 - 2022:** Giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.
- **2022 - 28/5/2024:** Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.
- **29/5/2024 đến nay:** Thành viên độc lập HĐQT PV GAS.



Ông NGUYỄN THANH HÀO
Thành viên độc lập HĐQT



Ông ĐỖ ĐÔNG NGUYÊN
Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu
- Thạc sĩ kỹ thuật Hóa dầu

Quá trình công tác

- **10/1996 - 07/2000:** Kỹ sư, Ban Quản lý dự án Khí Vũng Tàu.
- **08/2000 - 08/2006:** Chuyên viên, Ban Khí, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - PVN).
- **07/2006 - 02/2009:** Chuyên viên, Ban Xây dựng, PVN.
- **03/2009 - 03/2011:** Phó Trưởng ban, Ban Khí, PVN.
- **04/2011 - 04/2018:** Trưởng ban, Ban Khí, PVN.
- **04/2018 đến nay:** Thành viên độc lập HĐQT PV GAS.



**GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT** (Tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT



Ông TRỊNH VĂN MINH
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế ngành kinh doanh thương mại
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- **11/1994 - 04/1995:** Cán bộ thuế, Chi cục thuế Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- **05/1995 - 12/2006:** Chuyên viên Phòng Kế hoạch, Công ty chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí (nay là PV GAS).
- **01/2007 - 10/2014:** Phó Ban Kế hoạch, PV GAS.
- **10/2014 - 30/5/2025:** Trưởng Ban Kế hoạch, PV GAS.
- **30/5/2025 đến nay:** Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS.



Ông NGUYỄN CÔNG MINH
Kiểm soát viên

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân kế toán
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên

Quá trình công tác

- **08/1985 - 08/1988:** Học viên sỹ quan, C56A, D2, Trưởng sỹ quan tài chính, Bộ Quốc Phòng.
- **09/1988 - 04/2003:** Trợ lý Ban Tài chính, Trưởng ban HC-KD-DV, Trưởng ban Tài chính Trung tâm TĐTT QP II, Bộ tham mưu quân khu 7.
- **05/2003 - 03/2005:** Trưởng ban Tài chính Trường dạy nghề số 7.
- **04/2005 - 11/2009:** Giám đốc Trung tâm dạy nghề Thái Sơn, Cán bộ phòng chính trị, Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng.
- **12/2009 - 07/2011:** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh, Tổng Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng.
- **08/2011 - 03/2016:** Phó phòng, Trưởng phòng kế toán, Ban Quản lý dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau, PV GAS.
- **04/2016 đến nay:** Kiểm soát viên PV GAS.



Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN
Kiểm soát viên

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế kỹ thuật
- Cử nhân Kế toán kiểm toán
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên

Quá trình công tác

- **01/1993 - 01/1997:** Nhân viên Văn phòng đại diện - Trafalgar House Offshore International Ltd.
- **01/1997 - 11/2003:** Nhân viên Kế toán, Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- **11/2003 - 11/2006:** Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Quản lý Dự án Khí, PV GAS.
- **11/2006 - 01/2015:** Chuyên viên Ban Kế toán, PV GAS.
- **01/2015 - 10/2018:** Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ, Ban Kế toán, PV GAS.
- **10/2018 - 04/2021:** Chuyên viên chính Ban Kế toán, PV GAS.
- **04/2021 đến nay:** Kiểm soát viên, PV GAS.

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông PHẠM VĂN PHONG
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư công nghệ hữu cơ Hóa dầu
- Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Hóa dầu
- Tiến sĩ Kỹ thuật hóa học

Quá trình công tác

- **02/2001 – 09/2006:** Kỹ sư, Thư ký trưởng Ban, Phó trưởng phòng thuộc Trung tâm/Ban tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam - PVN).
- **10/2006 – 07/2015:** Trưởng phòng thuộc Ban/Công ty tại Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - PV GAS).
- **08/2015 – 06/2016:** Phó Trưởng Ban, Ban QLDA Nhà máy xử lý khí Cà Mau, PV GAS.
- **07/2016 – 05/2023:** Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần LNG VIETNAM, PV GAS (07/2016 – 05/2023); Giám đốc Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí, PV GAS (09/2019 – 02/2023); Phó Tổng Giám đốc PV GAS (01/2021 – 05/2023).
- **5/2023 – nay:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ hóa học và thực phẩm
- Thạc sĩ quản lý kỹ thuật

Quá trình công tác

- **12/2004 - 09/2006:** Kỹ sư Công nghệ, Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS.
- **10/2006 - 03/2008:** Kỹ sư vận hành, Đốc công tổ vận hành, Phó phòng Kỹ thuật - Sản xuất Công ty Khí Cà Mau, PV GAS.
- **05/2008 - 10/2009:** Học viên cao học về quản lý kỹ thuật tại Vương quốc Anh.
- **10/2009 - 01/2015:** Phó phòng Kỹ thuật - Sản xuất, Trưởng phòng Kỹ thuật - Sản xuất, Phó Giám đốc Công ty Khí Cà Mau, PV GAS.
- **01/2015 - 12/2015:** Phó ban QLDA Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, PV GAS.
- **12/2015 - 12/2019:** Phó Giám đốc phụ trách, Giám đốc Công ty Khí Cà Mau, PV GAS.
- **12/2019 - 02/2023:** Giám đốc Chi nhánh Kinh doanh LNG, PV GAS.
- **02/2023 - 31/01/2024:** Giám đốc Công ty Kinh doanh sản phẩm khí, PV GAS.
- **01/2/2024 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh sản phẩm khí thuộc PV GAS.



Ông NGUYỄN PHÚC TUỆ
Phó Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)



Ông HUỖNH QUANG HẢI
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư công nghệ hóa học và thực phẩm

Quá trình công tác

- **10/1997 – 11/2001:** Cán bộ kỹ thuật Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí (PVECC).
- **12/2001 – 06/2002:** Chỉ huy trưởng công trường Dự án Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ - hạng mục: chế tạo lắp đặt ống công nghệ và thiết bị.
- **07/2002 – 11/2002:** Phó phòng Kinh tế Kỹ thuật, Xí nghiệp xây lắp đường ống bể chứa.
- **12/2002 – 06/2003:** Chỉ huy trưởng công trường Dự án CPP3 - hạng mục: chế tạo và lắp đặt cầu dẫn số 2, số 4.
- **07/2003 – 02/2004:** Chỉ huy trưởng công trường Dự án tuyến ống dẫn khí Thấp áp Phú Mỹ - Gò Dầu.
- **03/2004 – 06/2004:** Phó phụ trách phòng Kinh tế Kỹ thuật, Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa.
- **07/2004 - 12/2004:** Chỉ huy trưởng công trình mở rộng xưởng lên men Nhà máy bột ngọt Vedan.
- **03/2005 - 07/2007:** Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật - Sản xuất, PV GAS.
- **07/2007 - 10/2007:** Phó phòng Kỹ thuật - Sản xuất, PV GAS.
- **10/2007 - 06/2008:** Phó Ban Xây dựng, PV GAS.
- **08/2008 - 06/2011:** Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS.
- **06/2011 - 06/2011:** Phó Ban Quản lý Dự án Khí Đồng Nam Bộ, PV GAS.
- **06/2011 - 11/2012:** Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS.
- **11/2012 - 01/2013:** Quyền Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS.
- **01/2013 - 08/2015:** Giám đốc Công ty Quản lý dự án Khí, PV GAS.
- **08/2015 - 09/2019:** Trưởng Ban Quản lý Dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, PV GAS.
- **09/2019 – 02/2020:** Trưởng Ban Đầu tư - Xây dựng kiêm Trưởng Ban QLDA Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, PV GAS.
- **02/2020 – 03/2022:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.
- **04/2022 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho Cảng LNG Sơn Mỹ.

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)



Ông HOÀNG TRỌNG DŨNG
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư công nghệ hóa dầu
- Thạc sĩ chính sách công

Quá trình công tác

- **11/1997 – 05/2000:** Kỹ sư vận hành; Trưởng ca vận hành, Trung tâm vận hành khí, PV GAS.
- **05/2000 – 05/2001:** Thư ký Phó Tổng Giám đốc PV GAS.
- **05/2001 – 07/2005:** Tổ trưởng Tổ công nghệ thuộc Phòng Kỹ thuật; Phó phòng nghiệm thu chạy thử, Ban QLDA Nhà máy Đạm Phú Mỹ (PVFCCo).
- **07/2005 – 01/2009:** Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam - PVN).
- **01/2009 – 01/2015:** Phó ban QLDA Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).
- **01/2015 – 12/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).
- **12/2018 – 04/2021:** Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVCHEM).
- **04/2021 – 20/11/2023:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo).
- **20/11/2023 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kế toán
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- **12/2002 – 08/2003:** Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán, PV GAS.
- **09/2003 – 08/2006:** Chuyên viên kế toán, Xí nghiệp vận chuyển khí, PV GAS.
- **08/2006 – 07/2007:** Phó phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán, Xí nghiệp Khí Cà Mau, PV GAS.
- **07/2007 – 04/2008:** Kế toán trưởng, Công ty Khí Cà Mau, PV GAS.
- **04/2008 – 01/2009:** Kiểm soát viên chính PV GAS.
- **02/2009 – 08/2016:** Phó ban Tài chính PV GAS.
- **08/2016 – 06/2017:** Phó ban phụ trách Ban Tài chính PV GAS.
- **06/2017 – 07/2019:** Trưởng ban Tài chính PV GAS.
- **07/2019 – 31/01/2024:** Kế toán trưởng PV GAS.
- **01/2/2024 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS.



Ông NGUYỄN CÔNG LUẬN
Phó Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)



Ông NGUYỄN MINH TUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ máy chính xác ngành Cơ khí chế tạo máy
- Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- **07/1996 - 10/1997:** Chuyên viên bảo dưỡng, Tổ Bảo dưỡng sửa chữa, Trung tâm vận hành, Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (nay là PV GAS).
- **11/1997 - 01/1998:** Trưởng Trạm khí Phú Mỹ, Trung tâm Vận hành, PV GAS.
- **01/1998 - 10/2002:** Đốc công bảo dưỡng sửa chữa, Tổ Cơ khí thiết bị, Đội Dịch vụ Khí, PV GAS.
- **10/2002 - 11/2003:** Đốc công bảo dưỡng sửa chữa nhóm thiết bị tinh, Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS.
- **12/2003 - 10/2006:** Phó phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Chế biến khí, PV GAS.
- **10/2006 - 04/2007:** Phó Giám đốc Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS.
- **05/2007 - 05/2011:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Bảo dưỡng Sửa chữa công trình Khí, PV GAS.
- **06/2011 - 02/2020:** Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí, PV GAS.
- **02/2020 - 01/6/2025:** Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí, PV GAS.
- **02/6/2025 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí thuộc PV GAS.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính - tín dụng

Quá trình công tác

- **09/1997 - 09/1999:** Chuyên viên Cục Quản lý vốn và Tài sản nhà nước tại Doanh nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu.
- **10/1999 - 05/2006:** Kế toán tổng hợp /Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Ban Quản lý Dự án nhà số 1&5 Lê Duẩn, Tổng công ty Dầu Khí Việt Nam (Nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam).
- **07/2006 - 11/2006:** Chuyên viên kế toán, Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS.
- **11/2006 - 09/2007:** Trưởng phòng Kế toán, Ban Quản lý Dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh, PV GAS.
- **09/2007 - 08/2010:** Trưởng phòng Kế toán, Công ty Tư vấn Quản Lý dự án Khí, PV GAS.
- **08/2010 - 04/2011:** Kiểm soát viên chính, PV GAS.
- **04/2011 - 01/2016:** Trưởng Ban Kiểm soát, PV GAS.
- **01/2016 - 12/2019:** Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ, PV GAS.
- **01/2020 - 02/2024:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam, PV Pipe.
- **02/2024 - 08/2024:** Phó trưởng ban phụ trách Ban Kế toán PV GAS kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam, PV Pipe.
- **08/2024 - 05/3/2025:** Phó trưởng ban phụ trách Ban Kế toán, PV GAS.
- **05/3/2025 đến nay:** Kế toán trưởng PV GAS.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	THAY ĐỔI	HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1	Ông Trương Hồng Sơn	Thời giữ chức Thành viên HĐQT	30/5/2025
2	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thời giữ chức Thành viên HĐQT	30/5/2025
3	Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng Giám đốc được bầu giữ chức Thành viên HĐQT	30/5/2025
4	Ông Trịnh Văn Khiêm	Được bầu giữ chức Thành viên HĐQT	30/5/2025
5	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát	30/5/2025
6	Ông Trịnh Văn Minh	Được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát	30/5/2025
7	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng Giám đốc	02/6/2025
8	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó phụ trách Ban kế toán được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng	05/3/2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị (HDQT) hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, quản trị, quản lý hoạt động SXKD của PV GAS, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc (TGD) thông qua các quy định quản lý nội bộ, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, văn bản, các cuộc họp HDQT, các buổi làm việc với Ban TGD và các Đơn vị về hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức nhân sự, tái cấu trúc, kỹ thuật công nghệ, hợp tác, nghiên cứu khoa học,... HDQT cũng luôn hỗ trợ, phối hợp kịp thời với Ban TGD trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động SXKD của PV GAS. Việc chỉ đạo, giám sát, đôn đốc, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của HDQT đối với Ban TGD với phương châm hành động Đổi mới – Bứt phá – Thích ứng – Canh Tranh cùng tư duy tích hợp, tư duy ngoài khuôn khổ để “Nghĩ sâu – Quyết nhanh – Làm lớn”, góp phần giúp PV GAS giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi, tận dụng thời cơ, hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch PVN giao và đạt mốc sản lượng LPG/LNG kinh doanh, doanh thu kỷ lục (cụ thể như được trình bày tại “Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2026”), đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật và PV GAS, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của PV GAS.
- HDQT chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch 5 năm 2026 – 2030 để định hướng hoạt động SXKD của PV GAS trong dài hạn; Kế hoạch 5 năm 2026 – 2030 về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- HDQT thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT.
- HDQT thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 59, 60, 61/NQ-KVN ngày 30/5/2025 thông qua chỉ đạo triển khai và thường xuyên rà soát, cập nhật Kế hoạch năm 2025, chỉ đạo triển khai và hoàn thành việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ năm 2025 thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ tăng thêm: 702.768.370.000 đồng, vốn điều lệ sau khi phát hành thêm cổ phiếu: 24.129.497.560.000 đồng).



Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị

- Kế hoạch:** HDQT xem xét, chấp thuận/phê duyệt, chỉ đạo triển khai và thường xuyên rà soát Kế hoạch năm 2025 cũng như các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch quản trị năm 2025 theo diễn biến thị trường để chủ động ứng phó, điều hành hoạt động SXKD; chỉ đạo xây dựng, trình duyệt Kế hoạch năm 2026. Năm 2025, PV GAS hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch, tạo thuận lợi để thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch trung và dài hạn trong giai đoạn tiếp theo.
- Sản xuất:** HDQT chỉ đạo quản trị mục tiêu an toàn trong mọi hoạt động sản xuất, vận hành; tuân thủ các quy định liên quan. Kết quả là hệ thống các công trình khí hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả, liên tục, không xảy ra sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến môi trường, tài sản và uy tín của PV GAS, phối hợp nhịp nhàng cùng hoạt động kinh doanh.
- Kinh doanh:** HDQT chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh đổi mới (về cơ chế chính sách, quan điểm/tư duy, con người, phương thức thực hiện,...) để thay đổi căn bản bản chất kinh doanh của PV GAS từ đơn vị phân phối sang mô hình kinh doanh tích hợp mang tính vượt trội, từng bước hình thành chuỗi kinh doanh năng lượng - dịch vụ đồng bộ, tạo sự chủ động và đột phá cho hoạt động kinh doanh phù hợp với cơ chế thị trường, thích ứng với xu thế chuyển đổi, phát triển hiện đại; chuyển từ quản lý hợp đồng sang quản lý nguồn khí; chuyển dịch từ nhà vận chuyển sang nhà kinh doanh khí, hoàn thiện mô hình kinh doanh 1 khách hàng – 1 nguồn khí sang đa khách hàng đa nguồn; đẩy mạnh phát triển thị trường kinh doanh nói chung, thị trường kinh doanh quốc tế nói riêng; làm việc với các bên liên quan và được PVN giao tiếp nhận, quản lý hợp đồng mua bán khí PM3-CAA từ tháng 10/2025 khẳng định vai trò, năng lực của PV GAS trong việc trở thành nhà mua bán khí nội địa duy nhất của PVN, tham

gia đầy đủ vào chuỗi cung ứng khí thiên nhiên; chỉ đạo phối hợp tốt với các khâu trong chuỗi giá trị khí – các đơn vị trong hệ sinh thái công nghiệp – năng lượng khí; chỉ đạo xây dựng, đàm phán, trình duyệt giá khí, cước phí, phân bổ sản lượng khí, cũng như chấp thuận để ký mới/sửa đổi, bổ sung các Bản ghi nhớ, Hợp đồng/Phụ lục, Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng mua, bán, vận chuyển, nén khí từ nguồn khí LNG nhập khẩu, Cừu Long, Nam Côn Sơn, Nam Côn Sơn 2, PM3 Cà Mau, Hàm Rồng - Thái Bình và các nguồn khí mới, tuân thủ các quy định của Nhà nước, PVN, thỏa thuận mới về giá khí, cước phí, phân bổ sản lượng khí. Năm 2025, PV GAS tiếp tục duy trì cung cấp nguồn nguyên, nhiên liệu ổn định để sản xuất gần 7% sản lượng điện, 70% sản lượng đạm, chiếm lĩnh trên 70% thị phần LPG cả nước, với hoạt động kinh doanh khí hóa lỏng tăng trưởng mạnh và đánh dấu cột mốc kỷ lục mới, trở thành động lực tăng trưởng chủ lực trong bối cảnh khí nội địa ngày càng suy giảm.

Đầu tư xây dựng: bên cạnh việc tiếp tục mở rộng, nâng cấp các cơ sở hạ tầng công trình khí hiện hữu như: dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô môn, dự án mở rộng, nâng công suất kho chứa LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm, dự án đường ống Sur Từ Trảng pha 2B, ..., HDQT chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư tại các khu vực địa bàn chiến lược. Đặc biệt trong năm 2025, PV GAS đã nhận được chấp thuận của UBND tỉnh Hà Tĩnh về chủ trương đầu tư và nhà đầu tư dự án kho LNG Vũng Áng và ý kiến đồng ý của Thành ủy Tp. Hải Phòng về chủ trương đầu tư dự án Kho cảng PV GAS tại Cái Tráp, đặt dấu mốc quan trọng trong việc hình thành hệ sinh thái công nghiệp năng lượng của PV GAS tại khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Xem xét mở rộng hợp tác đầu tư thượng nguồn và M&A từ đó hoàn thiện hệ sinh thái hạ tầng chuỗi Công nghiệp năng lượng khí từ thượng nguồn – trung nguồn đến hạ nguồn.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025 (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Tổ chức, nhân sự và tái cấu trúc/tái cơ cấu

Hội đồng Quản trị chỉ đạo:

- Thực hiện tái cấu trúc/tái cơ cấu theo phương án được duyệt cũng như xây dựng phương án mới phù hợp với chiến lược phát triển trong tình hình mới: hoàn thành tăng vốn điều lệ của PV GAS năm 2025 thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; hoàn thành thành lập, đi vào hoạt động từ cuối Quý I/2025 Công ty PV GAS International; hoàn thiện các thủ tục thành lập, triển khai công tác kinh doanh của Chi nhánh Logistics; hoàn thành tái cấu trúc bộ máy Cơ quan điều hành và các Đơn vị trực thuộc.
- HDQT chỉ đạo về tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên; cho ý kiến chỉ đạo để Người đại diện tham gia biểu quyết/có ý kiến tại HDQT, ĐHCĐ của các công ty con, công ty liên kết phù hợp với định hướng và quy định của PV GAS.
- Năng suất lao động, thu nhập của người lao động cao hơn cùng kỳ năm trước.

Tài chính: HDQT chỉ đạo rà soát để sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ; lập báo cáo dòng tiền ngắn hạn và định kỳ cập nhật báo cáo dòng tiền – dài hạn để thường xuyên đánh giá khả năng đáp ứng vốn đầu tư trong từng giai đoạn, từ đó đưa ra các giải pháp phát huy hiệu quả quản lý vốn; triển khai các giải pháp phù hợp, hiệu quả trong việc xử lý/thu hồi một số khoản nợ quá hạn; đảm bảo thu xếp vốn đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ các dự án với phí cạnh tranh; ban hành và quán triệt thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (PV GAS đã tiết giảm khoảng 383 tỷ đồng, bằng 120% kế hoạch); chi trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết của ĐHCĐ (21% vốn điều lệ 23.426,7 tỷ đồng). Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch tài chính và tăng trưởng so với năm 2024; trong đó, ghi nhận dấu mốc kỷ lục mới về doanh thu hợp nhất đạt 136.843 tỷ đồng, bằng 183% kế hoạch và 130% so với thực hiện năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 14.359 tỷ đồng, bằng 216% kế hoạch và 109% so với thực hiện 2024, đóng góp khoảng 20% doanh thu và 23% lợi nhuận hợp nhất toàn PVN.



- Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:** HDQT đã ban hành Quy chế Khoa học và Công nghệ, phê duyệt kế hoạch trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2025 - 2030; chỉ đạo không ngừng đẩy mạnh, có chiều sâu và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát huy sáng kiến, sáng chế; tiếp tục chuyển đổi số trong mọi hoạt động SXKD; triển khai hệ thống ERP phù hợp với công tác quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới và đồng bộ với PVN; Phê duyệt nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm quy mô nhỏ sản xuất, vận chuyển, cung cấp Green Hydrogen.
- An sinh xã hội, an ninh quốc phòng:** HDQT đã ban hành quy chế quản lý công tác an sinh xã hội, phê duyệt chương trình và ngân sách an sinh xã hội với các chương trình dành cho giáo dục, y tế, cộng đồng,...; chỉ đạo triển khai công tác an sinh

xã hội thiết thực, đúng đối tượng với tổng kinh phí khoảng 372 tỷ đồng; chỉ đạo phối hợp công tác đảm bảo an ninh tuyến ống của PV GAS với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng ngoài khơi và trên đất liền.

Văn bản quy phạm quản lý nội bộ: HDQT ban hành Quy chế hoạt động của HDQT trên cơ sở Nghị quyết của ĐHCĐ; chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm quản lý nội bộ để phù hợp với các quy định mới của pháp luật, đáp ứng yêu cầu trong thực tiễn hoạt động của PV GAS và các Đơn vị, nhất quán, tinh gọn, khả thi, hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp và hệ thống quy định nội bộ. Trong năm 2025, HDQT đã ban hành/sửa đổi 12 quy chế thuộc thẩm quyền và đang tiến hành sửa đổi, cập nhật 2 văn bản.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025 (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Bình Chủ tịch HĐQT

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Ông Phạm Văn Phong Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Ông Triệu Quốc Tuấn Thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch SXKD (hàng năm, trung hạn, dài hạn); tổ chức, nhân sự, tái cấu trúc/tái cơ cấu.

Đơn vị phụ trách: Tổng thể hoạt động của toàn PV GAS.

Nhận xét: Ông Nguyễn Thanh Bình thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực và đơn vị phụ trách.

Đơn vị phụ trách: Bộ máy Cơ quan điều hành.

Nhận xét: Ông Phạm Văn Phong thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về đơn vị phụ trách.

Lĩnh vực phụ trách: công tác điều độ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí (bao gồm cả các cơ chế, chính sách) cho các khách hàng điện, đạm; công tác pháp chế, nội chính, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác đào tạo, truyền thông, văn hóa doanh nghiệp và an sinh xã hội; Hợp đồng hợp tác kinh doanh đường ống khí Nam Côn Sơn.

Đơn vị phụ trách: Chi nhánh PV GAS LNG, Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ, Chi nhánh - Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Công ty TNHH PV GAS International.

Nhận xét: Ông Triệu Quốc Tuấn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực và đơn vị phụ trách.

Ông Trần Nhật Huy Thành viên HĐQT

(Được ĐHĐCĐ bầu giữ chức Thành viên HĐQT từ ngày 30/5/2025 tại 56/NQ-KVN ngày 30/5/2025)

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Ông Đỗ Đông Nguyên Thành viên độc lập HĐQT

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Ông Trịnh Văn Khiêm Thành viên HĐQT

(Được ĐHĐCĐ bầu giữ chức Thành viên HĐQT từ ngày 30/5/2025 tại 57/NQ-KVN ngày 30/5/2025)

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Ông Nguyễn Thanh Hào Thành viên độc lập HĐQT

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác sản xuất (bao gồm vận hành và bảo dưỡng sửa chữa); công tác quản trị rủi ro; công tác khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo; chuyên dịch năng lượng; chuyển đổi số.

Đơn vị phụ trách: Ban Kiểm soát nội bộ, Chi nhánh Khí Tây Nam; Chi nhánh khí Bắc Bộ, Chi nhánh PV GAS Logistics.

Nhận xét: Ông Trần Nhật Huy thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực và đơn vị phụ trách.

Lĩnh vực phụ trách: Công tác đầu tư xây dựng và danh mục đầu tư; quản lý đầu thầu; Công tác dịch vụ; Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Đường ống khí Lô B - Ô Môn, bao gồm cả các công việc liên quan đến Chuỗi Dự án Lô B.

Đơn vị phụ trách: Công ty Quản lý dự án Khí, Công ty Dịch vụ Khí, Công ty TNHH Kho cảng LNG Sơn Mỹ, Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

Nhận xét: Ông Đỗ Đông Nguyên thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực và đơn vị phụ trách.

Lĩnh vực phụ trách: công tác kinh doanh khí khô/LNG/sản phẩm khí (bao gồm cả các cơ chế, chính sách) cho các khách hàng ngoài điện, đạm; hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PV GAS và PVOIL để sản xuất thành phẩm xăng nền, DO và các sản phẩm khác.

Đơn vị phụ trách: Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí, Công ty cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần CNG Việt Nam, Công ty cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam, Công ty cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam.

Nhận xét: Ông Trịnh Văn Khiêm thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực và đơn vị phụ trách.

Lĩnh vực phụ trách: Công tác tài chính - kế toán, kiểm toán, kiểm toán nội bộ, đầu tư tài chính, quan hệ cổ đông; Công tác quản lý tài sản, nhà đất, bảo hiểm; Công tác lao động, tiền lương; Hợp đồng hợp tác kinh doanh Cao ốc văn phòng PV GAS Tower.

Đơn vị phụ trách: Người phụ trách và bộ phận kiểm toán nội bộ, Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH Khí nhiên liệu giao thông vận tải PV Gazprom, Công ty cổ phần LNG Việt Nam.

Nhận xét: Ông Nguyễn Thanh Hào thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực và đơn vị phụ trách.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tổng thể: HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị công ty đại chúng; tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT.

Chi tiết như tại Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động trong năm 2025 của HĐQT.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

PV GAS đã hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, đạt mốc doanh thu kỷ lục 136.843 tỷ đồng tăng 30%, lợi nhuận tăng 9% so với kết quả thực hiện năm 2024. Kết quả cụ thể như được trình bày tại Báo cáo của Ban TGD.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH PV GAS TRONG NĂM 2025 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGD hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS trong năm 2025 cụ thể:

- Triển khai, chỉ đạo các ban, văn phòng, trung tâm, đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ.

- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, sát sao, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của PV GAS và cổ đông.

- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD theo đúng phân cấp giữa HĐQT và TGD.
- Báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/ĐHĐCĐ và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của TGD.
- Làm việc thường xuyên với các ban, văn phòng, trung tâm, đơn vị để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD cũng như chấn chỉnh những tồn tại (nếu có).

- Xây dựng tầm nhìn chiến lược lâu dài và hoạch định sẵn sàng các kế hoạch, giải pháp linh hoạt, nhạy bén để sẵn sàng đối phó với các bất lợi, rủi ro.

Cùng với ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban TGD quản lý, điều hành hoạt động SXKD của PV GAS đạt hiệu quả cao, thiết lập các kỷ lục về doanh thu, lợi nhuận, đáp ứng kỳ vọng của HĐQT, ĐHĐCĐ trong năm 2025 cũng như tạo nền tảng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030 và Chiến lược phát triển PV GAS.

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KHÁC

Hội đồng Quản trị

- Tổ chức 17 cuộc họp HĐQT (hình thức trực tiếp) và thường xuyên lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến chiến lược, cơ chế, chính sách, sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính kế toán, tổ chức nhân sự, tái cơ cấu, chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi số, kỹ thuật công nghệ, nghiên cứu phát triển, hợp tác đầu tư, an sinh xã hội, ... của PV GAS và các đơn vị. 100% số lượng Thành viên HĐQT tham gia tất cả cuộc họp HĐQT. Chi tiết nội dung, kết quả họp và lấy ý kiến của HĐQT như công văn số 192/KVN-HQĐT ngày 30/01/2026 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 đã được công bố thông tin.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 30/5/2025. 100% số lượng Thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của các đoàn kiểm tra, giám sát của các Bộ, Ngành, cấp có thẩm quyền và nội bộ PV GAS (Ban Kiểm soát, Bộ phận Kiểm toán nội bộ, các đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ, ...), đồng thời tổ chức Chương trình giám sát do HĐQT chủ trì và chỉ đạo thực hiện các kết luận (nếu có).
- Trao đổi, chất vấn, giám sát Ban TGD về triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ; về quản lý, điều hành hoạt động SXKD.
- Tham gia các buổi làm việc cùng Ban TGD để chỉ đạo thực hiện các giải pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoạt động SXKD.

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HQĐT ban hành trên 150 Nghị quyết, Quyết định cũng như các Biên bản, văn bản chỉ đạo khác để quản trị PV GAS đối với những vấn đề thuộc phân cấp, thẩm quyền quyết định của HĐQT; tập trung vào các vấn đề như nêu tại Mục I.1.

Chi tiết như tại công văn số 192/KVN-HQĐT ngày 30/01/2026 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 đã được công bố thông tin.

THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chi tiết thù lao của HĐQT và từng Thành viên HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán.

Các chi phí hành chính và chi phí liên quan đến hoạt động của HĐQT tuân thủ Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý tài chính và các định mức chi tiêu nội bộ của PV GAS.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA PV GAS VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA PV GAS VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH

HĐQT ban hành 12 Nghị quyết liên quan đến các giao dịch nêu trên và đã được công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Chi tiết như tại công văn số 192/KVN-HĐQT ngày 30/01/2026 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 đã được công bố thông tin.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2026

Năm 2026, bên cạnh những tác động từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới, đặc biệt là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng hai con số của đất nước, nội tại PV GAS phải đổi mới và giải quyết các vấn đề về:

- Nguồn khí trong nước:** Dự kiến tiếp tục suy giảm và tiềm ẩn rủi ro từ sự cố phía thượng nguồn, có thể kéo dài thời gian dừng/gián đoạn cấp khí.
- Thị trường LNG:** Nhập khẩu và tiêu thụ LNG vẫn phụ thuộc lớn vào giá nhập khẩu và khả năng hấp thụ của khách hàng. Nhu cầu tiêu thụ khí cho sản xuất điện dự kiến vẫn thiếu ổn định, chịu ảnh hưởng của biến động giá nhiên liệu thay thế, các chính sách liên quan đến nguồn năng lượng khác, thời tiết và sự huy động từ NSMO/EVN.
- Thị trường khách hàng công nghiệp:** Khách hàng công nghiệp dự kiến tiếp tục gặp khó khăn về sản phẩm đầu ra từ các yếu tố bên ngoài, cùng với sự cạnh tranh gay gắt từ các nguồn nhiên liệu thay thế và sự xuất hiện của các nhà cung cấp LNG mới.
- Thị trường LPG:** Các đối thủ cạnh tranh khốc liệt để giành thị phần kinh doanh LPG, với lợi thế về kho chứa và chính sách tài chính linh hoạt. Các đối thủ nước ngoài tiềm năng tiếp tục thâm nhập vào thị trường LPG Việt Nam. Hoạt động chiết nạp trái phép LPG còn tiếp diễn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bán lẻ LPG của PV GAS/PV GAS LPG.
- Cơ chế chính sách:** Việc thể chế hóa các chủ trương, định hướng, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lĩnh vực khí vẫn cần có thời gian để triển khai và đi vào đời sống kinh tế.

Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 và các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn mới, HĐQT xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

1 (i) Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp, sắc bén với tinh thần trách nhiệm cao

- Tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp, sắc bén với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Duy trì các phiên họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần theo quy định tại Điều 30 Quy chế hoạt động, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, linh hoạt áp dụng hình thức làm việc trực tiếp tại văn phòng PV GAS hoặc làm việc từ xa (tùy thuộc tình hình thực tế) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, phân cấp của HĐQT.
- Tiếp tục xem xét, quyết định, chỉ đạo: công tác xây dựng, thực hiện Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch 5 năm 2026-2030; xác định các vấn đề, công việc ưu tiên trong hoạt động SXKD của PV GAS; xây dựng, kiến nghị, phê duyệt các vấn đề về cơ chế, chính sách; kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS, thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT và các cấp có thẩm quyền; tổ chức thực hiện các ủy quyền của ĐHCĐ (nếu có).



(ii) Đồng thời, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các Đơn vị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Phát triển chiến lược và mô hình kinh doanh:**
 - Triển khai các nhiệm vụ hoạt động SXKD với chủ đề công tác năm 2026: "Kiến tạo hạ tầng; thúc đẩy mô hình kinh doanh vượt trội; tiên phong sản phẩm xanh" triển khai mạnh mẽ chiến lược "Lấy sản xuất, vận hành làm trung tâm, đầu tư làm nền tảng và kinh doanh mở rộng thị trường, chú trọng thị trường quốc tế làm động lực" để duy trì tăng trưởng hai con số, tiếp tục giữ vững vai trò chủ đạo, tiên phong trong Ngành năng lượng khí Việt Nam gắn liền với định hướng Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch 5 năm 2026-2030.
 - Đẩy mạnh chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo hướng "chuyển đổi kép", tối ưu và làm mới các động lực truyền thống, đồng thời tìm kiếm và thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, sử dụng công nghệ để tạo ra sản phẩm/giá trị mới.
 - Tối ưu hóa hệ thống quản trị, hoàn thiện mô hình vận hành quản trị hiện đại, chuyên nghiệp, nhất quán, bài bản, hiệu quả, phù hợp với giai đoạn phát triển mới.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển thị trường:**
 - Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh; thực hiện cân đối, ổn định, điều độ linh hoạt, hiệu quả, hợp lý; đảm bảo hệ thống thiết bị luôn sẵn sàng cung cấp khí, sản phẩm khí theo phương án tối ưu/tối đa cho các khách hàng.
 - Xây dựng kế hoạch/phương án và tổ chức/phối hợp thực hiện bảo dưỡng sửa chữa, vận hành an toàn, tối ưu các hệ thống khí.
 - Quản lý và khai thác hiệu quả các hệ thống/công trình khí hiện hữu, thực hiện điều độ linh hoạt, cung cấp khí và các sản phẩm khí cho khách hàng tối ưu, đảm bảo tiêu thụ toàn bộ sản lượng khí về bờ.
 - Đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ khí/LNG/sản phẩm khí, đa dạng hóa sản phẩm và hộ tiêu thụ, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh quốc tế, phát triển các dịch vụ mới (dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ logistics, cho thuê hạ tầng,...).
 - Đàm phán, ký kết, quản lý và khai thác hiệu quả các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí, LNG, sản phẩm khí ngay từ những tháng đầu năm để thúc đẩy hiệu quả chuỗi giá trị PVN.
- Đầu tư và phát triển hạ tầng:**
 - Tập trung triển khai hiệu quả, đẩy mạnh công tác đầu tư và củng cố hệ thống quản trị danh mục, kiểm soát

chất lượng và tiến độ các dự án/hạng mục công trình đầu tư trọng điểm: Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn; Mở rộng, nâng cấp kho chứa LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn; Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng; Kho cảng LPG Hải Phòng; Kho LNG Bắc Trung Bộ (Vũng Áng) và tiếp tục nghiên cứu/triển khai các phương án đầu tư mở rộng hệ thống hạ tầng và đa dạng hóa sản phẩm, tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm, có thể mạnh để cùng tham gia đầu tư.

Nghiên cứu, triển khai các phương án đầu tư chiến lược để mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Quản trị tài chính và rủi ro:

- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị (quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái, quản trị dựa trên nền tảng số,...); tối ưu quản lý tài sản và nguồn lực hiện có; tăng cường phân tích, dự báo, quản trị rủi ro nhằm tăng cường kiểm soát chi phí, giảm giá thành, gia tăng lợi nhuận; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đảm bảo năng lực cạnh tranh.
 - Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc/tái cơ cấu phù hợp với tình hình mới và Chiến lược phát triển PV GAS, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, quản lý và điều hành PV GAS và các Đơn vị, cũng như bảo toàn nguồn vốn đầu tư.
 - Xem xét tham gia cùng đầu tư/mua cổ phần/góp vốn các dự án trong và ngoài nước nếu có cơ hội thuận lợi và đảm bảo tính hiệu quả. Đẩy mạnh công tác M&A để mở rộng chuỗi giá trị, đa dạng hóa các sản phẩm/dịch vụ và gia tăng quy mô của Tổng công ty.
- Chính sách và quy định nội bộ:**
- Chủ động, phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách về cước phí, giá khí/LNG, tiêu chuẩn và quy chuẩn liên quan đến ngành khí.
 - Tiếp tục kiến nghị, đề xuất thể chế hóa các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực khí/LNG (cơ chế bán khí, cước phí) và chủ động phối hợp với các bộ/ngành, chính quyền địa phương để hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật tạo chủ động và đột phá cho PV GAS phù hợp với cơ chế thị trường và duy trì vai trò chủ đạo của PV GAS trong ngành công nghiệp khí.
 - Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền, đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD, thích ứng với cơ chế thị trường.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2026 (Tiếp theo)

3

(iii) Mục tiêu phần đầu năm 2026 của PV GAS là

- Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo an ninh các công trình khí.
- Khai thác và nhập khẩu

Khí khai thác trong nước, LNG nhập khẩu

7.435 triệu Sm³ (trong đó LNG nhập khẩu 900 triệu Sm³)

- Tiêu thụ

Sản phẩm khí khô
và LNG tái hóa

7.117 triệu Sm³

LNG xe bồn
và KDQT

255 nghìn tấn

LPG

3,62 triệu tấn

Condensate

75,5 nghìn tấn

- Các chỉ tiêu Tài chính Công ty mẹ

Tổng doanh thu

125.579 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

11.002 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

8.801 tỷ đồng

Giá trị thực hiện đầu tư

8.336 tỷ đồng

Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL

20%

- Tiếp tục là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV GAS.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng BKS	05/05/2020	30/05/2025	Cử nhân kế toán
2	Ông Trịnh Văn Minh	Trưởng BKS	30/05/2025		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
3	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên	15/04/2016 (được bầu lại vào ngày 16/04/2021)		Cử nhân kế toán
4	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Kiểm soát viên	16/04/2021		Cử nhân kinh tế

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Hoàng Anh	05/05	100%	100%
2	Ông Trịnh Văn Minh	08/08	100%	100%
3	Ông Nguyễn Công Minh	13/13	100%	100%
4	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	13/13	100%	100%

Trong năm 2025, Ban kiểm soát tổ chức 13 cuộc họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát các đơn vị, thống nhất nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, và tổng kết tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân và tập thể Ban kiểm soát, cụ thể:

- Lần 1:** ngày 20/02/2025: Thảo luận và thống nhất thông qua nội dung các báo cáo chuẩn bị cho ĐHĐCĐ năm 2025:
 - Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, các báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HBQT PV GAS;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025.
- Lần 2:** ngày 20/03/2025: Thảo luận và thống nhất thông qua các nội dung:
 - Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của PV GAS.
 - Báo cáo thẩm định quý tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024.
 - Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025 của Ban Kiểm soát.

- Lần 3:** ngày 09/04/2025: Thảo luận và thống nhất thông qua các nội dung:
 - Tình hình thực hiện công tác kiểm tra giám sát Quý I/2025.
 - Báo cáo tài chính Công ty mẹ và BCTC hợp nhất Quý I/2025.
- Lần 4:** ngày 05/05/2025: Thảo luận các nội dung:
 - Rà soát tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát qua các đợt kiểm tra giám sát các đơn vị.
 - Rà soát tình hình thực hiện các kiến nghị của các Đoàn kiểm tra, thanh tra.
- Lần 5:** Ngày 29/05/2025: Rà soát nội dung:
 - Rà soát tình hình thực hiện kế hoạch công tác của Ban kiểm soát, đặc biệt công tác kiểm tra giám sát trong quý I và quý II năm 2025.
- Lần 6:** ngày 30/05/2025: Thống nhất bầu Trưởng ban Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Lần 7:** ngày 09/06/2025: Thảo luận, trao đổi và thống nhất các nội dung:
 - Phân công nhiệm vụ - trách nhiệm của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.
 - Rà soát tình hình thực hiện kế hoạch công tác của Ban kiểm soát, đặc biệt là kế hoạch thực hiện kiểm tra giám sát tại PV GAS COATING và PV GAS PIPE trong tháng 06/2025.
- Lần 8:** ngày 09/07/2025: Thảo luận các nội dung:
 - Tình hình thực hiện công tác kiểm tra giám sát Quý II/2025.
 - BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025.
- Lần 9:** ngày 22/08/2025: Thảo luận, trao đổi và thống nhất các nội dung:
 - Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính Công ty mẹ và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.
- Tình hình thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát cho các tháng cuối năm 2025.
- Kết quả kiểm tra hoạt động năm 2025 tại PV GAS VUNG TAU
- Lần 10:** ngày 30/09/2025: Thảo luận, trao đổi và thống nhất nội dung:
 - Kết quả kiểm tra hoạt động năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 tại PV GAS LPG.
 - Kết quả kiểm tra giám sát quý III/2025.
- Lần 11:** ngày 31/10/2025: Thảo luận và thống nhất thông qua các nội dung:
 - Báo cáo tháng 10/2025.
 - Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính Công ty mẹ và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2025.
- Lần 12:** ngày 27/11/2025: Thảo luận, trao đổi và thống nhất các nội dung:
 - Báo cáo tháng 11/2025.
 - Kết quả kiểm tra hoạt động năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 tại PV GAS SERVICES.
 - Kết quả thực hiện kế hoạch 2025 và xây dựng kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên.
 - Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm toán nội bộ năm 2025 của PV GAS.
- Lần 13:** ngày 25/12/2025: Thảo luận các công việc cuối năm 2025
 - Báo cáo tháng 12/2025.
 - Giám sát công tác kiểm kê cuối năm 2025.
 - Kết quả kiểm tra giám sát Quý IV/2025.
 - Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính Quý IV, BCTC năm 2025.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT nghiêm túc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được ĐHCĐ phê duyệt.
- HĐQT ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ PV GAS.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò định hướng, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường phân cấp cho Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc và Người đại diện phần vốn của PV GAS tại doanh nghiệp khác nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả hoạt động.
- HĐQT chỉ đạo thực hiện công tác tái cơ cấu/tái cấu trúc PV GAS theo kế hoạch/phương án đã được phê duyệt.
- HĐQT tích cực thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và chủ động tạo lập thị trường kinh doanh khí, quảng bá thương hiệu của PV GAS trong nước và quốc tế.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng Giám đốc triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Tổng Giám đốc luôn chú trọng, tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
- Ban Tổng Giám đốc nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại biên bản của thanh tra, kiểm tra của các Bộ/ngành.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện công tác tái cơ cấu/tái cấu trúc PV GAS theo kế hoạch/phương án được phê duyệt.
- Ban Tổng Giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Tiền lương và chế độ chính sách: thực hiện chi trả lương và chế độ chính sách đúng các quy định, quy chế hiện hành.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc PV GAS luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ PV GAS, các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT trong hoạt động quản lý, điều hành của PV GAS.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, việc giao kế hoạch năm 2026 của Công ty mẹ và các đơn vị.
- Theo dõi, đánh giá việc triển khai các biện pháp quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; Giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán theo quy định.
- BKS đã thực hiện kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc và thành viên theo kế hoạch năm 2025, đồng thời tiếp tục rà soát, đôn đốc để xử lý các vấn đề còn tồn tại đang thực hiện của năm 2024.
- BKS có các ý kiến đóng góp kịp thời về công tác quản lý điều hành nhằm tăng cường công tác giám sát theo quy định.
- BKS thực hiện soát xét, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 theo quy định.
- Báo cáo tài chính PV GAS đã lập đúng theo quy định của Bộ Tài chính và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ doanh thu, thu nhập, nộp ngân sách và tình hình nợ phải thu phải trả của đơn vị.
- BKS thẩm định quỹ tiền lương, tiền thưởng 2024 của PV GAS.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, việc cân đối và quản lý dòng tiền.
- Thông qua các báo cáo của PV GAS, BKS đánh giá tình hình đầu tư vốn vào các đơn vị khác, để kiểm soát tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong PV GAS cũng như để giám sát nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- BKS tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo PV GAS với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên.
- BKS thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo quy chế hoạt động của BKS.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch có những thuận lợi và khó khăn đan xen, trong đó các khó khăn đến nhiều hơn, cụ thể:

- Tình hình địa chính trị căng thẳng, chính sách thuế quan giữa các nước trên thế giới có nhiều thay đổi, diễn biến khó lường, khó dự báo, liên tục đảo chiều.
- Giá dầu Dated Brent, giá CP biến động, không theo dự báo, thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2024: giá dầu Dated Brent trung bình 69 USD/thùng, bằng 86% so với năm 2024; giá CP của LPG trung bình 556 USD/tấn, bằng 91% so với năm 2024; giá than thế giới (nhiên liệu cạnh tranh trực tiếp với khí) tiếp tục duy trì ở mức thấp, trung bình khoảng 108 USD/tấn, bằng 79% so với năm 2024.
- Tỷ giá nhiều biến động, liên tục tăng ở các tháng đầu năm, các tháng cuối năm ở mức ổn định và duy trì ở mức cao. Tỷ giá VND/USD cuối năm tăng khoảng 3% so với đầu năm 2025.
- GDP của Việt Nam năm 2025 tăng 8,02% (đạt mục tiêu đề ra); Ngành sản xuất Việt Nam chịu tác động từ căng thẳng thuế quan giữa các nước trên thế giới, tuy nhiên dần phục hồi và ổn định trong nửa cuối của năm 2025 (chỉ số PMI duy trì trên 50 điểm kể từ tháng 7).
- Nhu cầu tiêu thụ khí/LNG cho sản xuất điện thấp hơn năm 2024 (chỉ bằng 94%) do tăng trưởng nhu cầu điện thấp (chỉ đạt 3,78%), trong đó tăng huy động thủy điện và các nguồn năng lượng khác (tỷ trọng điện khí hiện chỉ chiếm gần 6,3% tổng sản lượng điện quốc gia).
- Cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng ngày càng gay gắt, thị trường LPG nội địa gần như bão hòa, không còn dư địa để tăng trưởng (PV GAS chiếm trên 70% thị phần); các lĩnh vực truyền thống, cốt lõi (khí nội địa) ngày càng giảm do hạn chế về nguồn cung, để duy trì như hiện tại cũng như đạt mục tiêu tăng trưởng là hết sức khó khăn. PV GAS xác định, tập trung vào hoạt động kinh doanh LPG, LNG quốc tế làm động lực tăng trưởng chủ lực trong điều kiện thị trường kinh doanh không thuận lợi.
- Các cơ chế chính sách liên quan lĩnh vực khí cũng như cước phí/giá khí/LNG cho sản xuất điện đã được quan tâm nhưng việc triển khai/áp dụng vẫn còn nhiều khó khăn do chưa được quy định/hướng dẫn rõ ràng.



Với việc lường trước những khó khăn, tận dụng tốt các cơ hội nội tại cũng như biến động của thị trường, với phương châm **"Nói ít - Nghĩ nhiều - Làm nhiều, Tốc độ nhanh - Hiệu quả cao"**, cùng tinh thần **"Tiên phong - Vượt trội - Bền vững - Toàn cầu"**, lãnh đạo PV GAS đã quyết tâm, kiên trì thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản trị điều hành, điều chỉnh mô hình, tập trung phát triển kinh doanh, đẩy mạnh và mở rộng thị trường kinh doanh quốc tế, tối ưu chi phí,... Cùng với sự nỗ lực không ngừng của tập thể người lao động, PV GAS đã hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 59/NQ-KVN ngày 30/5/2025, thiết lập nhiều kỷ lục và cột mốc quan trọng, cụ thể như sau:

- Tất cả hệ thống/công trình khí của PV GAS được quản lý an toàn và khai thác hiệu quả; công tác bảo dưỡng sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn triển khai theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn. Hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa dừng khí định kỳ hàng năm, đưa các hệ thống khí vào vận hành trước tiến độ, gia tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ. Hoàn thành nâng công suất tái hóa kho LNG Thị Vải lên 233 tấn/giờ (khoảng 7,7 triệu m³ khí/ngày), góp phần quan trọng trong việc gia tăng khả năng cấp khí cho các hộ tiêu thụ.

CÔNG SUẤT TÁI HÓA KHO LNG THỊ VẢI

233

tấn/giờ
(khoảng 7,7 triệu m³ khí/ngày)



VỀ SẢN LƯỢNG

- Tiếp nhận trên 6,4 tỷ m³ khí (bao gồm 539 triệu m³ LNG nhập khẩu), bằng 105% kế hoạch (bằng 96% so với năm 2024); Cung cấp 6,2 tỷ m³ khí khô (bao gồm 489 triệu m³ khí LNG tái hóa), bằng 105% kế hoạch (bằng 97% so với năm 2024).
- Sản xuất và tiêu thụ trên 69 nghìn tấn condensate, bằng 122% kế hoạch và bằng 91% so với năm 2024; sản xuất 376 nghìn tấn LPG, bằng 102% kế hoạch và bằng 94% so với năm 2024.
- Kinh doanh khí hóa lỏng (LPG, LNG) tăng trưởng mạnh và đánh dấu cột mốc kỷ lục mới, trở thành động lực tăng trưởng chủ lực trong bối cảnh khí nội địa ngày càng suy giảm. Sản lượng kinh doanh đạt trên 5 triệu tấn LPG/LNG, bằng 286% kế hoạch (tăng 65% so với năm 2024). Trong đó, kinh doanh nội địa gần 1,8 triệu tấn (tăng 9% so với năm 2024), kinh doanh quốc tế trên 3,3 triệu tấn (tăng 129% so với năm 2024); đánh dấu việc PV GAS gia nhập vào thị trường và ghi tên vào bản đồ kinh doanh LNG quốc tế (sản lượng gần 600 nghìn tấn LNG).



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 (Tiếp theo)

VỀ TÀI CHÍNH

- PV GAS ghi nhận dấu mốc kỷ lục mới về doanh thu; Tổng doanh thu hợp nhất đạt 136.843 tỷ đồng, bằng 185% kế hoạch, tăng 30% so với năm 2024, đóng góp 20% doanh thu hợp nhất của PVN.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 14.359 tỷ đồng, bằng 216% kế hoạch, tăng 9% so với năm 2024, đóng góp khoảng 23% lợi nhuận hợp nhất toàn PVN.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 11.572 tỷ đồng, bằng 218% kế hoạch, tăng 9% so với năm 2024.
- Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước 7,5 nghìn tỷ đồng, bằng 213% kế hoạch, tăng 6% so với năm 2024.

VỀ THỊ PHẦN

- Tiếp tục duy trì cung cấp nguồn nguyên, nhiên liệu ổn định để sản xuất gần 7% sản lượng điện, 70% sản lượng đạm, chiếm lĩnh trên 70% thị phần LPG cả nước (trong đó chiếm 78% thị phần miền Nam, 60% thị phần miền Bắc và 75% thị phần miền Trung); hoạt động kinh doanh LNG xe bồn tiếp tục được đẩy mạnh và phát triển sản lượng.



- Công tác đầu tư xây dựng được PV GAS triển khai tích cực. Tổng giá trị giải ngân cho công tác đầu tư xây dựng Công ty mẹ đạt trên 3 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt được UBND tỉnh Hà Tĩnh và Thành ủy Thành phố Hải Phòng chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư dự án kho LNG tại Bắc Bộ/Bắc Trung Bộ (kho LNG Vũng Áng), dự án kho cảng PV GAS Hải Phòng, tạo ra động lực phát triển mới trong giai đoạn tới.
- Các hoạt động khác liên quan xây dựng chiến lược/kế hoạch, cơ chế chính sách, hợp đồng mua bán khí/sản phẩm khí và dịch vụ liên quan, tái cơ cấu, thực hành tiết kiệm,... được triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả khả quan.

PV GAS tiếp tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao

TOP 10
(HANG 02)
Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và kinh doanh hiệu quả 2025 – Ngành Năng lượng – Dầu khí

TOP 20
(HANG 17)
Doanh nghiệp dẫn đầu Bảng xếp hạng PROFIT500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam

TOP 50
(HANG 15)
Công ty Đại chúng uy tín và hiệu quả năm 2025

TOP 10
Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam 2025 và Doanh nghiệp tiên phong đổi mới sáng tạo năm 2025

TOP 50
13 NĂM LIÊN TIẾP
Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2025

Đạt 03
Kỳ lục Việt Nam

(Nhà máy Xử lý khí Nam Côn Sơn - Nhà máy có công suất xử lý khí lớn nhất Việt Nam; Đường ống khí Nam Côn Sơn - Đường ống 02 pha vận chuyển dòng lưu thể khí thiên nhiên và chất lỏng condensate dài nhất, với công suất vận chuyển khí lớn nhất Việt Nam; Đơn vị khai thác, vận hành Kho cảng LNG Thị Vải - Kho cảng khí thiên nhiên hóa lỏng đầu tiên tại Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TIẾP NHẬN, SẢN XUẤT, KINH DOANH KHÍ KHÔ VÀ LNG TÁI HÓA KHÍ

Ngoài thời gian dừng cấp khí để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch, các hệ thống tiếp nhận, xử lý, vận chuyển và phân phối khí của PV GAS hoạt động ổn định, liên tục. Công tác ấn định, điều độ khí linh hoạt, phù hợp quy định và hiệu quả; thực hiện nghiêm túc các quy định của hợp đồng mua bán khí.

- Tổng sản lượng khí ẩm tiếp nhận và LNG nhập khẩu đạt trên 6,4 tỷ m³, bằng 105% kế hoạch (bằng 96% so với năm 2024); tổng sản lượng khí khô sản xuất và cung cấp cho khách hàng (bao gồm LNG nhập khẩu) đạt 6,2 tỷ m³ (khách hàng điện trên 3,9 tỷ m³; khách hàng đạm 1,2 tỷ m³; khách hàng công nghiệp trên 1 tỷ m³), bằng 105% kế hoạch (bằng 97% so với năm 2024).



TỔNG SẢN LƯỢNG KHÍ ẨM TIẾP NHẬN VÀ LNG NHẬP KHẨU

>6,4 tỷ m³

bằng 105% kế hoạch
(bằng 96% so với năm 2024)



TỔNG SẢN LƯỢNG KHÍ KHÔ SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP CHO KH (bao gồm LNG nhập khẩu)

~6,2 tỷ m³

(KH điện trên 3,9 tỷ m³; KH đạm 1,2 tỷ m³; KH công nghiệp trên 1 tỷ m³)
bằng 105% kế hoạch (bằng 97% so với năm 2024).



SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN PHẨM LỒNG LPG/LNG VÀ CONDENSATE



Về sản xuất

- Ngoài thời gian thực hiện dừng để bảo dưỡng sửa chữa cùng với thời điểm dừng khí của hệ thống, các nhà máy xử lý khí hoạt động ổn định, vận hành linh hoạt và tối ưu. Tổng sản lượng LPG sản xuất 376 nghìn tấn, bằng 102% kế hoạch, bằng 94% so với năm 2024; sản xuất trên 69 nghìn tấn condensate, bằng 122% kế hoạch, bằng 91% so với năm 2024. Cụ thể:
 - GPP Dinh Cố: Sản xuất 251 nghìn tấn LPG, bằng 102% kế hoạch (bằng 100% so với năm 2024); sản xuất 63,1 nghìn tấn condensate, bằng 124% kế hoạch (bằng 93% so với năm 2024).
 - GPP Cà Mau: Sản xuất 125 nghìn tấn LPG, bằng 100% kế hoạch (bằng 85% so với năm 2024); sản xuất 6,3 nghìn tấn condensate, bằng 105% kế hoạch (bằng 91% so với năm 2024).



Về kinh doanh

- Kinh doanh trên 4,4 triệu tấn LPG, đạt mức kỷ lục mới (trong đó sản xuất và tiêu thụ trong nước trên 1,7 triệu tấn, xuất khẩu và kinh doanh quốc tế đạt trên 2,7 triệu tấn), bằng 235% kế hoạch (tăng 45% so với năm 2024).
- Kinh doanh LNG quốc tế với tổng sản lượng gần 600 nghìn tấn - đánh dấu việc PV GAS bước đầu gia nhập thị trường kinh doanh quốc tế; Cung cấp cho khách hàng công nghiệp bằng xe bồn (nội địa) 38 nghìn tấn LNG.
- Cung cấp cho khách hàng 69 nghìn tấn condensate để sản xuất thành phẩm xăng nền và dầu DO, bằng 122% kế hoạch (bằng 91% so với năm 2024).

HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

- Hoàn thành công tác BDSC dừng khí và TA của các hệ thống khí (Hàm Rồng -Thái Bình từ ngày 29-30/5/2025; GPP Dinh Cố, Cùu Long và NCS2 từ ngày 25/8-02/9/2025; PM3-Cà Mau từ ngày 18-27/8/2025; NCS1 từ ngày 20-22/9/2025). Hoàn thành công tác khảo sát và sửa chữa đường ống biển (khảo sát đoạn ống Riser và đoạn ống 500m gần giàn BR-B thuộc tuyến ống biển 18" PM3-Cà Mau; khảo sát trực quan hiện trạng tuyến ống 12" đoạn gần bờ từ Cồn Thủ đến trạm tiếp bờ và các khu vực ngập nước của tuyến ống bờ từ LFS đến GDC Tiên Hải); Công tác khảo sát và sửa chữa đường ống/trạm trong bờ (khảo sát bên trong MFL các đường ống 16/17" dẫn khí bờ Dinh Cố - Bà Rịa - Phú Mỹ; kiểm tra UT bên trong các đường ống dẫn sản phẩm lỏng Dinh Cố - Thị Vải; khảo sát MFL tuyến ống bờ 26" LNG Thị Vải - Hội Bài);...
- Công tác bảo dưỡng ngăn ngừa, đột xuất, thường xuyên và kiểm định hiệu chuẩn được thực hiện theo kế hoạch, đúng quy trình, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của các cơ quan đăng kiểm, hiệu quả và đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH GIÁ KHÍ/CƯỚC PHÍ; HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ/MUA BÁN KHÍ/LNG

- PV GAS luôn chủ động, tích cực trong việc xây dựng cũng như bám sát, làm việc/giải trình với các Bộ/ngành/cấp có thẩm quyền để thúc đẩy quá trình phê duyệt các cơ chế, chính sách liên quan bán LNG cho sản xuất điện, các cước phí.
- Các Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng/Thỏa thuận được ký kết theo quy định: Hợp đồng GSPA khí Thiên Nga – Hải Âu (Lô 12/11) với ZN; Thỏa thuận sửa đổi GSPA 06.1 về điều chỉnh giá khí từ 01/4/2025 với các Chủ mỏ Lô 06.1; Sửa đổi HOA GSPA với chủ khí Nam Du – U Minh; Thỏa thuận thanh quyết toán năm 2024 với PVFCCo; ký kết Thỏa thuận sửa đổi TA 11.2 về việc tách hóa đơn với các Bên liên quan; Sửa đổi GSA Nhơn Trạch 2 về khối lượng khí bao tiêu từ năm 2024 trở đi; Phụ lục bổ sung GSA số 03 của NMD BOT Phú Mỹ 2.2 với MECO và Thỏa thuận

ba bên về thanh quyết toán tiền chênh lệch cước phí vận chuyển và giá khí tăng thêm với EVN và MECO; Phụ lục bổ sung GSA số 03 với NMD BOT Phú Mỹ 3; Biên bản thống nhất sản lượng khí bao tiêu trong TA Lô 11.2/TA Lô 05-2&05-3 năm 2025 với các Bên liên quan; Biên bản thống nhất với các Chủ đường ống về tiền giảm trừ cước phí vận chuyển NCS năm 2022 & 2023; Thỏa thuận mua bán khí cho NMD Phú Mỹ 2.2 với EVN; Hợp đồng mua bán khí năm 2025 với PVFCCo; MOU về việc cung cấp khí mỏ Tuna, Indonesia với chủ khí; Sửa đổi, bổ sung về giá hạn GSA STT 2A với PVN. Hoàn thành chuyển hợp đồng mua bán khí PM3 - Cà Mau về PV GAS. Bên cạnh đó, PV GAS đang làm việc/tiếp tục làm việc với các Chủ mỏ/chủ thể/khách hàng/đối tác để thống nhất và sớm ký kết các hợp đồng mua bán khí/dịch vụ/cam kết/thỏa thuận.

- Công tác kinh doanh/tiêu thụ LNG: (i) về nhập khẩu LNG/thu xếp nguồn cung LNG: Làm việc/đàm phán/ký kết/thu xếp các MSPA, các chuyển spot/các thỏa thuận/hợp đồng cung cấp LNG trong trung và dài hạn (hoàn thành thu xếp các chuyển spot phục vụ chạy thử NMD Nhơn Trạch 3&4 và cung cấp cho EVN/EVN GENCO3 theo cam kết); phối hợp tư vấn hoàn thành xây dựng Chiến lược mua LNG định hạn; cập nhật Quy trình phối hợp với PV Power;...; (ii) về kinh doanh, tiêu thụ LNG: Ký kết Hợp đồng mua bán khí tái hóa LNG dài hạn (25 năm) với PV Power (cung cấp cho NMD Nhơn Trạch 3&4) cho giai đoạn vận hành thương mại; ký kết Xác nhận mua bán LNG tái hóa năm 2025 để cấp khí

LNG tái hóa cho các NMD Phú Mỹ của EVN và EVN GENCO3; Làm việc với PVPower để ký sửa đổi, bổ sung GSA LNG Nhơn Trạch 3&4 giai đoạn thương mại; Làm việc với PVPower về việc mua LNG định hạn giai đoạn 2027-2031; Tiếp tục làm việc với EVN để thống nhất dự thảo Thỏa thuận khung cung cấp khí LNG tái hóa cho NMD LNG Quảng Trạch II; Làm việc với EVN/EVN GENCO3 về Hợp đồng mua bán LNG bằng FSRU; Làm việc với LAEC để thống nhất nội dung dự thảo Thỏa thuận khung bán khí LNG tái hóa (HOA LNG GSA) tại đầu vào các NMD Long An 1&2; Thống nhất với AES về dự thảo Thỏa thuận khung Hợp đồng thuê kho LNG Sơn Mỹ cho NMD Sơn Mỹ 2.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

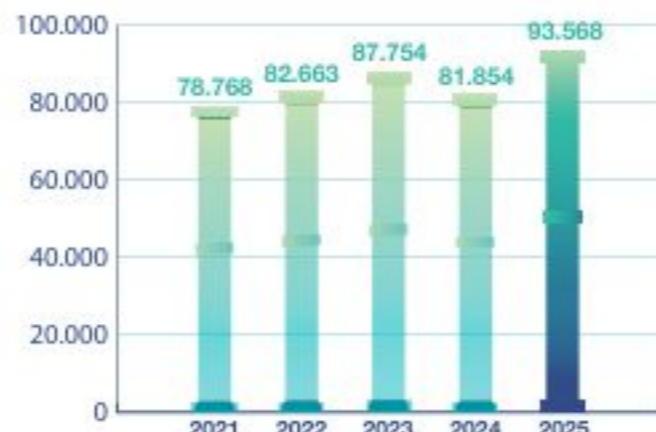
DOANH THU THUẦN

(Tỷ đồng)



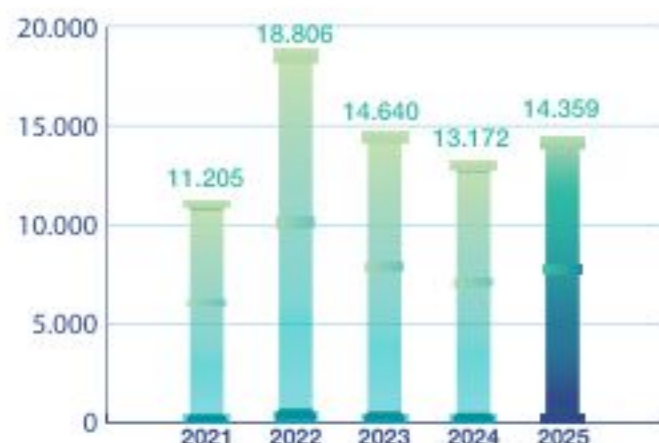
TỔNG TÀI SẢN

(Tỷ đồng)



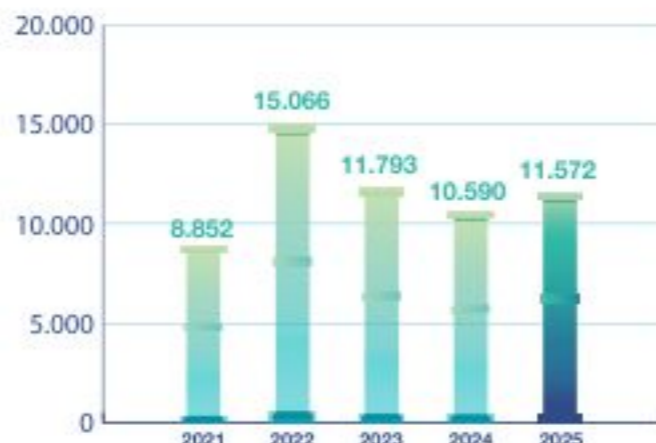
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(Tỷ đồng)



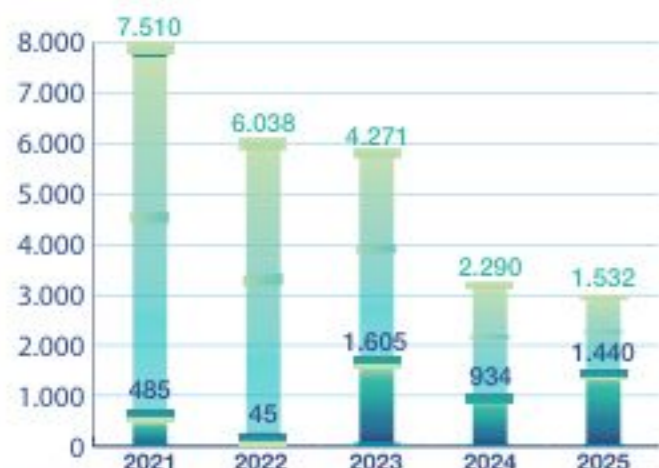
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

(Tỷ đồng)



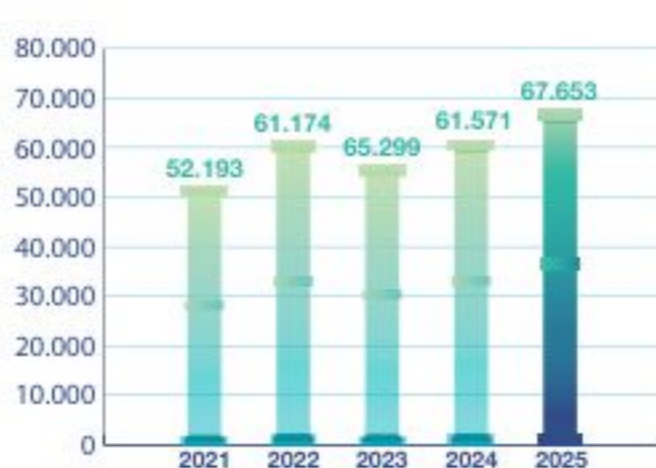
NỢ VAY NGÂN HÀNG

(Tỷ đồng)



VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Tỷ đồng)



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

	2021	2022	2023	2024	2025
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN					
• Hệ số TT hiện hành (lần) = TS ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	3,10	4,46	4,16	3,93	3,40
• Hệ số TT nhanh = (Giá trị TS ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ NH	2,91	4,13	3,88	3,61	3,18
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN					
• Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,26	0,26	0,25	0,28
• Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,51	0,35	0,35	0,33	0,38
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG					
• Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	26,51	21,63	17,87	19,82	26,25
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,00	1,22	1,03	1,27	1,44
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI					
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,15	0,13	0,10	0,09
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,27	0,19	0,17	0,18
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,12	0,19	0,14	0,12	0,13



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025 (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Cơ cấu tài sản	2021	2022	2023	2024	2025
TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)	78.768	82.663	87.754	81.854	93.568
* Tài sản ngắn hạn (tỷ đồng)	51.395	55.652	62.218	57.290	69.902
* Tài sản dài hạn (tỷ đồng)	27.373	27.011	25.537	24.564	23.666
TSNH/Tổng tài sản	0,65	0,67	0,71	0,70	0,75
TSDH/Tổng tài sản	0,35	0,33	0,29	0,30	0,25

Tổng tài sản vào thời điểm 31/12/2025 dự kiến tăng vọt lên 93.568 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 14,3% so với năm 2024. Đây là mức quy mô tài sản lớn nhất của PV GAS trong giai đoạn 5 năm trở lại đây. Việc gia tăng tài sản này là một dấu hiệu cho thấy PV GAS đã tích lũy nguồn lực tài chính cho các hoạt động vận hành và đầu tư ngắn hạn, song song với việc thực hiện đầu tư các Dự án dài hạn (như Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn).


TỔNG TÀI SẢN
93.568 tỷ đồng
 tăng trưởng khoảng 14,3% so với năm 2024

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Tiêu chí	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng Nguồn vốn (tỷ đồng)	78.768	82.663	87.754	81.854	93.568
Nợ phải trả (tỷ đồng)	26.575	21.489	22.456	20.284	25.915
* Nợ ngắn hạn	16.561	12.488	14.972	14.576	20.574
* Nợ dài hạn	10.014	9.001	7.484	5.708	5.341
Dư nợ vay ngân hàng (tỷ đồng)	7.995	6.083	5.876	3.224	2.972
* Vay và nợ dài hạn	7.510	6.038	4.271	2.290	1.532
* Vay và nợ ngắn hạn	485	45	1.605	934	1.440
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	0,34	0,26	0,26	0,25	0,28
Vốn Chủ sở hữu / Tổng Nguồn vốn	0,66	0,74	0,74	0,75	0,72

Tỷ trọng Vốn chủ sở hữu chiếm tới 72% tổng nguồn vốn. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ở mức rất thấp (0,38 lần), cho thấy khả năng tự chủ tài chính cao và ít rủi ro về nợ vay. Tổng dư nợ vay ngân hàng giảm so với năm 2024, trong đó Vay và nợ ngắn hạn tăng lên mức 1.440 tỷ đồng (so với 934 tỷ đồng năm 2024). Điều này phù hợp với việc doanh nghiệp cần thêm nguồn lực để luân chuyển hàng hóa và tài trợ cho các khoản phải thu khi doanh thu đạt ngưỡng 135.000 tỷ đồng. Vay và nợ dài hạn tiếp tục xu hướng giảm, xuống còn 1.532 tỷ đồng (từ mức 2.290 tỷ đồng năm 2024). Việc giảm nợ dài hạn cho thấy PV GAS đang tích cực trả nợ các khoản vay tài trợ cho các dự án đã đi vào hoạt động (Dự án Kho LNG 1 MMTPA tại Thị Vải, Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 Giai đoạn 2), giúp giảm bớt gánh nặng chi phí lãi vay trong tương lai.

TỶ TRỌNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

chiếm tới **72%** tổng nguồn vốn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025 (Tiếp theo)

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN, VỐN KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	78.992	100.724	89.954	103.603	135.196
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	11.205	18.806	14.640	13.172	14.359
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	8.852	15.066	11.793	10.590	11.572
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	14%	19%	16%	13%	11%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11%	15%	13%	10%	9%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	12%	19%	14%	12%	13%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)	17%	27%	19%	17%	18%
EPS (đồng)	4.625	7.872	5.135	4.520	4.795
Tỷ lệ cổ tức	30%	30%	36%	60%	21%

Doanh thu thuần kỷ lục: Đạt 135.196 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh mẽ khoảng 30,5% so với năm 2024 (103.603 tỷ đồng). Đây là mức doanh thu cao nhất trong giai đoạn 2021-2025. Lợi nhuận sau thuế phục hồi: Sau khi sụt giảm vào năm 2024, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đã tăng trưởng trở lại, đạt 11.572 tỷ đồng. EPS (Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu) cải thiện: Tăng từ 4.520 đồng (năm 2024) lên 4.795 đồng. PV GAS luôn luôn là một cổ phiếu blue-chip có quy mô vốn hóa lớn và doanh thu ổn định, chỉ số sinh lời

và chính sách cổ tức hấp dẫn, cụ thể ROE năm 2025 đạt 18%, ROA năm 2025 đạt 13%.

Năm 2025, PV GAS đã trả cổ tức tỷ lệ 21% vốn điều lệ, tương ứng 1 cổ phiếu được nhận 2.100 đồng, đồng thời sẽ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (thưởng cổ phiếu) với tỷ lệ 3% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 3 cổ phiếu mới), tương ứng phát hành thêm khoảng 70 triệu cổ phiếu mới.



KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Hệ số TT ngắn hạn (lần) = TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,1	4,5	4,2	3,9	3,4
Hệ số TT nhanh = (Giá trị TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,91	4,13	3,88	3,61	3,18

Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 3,4 lần và thanh toán nhanh đạt 3,18 lần. Với sức mạnh nội tại lớn, PV GAS tự tin triển khai các dự án lớn và dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi nếu cần mở rộng quy mô đầu tư trong tương lai.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Vòng quay các khoản phải thu	5,82	6,08	5,44	5,76	6,15
Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)	62,75	59,99	67,06	63,35	59,37
Vòng quay hàng tồn kho	26,51	21,63	17,87	19,82	26,25
Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)	13,77	16,88	20,42	18,41	13,90

Năm 2025, PV GAS tối ưu hóa năng lực quản trị vận hành. Vòng quay hàng tồn kho tăng vọt đạt 26,25 lần, cải thiện rất lớn so với mức 19,82 lần của năm 2024. Thời gian quay vòng hàng tồn kho rút ngắn xuống chỉ còn 13,90 ngày. Chỉ số phản ánh nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm khí (đặc biệt là LNG và khí thiên nhiên) đang ở mức rất cao. Việc hàng tồn kho không bị ứ đọng giúp tối ưu hóa chi phí lưu kho và giảm rủi ro

biến động giá nguyên vật liệu. Quản lý nợ phải thu hiệu quả: Vòng quay các khoản phải thu đạt 6,15 lần, rút ngắn thời gian thu tiền xuống còn 59,37 ngày. Việc cải thiện chỉ số này chứng tỏ PV GAS đang kiểm soát nợ rất chặt chẽ và có vị thế thương lượng tốt với khách hàng. Dòng tiền được luân chuyển nhanh giúp giảm áp lực vay vốn lưu động, ngay cả khi nợ ngắn hạn tăng lên để phục vụ kinh doanh.

VÒNG QUAY HÀNG TỒN KHO ĐẠT

26,25

 lần

cải thiện rất lớn so với mức 19,82 lần của năm 2024

VÒNG QUAY CÁC KHOẢN PHẢI THU ĐẠT

6,15

 lần

rút ngắn thời gian thu tiền xuống còn 59,37 ngày

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2025

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Trong Quý I/2025, PV GAS đã thành lập, góp vốn và đưa vào hoạt động công ty PetroVietnam Gas International Trading Company PTE., LTD. Đây là công ty do PV GAS nắm giữ quyền kiểm soát. Việc góp vốn vào PetroVietnam Gas International Trading Company PTE., LTD với số tiền 399.520,58 USD

(tương đương 10 tỷ VNĐ) là một phần trong chiến lược mở rộng và đầu tư quốc tế của PV GAS, giúp tối ưu hóa nguồn lực và phát triển hoạt động kinh doanh khí hóa lỏng trên thị trường quốc tế. Việc góp vốn này phù hợp với định hướng phát triển bền vững và tận dụng các cơ hội từ thị trường quốc tế.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN

Năm 2025, Công ty mẹ được giao 12 dự án (05 dự án nhóm A, 05 dự án nhóm B, 02 dự án nhóm C) với giá trị giải ngân trên 3,3 nghìn tỷ đồng (bao gồm cả mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính). Các dự án đã được triển khai tích cực, bám sát tiến độ kế hoạch; Tổng giá trị giải ngân cả năm của Công ty mẹ đạt trên 3 nghìn tỷ đồng.

Toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng các dự án của PV GAS đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát cũng như hỗ trợ, hướng dẫn từ PVN và các cơ quan quản lý Nhà nước nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

Tình hình thực hiện các dự án cụ thể như sau:

1

NHẬP KHẨU LNG: xây dựng cơ sở hạ tầng để nhập khẩu, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ

Dự án mở rộng, nâng công suất kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm

Đầu tư mở rộng nâng công suất kho chứa LNG nhằm mục đích tăng khả năng tồn chứa LNG, giúp nâng cao tổng công suất tiêu thụ qua 2 kho LNG lên đến 3 triệu tấn/năm để bù đắp lượng khí thiếu hụt và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng; giúp chủ đầu tư chủ động cấp khí từ nguồn khí nhập khẩu và tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng tại kho cảng Thị Vải hiện hữu.

Công việc thực hiện năm 2025: Đã phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (tháng 5/2025). Thực hiện thiết kế FEED và lập dự toán xây dựng công trình; và hoàn thành vào Quý I/2026.

Dự án kho LNG Bắc Trung Bộ (Vũng Áng)

Đầu tư kho LNG Bắc Trung Bộ (Vũng Áng) để cung cấp LNG cho các nhà máy nhiệt điện theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh (Quảng Trạch II, Vũng Áng III, Quảng Trạch III,...) và các hộ tiêu thụ công nghiệp khác tại khu vực.

Công việc thực hiện năm 2025: Lập, trình cấp thẩm quyền chủ trương đầu tư dự án và ngày 18/9/2025 UBND tỉnh Hà Tĩnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư. Đang triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Dự án kho LNG Bắc Bộ

Đầu tư kho LNG Bắc Bộ để cung cấp LNG tái hóa khí cho khách hàng tiêu thụ chính là các nhà máy Nhiệt điện LNG tại tỉnh Ninh Bình (tỉnh Nam Định trước khi sáp nhập tỉnh thành) (công suất tối thiểu khoảng 3000 MW), các hộ tiêu thụ điện/công nghiệp khác trong khu vực và các tỉnh lân cận.

Công việc thực hiện năm 2025: Đã trình UBND tỉnh Nam Định (trước khi sáp nhập tỉnh thành) đề nghị thực hiện dự án vào ngày 4/3/2025. Phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình làm việc với các Bộ Ngành liên quan về việc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Dự án kho cảng nhập LNG Sơn Mỹ

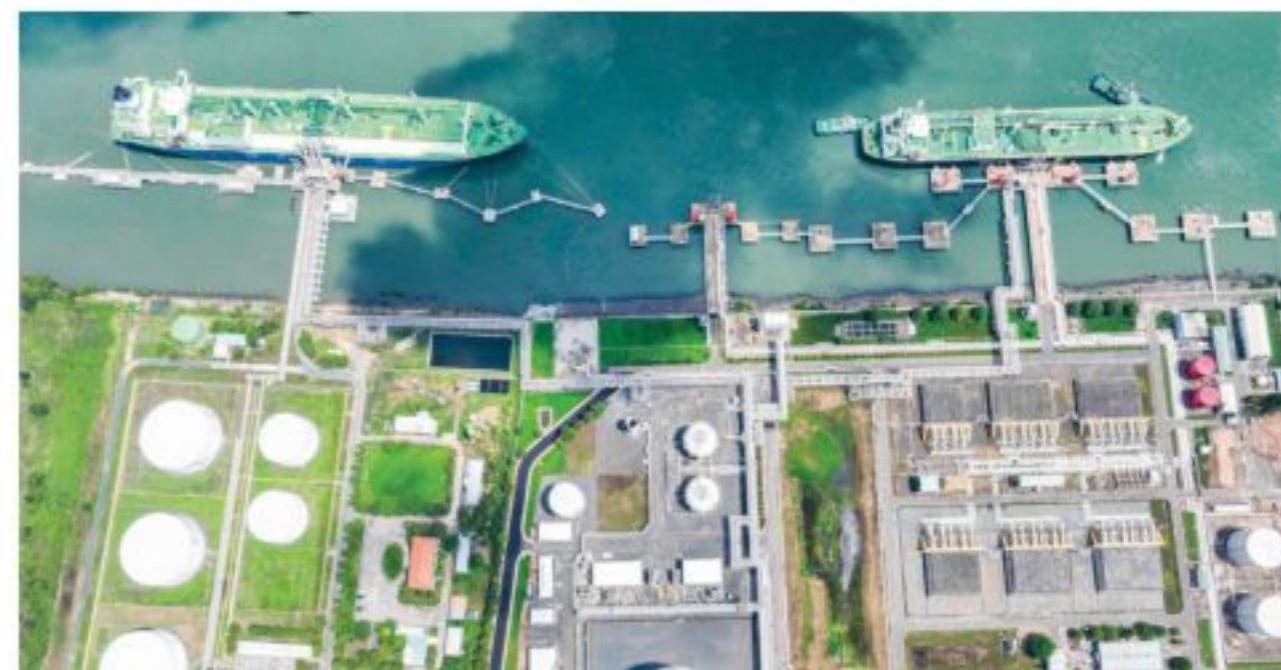
Đầu tư kho chứa và cảng xuất tại Sơn Mỹ để nhập khẩu LNG cung cấp cho Trung tâm Điện lực Sơn Mỹ và cung cấp bổ sung cho lượng khí thiếu hụt tại khu vực Đông Nam Bộ.

Công việc thực hiện năm 2025: Đã trình Bộ Công Thương thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án vào ngày 08/7/2025; Bộ Công Thương đã ban hành kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Sẵn sàng phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ngay sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2 được phê duyệt.

Dự án Dây chuyền cấp khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4

Đầu tư dây chuyền cấp khí nhằm mục tiêu hoàn thiện hạ tầng cung cấp khí và thực hiện việc tiếp nhận, vận chuyển và phân phối khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 từ kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải.

Công việc thực hiện năm 2025: Đã hoàn thành và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2025 (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN (Tiếp theo)

2

THU GOM KHÍ: Xây dựng các đường ống mới để thu gom khí ở các mỏ mới, bổ sung nguồn cung khí cho thị trường tiêu thụ

Dự án Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng

Đầu tư xây dựng đường ống từ chân giàn Sư Tử Trắng kết nối với đường ống Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2 để thu gom và vận chuyển khí Sư Tử Trắng về bờ nhằm bổ sung nguồn khí thiếu hụt khu vực Đông Nam Bộ, phục vụ cho phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Công việc thực hiện năm 2025: Hoàn thành cập nhật báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (đang thẩm định).

Nâng công suất đường ống Phú Mỹ – Hồ Chí Minh

Đầu tư nâng công suất đường ống Phú Mỹ – Hồ Chí Minh vận chuyển khí cung cấp cho các Nhà máy điện Long An 1, 2 và các hộ tiêu thụ khu vực lân cận.

Công việc thực hiện năm 2025: Thực hiện các gói thầu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Đường ống dẫn khí Hiệp Phước – Long An

Đầu tư Đường ống dẫn khí Hiệp Phước – Long An để vận chuyển khí cung cấp cho các Nhà máy điện Long An 1, 2 và các hộ tiêu thụ khu vực lân cận.

Công việc thực hiện năm 2025: Thực hiện các gói thầu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

3

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CHẾ BIẾN TÀNG TRỮ KHÍ, SẢN PHẨM KHÍ

Dự án Bốn chứa LPG Thị Vải

Cải tạo lại mặt bằng Kho cảng Thị Vải hiện hữu bằng cách chuyển đổi phương thức tồn chứa sản phẩm; nâng cao sức chứa sản phẩm lỏng, sắp xếp, di dời, tái bố trí thiết bị, hệ thống công nghệ để tạo thêm quỹ đất bổ sung vào quỹ đất hiện hữu, phục vụ các dự án của PV GAS tại khu vực Kho cảng Thị Vải.

Công việc thực hiện năm 2025: Hoàn thành và trình phê duyệt báo cáo quyết toán dự án.

Dự án Tách Ethane tại Dinh Cố

Phù hợp với chủ trương, định hướng của PVN về tăng cường chế biến sâu nâng cao giá trị nguồn khí nội địa, dự án nhằm tách cấu tử Ethane từ nguồn khí Cửu Long, Nam Côn Sơn và cung cấp cho tổ hợp hóa dầu Long Sơn.

Tăng thu hồi các cấu tử/sản phẩm có giá trị cao như Ethane, LPG, Condensate từ khí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của PV GAS, giúp đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp ra thị trường, đa dạng hóa khách hàng tiêu thụ khí (ngoài điện) và tăng cường tiêu thụ khí nội địa.

Công việc thực hiện năm 2025: Trình cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

Dự án kho cảng PV GAS Hải Phòng

Đầu tư xây dựng kho cảng PV GAS Hải Phòng nhằm cung cấp khí hóa lỏng nhằm tiếp tục duy trì và phát triển thị trường tiêu thụ các tỉnh phía Bắc, đồng thời xem xét khả năng cung cấp nguyên liệu/nhiên liệu khí cho các dự án đang đầu tư tại khu vực.

Công việc thực hiện năm 2025: Thành phố Hải Phòng đã chấp nhận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư. Đang triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Nâng cấp mở rộng bến cảng PV GAS Vũng Tàu

Đầu tư nâng cấp mở rộng bến cảng PV GAS Vũng Tàu nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tàu chuyên dùng hàng lỏng/khí tải trọng lên đến 100.000 DWT và phục vụ chiến lược phát triển kinh doanh của PV GAS tại kho cảng PV GAS.

Công việc thực hiện năm 2025: Thực hiện các gói thầu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Ngoài ra, trong năm 2025, PV GAS cũng đã triển khai các công tác khác: Chuẩn bị các thủ tục để tham gia đầu tư Dự án nhà máy nhiệt điện LNG Vũng Áng III, phối hợp thực hiện đề án Trung tâm Công nghiệp - Năng lượng sinh thái Petrovietnam (tại Vũng Áng, Cần Thơ ...), cùng với EVN nghiên cứu phương án cấp khí LNG cho NMT Quảng Trạch 2 từ kho LNG Bắc Trung Bộ, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm Hydro xanh tại Dinh Cố, nghiên cứu cấp propan cho nhà máy nhựa Phú Mỹ,...



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH VÀ NỖ LỰC TIẾN TỚI NET ZERO VÀO NĂM 2050



Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp năm 2025

177.401 tấn

PV GAS luôn chú trọng ứng dụng giải pháp kỹ thuật tiên tiến để đảm bảo an toàn, vận hành ổn định hệ thống khí, hướng đến sản xuất hiệu quả, giảm phát thải, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- **Tuyên truyền nội bộ:** Tổ chức họp, diễn đàn văn hóa doanh nghiệp và truyền thông đa kênh nhằm nâng cao nhận thức cán bộ, công nhân viên về giảm phát thải khí nhà kính.
- **Đào tạo, bồi dưỡng:** Triển khai các khóa học về tiết kiệm năng lượng, quản lý và kiểm toán năng lượng, kiểm kê khí nhà kính; đồng thời nghiên cứu hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018 và báo cáo phát thải theo ISO 14064-1:2018.
- **Hợp tác và liên kết:** Phối hợp với đối tác trong ngành để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng sạch như điện mặt trời, hydrogen xanh, giảm phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch.
- **Hàng năm,** PV GAS kiểm kê năng lượng và khí nhà kính để quản lý, sử dụng hiệu quả, giảm phát thải và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Hai đơn vị phát thải lớn của PV GAS là KCM và CNG đã triển khai kế hoạch cụ thể:

KCM

Áp dụng đồng bộ giải pháp quản lý, vận hành và kỹ thuật, giúp giảm 2,17% tiêu thụ năng lượng và 1,77% phát thải khí nhà kính năm 2024 so với 2023, vượt mục tiêu đề ra.

CNG

Xây dựng kế hoạch giảm phát thải giai đoạn 2026-2030 đồng thời duy trì các giải pháp tiết kiệm năng lượng và lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại văn phòng.

Trên cơ sở kiểm kê khí nhà kính, kiểm toán năng lượng, PV GAS đang lập kế hoạch xây dựng lộ trình cụ thể để hỗ trợ tiến đến mục tiêu Net Zero vào năm 2050 của Việt Nam.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG (Tiếp theo)

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Do đặc thù của ngành dầu khí là sản xuất và vận chuyển sản phẩm bằng đường ống nên không có nguyên vật liệu dạng thô mà PV GAS sử dụng Khí tự nhiên làm nguyên liệu sản xuất:

KHÍ ĐẦU VÀO
(BAO GỒM LNG)

6,4 tỷ m³

DẦU DO

1.126,4 tấn

KHÍ TỰ NHIÊN
DÙNG LÀM NHIÊN LIỆU

36,9 triệu m³

HÓA CHẤT

346,78 tấn

(Helium, Ethylmercaptan, Hydrogen, hóa chất ức chế ăn mòn đường ống, Nito, dầu nhớt, Hóa chất xử lý nước thải...).

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

KHÍ KHÔ THƯƠNG PHẨM
(BAO GỒM LNG)

6,2 tỷ m³

TỶ LỆ KHÍ KHÔ THƯƠNG PHẨM/
KHÍ ĐẦU VÀO

97%

Khí là nguồn năng lượng sạch và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu năng lượng sơ cấp của Việt Nam. PV GAS đã và đang vận hành, triển khai nhiều dự án khí với quy mô lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu khí cho các hộ tiêu thụ lớn như các nhà máy điện, nhà máy đạm, các nhà máy công nghiệp tiêu thụ khí thấp áp, đáp ứng các nhu cầu khí cho công nghiệp hóa chất, phân bón, giao thông vận tải và sinh hoạt dân dụng; sẵn sàng kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á phục vụ cho nhu cầu xuất và nhập khẩu khí đốt.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG (Tiếp theo) TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện: 79,89 triệu kWh.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
 - Lắp đặt điện mặt trời áp mái tại các tòa nhà văn phòng và các trạm khí tại công ty KTN (công suất 220 kW); giúp tiết giảm được 250.000 kWh điện mua từ lưới và tiết giảm phát thải 150 tấn CO₂e.
 - Thu hồi nhiệt khói thải của HMO Heater để tiền gia nhiệt cho Hot Oil trước khi được gia nhiệt chính tại khu vực buồng đốt của H-1781 tại nhà máy GPP CM giúp tiết giảm được 470 TOE năng lượng và 1.100 tấn CO₂e khí nhà kính.
 - Lắp biến tần điều khiển cho các bơm công suất lớn đang vận hành non tải tại GPP Cà Mau để điều khiển & tối ưu tốc độ của các Motor/Pump Hot oil P-1781A và P-1782A giúp tiết kiệm điện năng và giảm phát thải KNK.
 - Tối ưu hóa hệ thống đèn chiếu sáng bằng cách thay thế đèn huỳnh quang công suất 250W sang đèn tuýp LED công suất 100W và 150W đồng thời liên tục luân phiên tắt các thiết bị điện không sử dụng tại khu vực VP của KTN & KDN
 - Giảm áp cụm bypass-skid (áp suất đầu ra máy nén RGC tại GPP Cà Mau) theo lưu lượng đã tiết kiệm được 270.000 kWh điện mua từ lưới và tiết giảm 170 tấn CO₂e ra môi trường.
 - Lắp đặt hệ thống điện mặt trời tự sản xuất tự tiêu thụ cung cấp nguồn điện cho GPP Cà Mau, CNG và DVK với tổng công suất lên tới gần 1100 kWp giúp giảm sự phụ thuộc vào điện lưới và giảm lượng lớn KNK phát thải ra ngoài môi trường.
 - Tối ưu thời gian vận hành dây chuyền xử lý Condensate ở chế độ batch mode và vận hành các máy nén khí C2811/31 và C2814/34 tại nhà máy NCSP. Tối ưu vận hành cụm tách nước TEG để giảm tối đa khí sử dụng cho reboiler, stripping gas tại KTA và lượng khí xả đốt ra được tại KBB giúp giảm đáng kể lượng năng lượng tiêu thụ & KNK phát tán ra ngoài môi trường.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Trong năm 2025, các sáng kiến của PV GAS là những sáng kiến về tối ưu hóa hạ tầng, hợp lý hóa sản xuất trong các dây chuyền khí, các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng được tính toán, báo cáo và được thể hiện trong số liệu tiết kiệm về năng lượng.
- Với nhiều sáng kiến hữu ích như cải tiến sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, trong năm 2025 PV GAS đã tiết kiệm được 4% tổng năng lượng tiêu thụ và cắt giảm 2,3% tổng phát thải KNK so với cùng kỳ năm 2024.



Năng lượng Điện tiêu thụ
trực tiếp và gián tiếp
79,89 triệu Kwh

TIÊU THỤ NƯỚC

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC
VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG
NƯỚC CẤP
357.731 m³
trong đó bao gồm cả nước phục vụ diễn
tập Phòng cháy chữa cháy, tưới cây, sinh
hoạt và sản xuất.



- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
 - Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái chế: 0%
 - Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái sử dụng: 0%



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG (Tiếp theo) TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhằm hướng tới mục tiêu đảm bảo quá trình hoạt động và sản xuất không gây phương hại đến cộng đồng, và tác động đến môi trường được giảm thiểu, PV GAS luôn rà soát, đánh giá các văn bản mới được ban hành và kiểm soát việc thực hiện, tuân thủ, chấp hành thông qua việc phổ biến các thay đổi về văn bản pháp luật môi trường đến từng đơn vị và hàng năm thực hiện giám sát kiểm tra sự tuân thủ. Mặt khác PV GAS đã thu thập, thống kê các cơ sở dữ liệu, hồ sơ pháp lý về môi trường. Trong quá trình kiểm tra giám sát thực tế và qua kết quả từ hệ thống cơ sở dữ liệu, tìm ra các điểm chưa phù hợp trong hệ thống văn bản pháp quy với hoạt động đặc thù thực tế của ngành khí, từ đó có văn bản kiến nghị đến các Bộ ngành liên quan để chỉnh sửa cho phù hợp.

Trong năm 2025, PV GAS đã thực thi các quy định về bảo vệ môi trường sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường như lập và phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giám sát môi trường, quản lý chất thải (đặc biệt chất thải nguy hại), kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu... cho các dự án, công trình đang, sắp đưa vào hoạt động (đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng, dự án Mở rộng, nâng công suất kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm).
- Các hoạt động liên quan đến tràn dầu và hóa chất đều xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.
- Việc quan trắc môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường và Hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam... Các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn Việt Nam và công khai thông tin, báo cáo và lưu giữ hồ sơ theo quy định.
- Công tác đăng ký chủ nguồn thải, quản lý chất thải nguy hại (thu gom, vận chuyển, xử lý) và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý đúng theo quy định. Tiến hành thanh kiểm tra các đơn vị ít nhất 01 năm/lần, các đơn vị triển khai kiểm tra hàng quý (cấp công ty), hàng tháng (cấp phân xưởng, nhà máy) và hàng ca.
- Ban hành quy trình quản lý môi trường, quy trình phân định trách nhiệm để cụ thể hóa các yêu cầu của pháp luật thành những quy định, hướng dẫn để các Bộ phận/cá nhân triển khai thực hiện.
- Thường xuyên thông báo, cập nhật và đánh giá tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường cũng như các Nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường.
- Tham gia các lớp tập huấn các quy định mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.
- Phối hợp PVN thực hiện lộ trình thống kê, báo cáo dẫn tiến tới cắt giảm khí nhà kính theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.
- Tổ chức các hoạt động Hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm sạch thế giới, Giờ trái đất, Ngày đất ngập nước, Ngày đa dạng sinh học...

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Trong năm 2025 PV GAS không tiếp đoàn thanh kiểm tra nào về Bảo vệ môi trường.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tại PV GAS, chúng tôi tin rằng sự thịnh vượng bền vững được xây dựng trên nền tảng hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm với môi trường, xã hội. Năm 2025 tiếp tục đánh dấu những nỗ lực không ngừng của PV GAS trong việc hiện thực hóa cam kết này, đóng góp vào một tương lai bền vững cho Việt Nam.

MÔI TRƯỜNG

Tiết kiệm và quản lý nguồn nước

Chúng tôi tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật về tài nguyên nước, đồng thời áp dụng hệ thống quản lý chặt chẽ, minh bạch trong khai thác, sử dụng và xử lý nước thải. Nước thải được kiểm tra định kỳ, đảm bảo đạt tiêu chuẩn xả thải trước khi trả về môi trường. Tổng quan, hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên nước tại PV GAS luôn đảm bảo:

- Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.
- Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nước.
- Quan trắc và công bố thông tin minh bạch, rõ ràng.
- Đóng đầy đủ các loại phí và thuế liên quan đến tài nguyên nước.

Năng lượng

PV GAS xác định nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm thất thoát năng lượng là mục tiêu và động lực để đổi mới công nghệ, tối ưu hóa sản xuất. PV GAS không ngừng nỗ lực đổi mới công nghệ và tối ưu hóa quy trình sản xuất, vận hành. Mỗi đơn vị năng lượng được sử dụng đều hướng tới giá trị tối đa, vừa mang lại lợi ích kinh tế, vừa giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Chúng tôi cũng đang hướng tới mục tiêu theo đuổi nguồn năng lượng xanh, sạch không chỉ sử dụng phục vụ hoạt động của mình mà còn là cốt lõi cung cấp cho thị trường năng lượng sạch tại Việt Nam (LNG, Hydro xanh...).

Phát thải

Với vai trò là doanh nghiệp khai thác và chế biến khí, PV GAS ý thức sâu sắc về trách nhiệm trong việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Đối với PV GAS, nguồn khí methane chính là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong hoạt động chế biến và kinh doanh khí của mình. Tại PV GAS hoàn toàn không có thải bỏ và đốt được thải bỏ khí methane, tất cả khí methane được sử dụng tối đa và ngăn ngừa rò rỉ ở mức thấp nhất. Đốt được chỉ phát sinh bất khả kháng khi xảy ra sự cố trong thời gian ngắn với khối lượng rất nhỏ.

Trong hành trình xanh của mình, PV GAS định hướng tạo ra nhiều năng lượng sạch hơn cho khách hàng gắn liền với giảm phát thải khí nhà kính. Đây là mục tiêu với nhiều thách thức nhưng cũng mang lại cho PV GAS nhiều cơ hội trong đổi mới trên con đường hướng đến sự phát triển bền vững. PV GAS với vai trò là đơn vị chủ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam đảm bảo cung cấp khí cho các nhà máy sản xuất điện (nhiệt điện khí), việc tạo ra nhiều năng lượng hơn, ít phát thải hơn sẽ đóng góp lớn hơn vào mục tiêu cắt giảm khí nhà kính của Việt Nam trong hành trình đưa phát thải từ sản xuất điện đạt đỉnh vào năm 2030 sớm hơn 5 năm theo Quy hoạch điện VIII của Chính phủ.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

NGƯỜI LAO ĐỘNG

PV GAS tin tưởng rằng con người là tài sản quý giá nhất. Tại PV GAS, chúng tôi luôn nỗ lực mang đến cho người lao động một môi trường lao động:



- An toàn là hạnh phúc**
 PV GAS đặt an toàn lao động lên hàng đầu, cam kết mang đến môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho mọi cán bộ, công nhân viên.
- Phúc lợi toàn diện**
 Người lao động được hưởng gói phúc lợi cạnh tranh, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Đầu tư cho tương lai**
 Chúng tôi tin rằng đầu tư vào con người chính là đầu tư cho tương lai. PV GAS cung cấp các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp và thăng tiến bình đẳng.



CỘNG ĐỒNG

Trong hơn ba thập kỷ đồng hành cùng sự phát triển của đất nước và cộng đồng, chúng tôi luôn tin rằng thành công của doanh nghiệp gắn liền với sự thịnh vượng của cộng đồng. Các chương trình an sinh xã hội thiết thực, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, hỗ trợ người dân tại các vùng khó khăn, khắc phục hậu quả thiên tai,... là minh chứng cho cam kết của chúng tôi trong việc xây dựng một xã hội bền vững và nhân ái.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

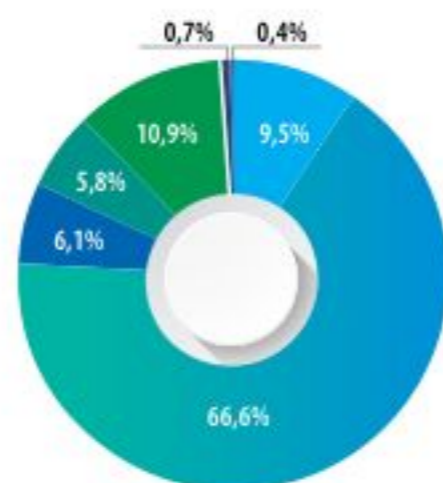
Về số lượng, tính đến ngày 31/12/2025 tổng số CBCNV tại Công ty mẹ, các chi nhánh và các công ty cổ phần do PV GAS nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối là 2.911 người, trong đó tổng số CBCNV tại Công ty mẹ và các chi nhánh của PV GAS là 1.355 người được phân chia theo trình độ như biểu đồ kèm theo.



TỔNG SỐ CBCNV CÔNG TY MẸ VÀ CÁC CHI NHÁNH

1.355

Người



THỐNG KÊ THEO TRÌNH ĐỘ

■ Tiến sĩ (6 người)	■ Cao đẳng (83 người)
■ Thạc sĩ (129 người)	■ Trung cấp (78 người)
■ Đại học (902 người)	■ CNKT (148 người)
	■ Sơ cấp (9 người)

Về ngành nghề đào tạo, đội ngũ lao động mà PV GAS đang sử dụng rất đa dạng lên đến gần 20 nhóm ngành nghề khác nhau, tập trung nhiều trong các lĩnh vực kỹ thuật (trên 60%). Điều này là do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí.

Về giới tính, do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí nên lao động nam chiếm tỷ lệ 80%, trong đó tập trung vào các lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, xây dựng công trình khí.

Về trình độ đào tạo, lao động có trình độ đại học và

trên đại học chiếm trên 76% tập trung trong nhóm nhân sự quản lý cấp cao, cấp trung và nhóm lao động chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật. Đây là lợi thế lớn của PV GAS trong việc phát triển nguồn nhân lực.

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, được trưởng thành qua thực tiễn sản xuất kinh doanh, có đủ năng lực để quản lý, điều hành PV GAS phát triển vững mạnh trong bối cảnh PV GAS thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh nhằm phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng trên toàn cầu và thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.



TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đãi ngộ

PV GAS đã xây dựng cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh trên thị trường lao động, phù hợp với các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và đặc thù của PV GAS, qua đó nuôi dưỡng, duy trì nguồn nhân lực hiện có và không ngừng thu hút các lao động có năng lực, trình độ cao đến việc làm lâu dài tại PV GAS, cụ thể như sau:

- PV GAS đảm bảo được việc làm cho người lao động, hầu hết người lao động được bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng, không có trường hợp nào ngừng việc hoặc mất việc.
- Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định để người lao động yên tâm công tác. Việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên giá trị công việc, năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân.
- Mức lương trung bình năm 2025 đối với người lao động là 17,63 triệu đồng/người/tháng.
- Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; Thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt của Tập đoàn, PV GAS.
- Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc.
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; Chế độ bảo hiểm tự nguyện mang tính phúc lợi cao cho người lao động (Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm tai nạn, sinh mạng và phẫu thuật nằm viện).
- Khám và theo dõi sức khỏe định kỳ; trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của người lao động.
- Thưởng xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động.
- Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường. PV GAS có môi trường làm việc chuyên nghiệp, luôn áp dụng công nghệ tiên tiến và trang thiết bị hiện đại.
- Năm 2025, có 67 kiến nghị được người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ. Tất cả các kiến nghị đều được PV GAS xem xét, xử lý thỏa đáng. Ngoài ra, năm 2025 có 174 ý tưởng, giải pháp sáng kiến thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh được đề xuất. Tất cả các ý tưởng, giải pháp đều đã và đang được PV GAS tiếp nhận, đánh giá và hỗ trợ tác giả triển khai áp dụng vào thực tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp theo)

Về xây dựng hệ thống quản trị nhân sự tiên tiến

PV GAS đã thực hiện một số công việc sau:

- Triển khai công tác tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy, giảm thiểu bộ phận trung gian để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.
- rà soát, cập nhật ma trận chức năng, mô tả công việc,... của các Ban/Văn phòng/Trung tâm/Đơn vị theo thực tế.
- Triển khai áp dụng và đánh giá hiệu quả công việc theo KPIs.

Trong thời gian tới PV GAS sẽ xây dựng hệ thống công cụ quản trị nhân sự bao gồm: bảng mô tả chức danh công việc, tiêu chuẩn năng lực, bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc để hướng tới việc trả lương, trả thưởng theo nguyên tắc 3P (P1 - Pay for Position: theo vị trí công việc; P2 - Pay for Person: theo năng lực và P3 - Pay for Performance: theo hiệu quả công việc) đảm bảo công bằng, gắn với giá trị công việc, năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBCNV.



Về văn hóa doanh nghiệp

Văn hóa doanh nghiệp tại PV GAS được xác định là nền tảng cốt lõi, dẫn dắt tư duy, hành động và nâng tầm thương hiệu PV GAS trong hành trình chuyển dịch xanh. Trên nền tảng văn hóa Petrovietnam, PV GAS đã xây dựng Văn hóa doanh nghiệp với bản sắc riêng gồm các giá trị cốt lõi “An toàn – Chuyên nghiệp – Hợp tác – Hiệu quả – Đổi mới” góp phần cụ thể hóa sứ mệnh mang nguồn năng lượng từ thiên nhiên phục vụ sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp, người dân và đất nước.

Năm 2025, Văn hóa PV GAS tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong việc gắn kết người lao động, xây dựng môi trường làm việc tích cực, góp phần thực thi chiến lược sản xuất kinh doanh và trở thành động lực đẩy cho sự phát triển bền vững của PV GAS. Những kết quả này là minh chứng rõ nét từ các giải pháp quản trị hiệu quả, quyết tâm lãnh đạo và sự đồng lòng của toàn thể người lao động.

- Phối hợp triển khai kế hoạch Văn hóa doanh nghiệp của Tập đoàn một cách đồng bộ, phù hợp thực tiễn và đảm bảo hiệu quả tại PV GAS.
- Triển khai lan tỏa hiệu quả các giá trị văn hóa cốt lõi của PV GAS từ cấp Tổng công ty đến các đơn vị, thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ đa nền tảng, lồng ghép Văn hóa doanh nghiệp vào chính sách nhân sự, thỏa ước lao động tập thể và các hoạt động, sự kiện của Tổng công ty nhằm cụ thể hóa các “giá trị cốt lõi” thành “chuẩn mực hành vi” trong công việc hằng ngày.
- Xây dựng văn hóa học tập, nâng cao năng lực đội ngũ và lan tỏa Văn hóa doanh nghiệp thông qua cuộc thi tìm hiểu Văn hóa doanh nghiệp và lịch sử hình thành, phát triển của PV GAS, kết hợp triển khai các khóa đào tạo về Văn hóa doanh nghiệp theo mô hình học tập kết hợp (online-offline), thúc đẩy tinh thần tự học, tự đào tạo của CBCNV.
- Tổ chức tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ phụ trách Văn hóa doanh nghiệp tại cơ sở, nâng cao kỹ năng và ứng dụng AI trong việc lan tỏa các giá trị văn hóa của PV GAS để đảm bảo sự đổi mới sáng tạo, hiệu quả truyền thông, có trọng tâm trọng điểm.
- Kiến tạo không gian văn hóa, xây dựng giá trị hữu hình và tăng trải nghiệm nhận diện văn hóa tại nơi làm việc như: thiết kế, bài trí văn phòng làm việc, đồng bộ nhận diện thương hiệu, truyền thông trực quan về Văn hóa doanh nghiệp, thường xuyên cập nhật bản tin, thiết kế poster về Văn hóa doanh nghiệp.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp theo)

Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

PV GAS luôn xác định công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là "giải pháp then chốt" để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng khả năng thích ứng với các thay đổi trong môi trường cạnh tranh toàn cầu và đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Công tác đào tạo tại PV GAS luôn đảm bảo các tiêu chí:

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn ngành khí.
- Bổ sung và nâng cao năng lực cho CBCNV để đáp ứng tốt các yêu cầu của vị trí công việc.
- Đào tạo mới, đào tạo cập nhật để quy hoạch, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa và đáp ứng các yêu cầu phát triển.
- Người lao động thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ.



Trong năm 2025, PV GAS tiếp tục đầu tư và đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực với kết quả như sau:

- Do đặc thù yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong lĩnh vực dầu khí nên toàn bộ CBCNV tại PV GAS đều được đào tạo, hướng dẫn và phổ biến về quy định an toàn, các mối nguy trong công việc và giải pháp phòng ngừa (đặc biệt là nhân sự khối sản xuất).
- Đảm bảo đào tạo đầy đủ và duy trì hiệu lực chứng chỉ đối với các khóa đào tạo theo yêu cầu pháp luật, xây dựng văn hóa an toàn lao động trong toàn Tổng công ty.
- Tất cả nhân viên mới khi làm việc tại PV GAS đều được tham gia Chương trình đào tạo Hội nhập để nhanh chóng làm quen, hòa nhập với công việc, đồng thời nắm vững các quy định về an toàn – sức khỏe – môi trường tại PV GAS.
- PV GAS chú trọng các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo dành cho nhân sự quản lý các cấp của Tổng công ty, Đơn vị.
- PV GAS tiếp tục tập trung triển khai các chương trình đào tạo theo lộ trình dài hạn, chuyên sâu, phát triển thị trường, chuyển dịch năng lượng, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các khóa học về ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) nâng cao hiệu quả công việc. Các khóa đào tạo theo yêu cầu pháp luật, các khóa về hệ thống An toàn – Chất lượng – Môi trường được triển khai đầy đủ theo quy định.
- PV GAS tiếp tục duy trì và đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ, đào tạo trực tuyến thông qua nền tảng E-learning để thúc đẩy tinh thần tự học, tự đào tạo và xây dựng môi trường học tập trên không gian số, tiết kiệm chi phí đào tạo và quản trị tri thức tổ chức (trong năm 2025, PV GAS đã triển khai được 100 khóa với 2.811 lượt người tham gia).
- Các khóa đào tạo tại PV GAS được tổ chức với các hình thức đa dạng, áp dụng công nghệ để tối ưu hiệu quả đào tạo, tạo thuận tiện cho người học, tăng cường tương tác (bao gồm đào tạo tập trung trên lớp, đào tạo kèm cặp/coaching, đào tạo trực tuyến qua MS Teams, đào tạo qua nền tảng E-learning). Phương pháp đào tạo cũng được chú trọng đổi mới, cập nhật theo các tiêu chuẩn quốc tế và tăng cường thực hành, tính tương tác của người học. Đồng thời, PV GAS cũng áp dụng việc phân tích, đánh giá hiệu quả sau đào tạo đối với một số khóa đào tạo chuyên môn chuyên sâu.
- Tổng số khóa đào tạo thực hiện là 504 khóa với số lượt người đào tạo đạt 16.531 lượt người, bằng 102% kế hoạch.
- Tổng số giờ đào tạo năm 2025 là 11.742 giờ, tăng 3% so với năm 2024, số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên là 8,67 giờ/người và tính theo phân loại nhân viên như sau: cho quản lý cấp cao là 103,99 giờ, cho quản lý cấp trung là 632,62 giờ và cho nhân viên là 11.006 giờ.

NĂM 2025 ĐÃ TRIỂN KHAI
100 KHÓA HỌC

2.811

Lượt người tham gia

TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO
NĂM 2025

11.742

↑3% so với năm 2024



BÁO CÁO QUẢN TRỊ NĂM 2025

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Biên bản, Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	213/BB-KVN	30/5/2025	Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
2	53/NQ-KVN	30/5/2025	Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT
3	54/NQ-KVN	30/5/2025	Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT
4	55/NQ-KVN	30/5/2025	Miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên
5	56/NQ-KVN	30/5/2025	Bầu Thành viên HĐQT
6	57/NQ-KVN	30/5/2025	Bầu Thành viên HĐQT
7	58/NQ-KVN	30/5/2025	Bầu Kiểm soát viên
8	59/NQ-KVN	30/5/2025	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
9	60/NQ-KVN	30/5/2025	Thay đổi ngành nghề kinh doanh
10	61/NQ-KVN	30/5/2025	Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 bằng hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là Chủ tịch/Thành viên HĐQT/ Thành viên độc lập HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	25/5/2023	
2	Ông Phạm Văn Phong	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	25/5/2023	
3	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT	20/10/2015 (được bầu lại vào ngày 05/5/2020)	30/5/2025
4	Ông Triệu Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	16/4/2021	
5	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	16/4/2021	30/5/2025
		Thành viên độc lập HĐQT	09/4/2019	16/4/2021
6	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập HĐQT	27/4/2018 (được bầu lại vào ngày 25/5/2023)	
7	Ông Nguyễn Thanh Hào	Thành viên độc lập HĐQT	29/5/2024	
8	Ông Trần Nhật Huy	Thành viên HĐQT	30/5/2025	
9	Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT	30/5/2025	



CÁC CUỘC HỌP HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Thanh Bình	17/17	100%
2	Ông Phạm Văn Phong	17/17	100%
3	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	9/9	100%
4	Ông Triệu Quốc Tuấn	17/17	100%
5	Ông Trương Hồng Sơn	9/9	100%
6	Ông Đỗ Đông Nguyên	17/17	100%
7	Ông Nguyễn Thanh Hào	17/17	100%
8	Ông Trần Nhật Huy	8/8	100%
9	Ông Trịnh Văn Khiêm	8/8	100%



BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2025 (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành PV GAS thông qua các hoạt động sau:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, đồng chủ trì, tham gia các cuộc họp của HĐQT, của Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện, xem xét các giải pháp, kiểm tra, giám sát,... các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cơ cấu/tái cấu trúc,... trong toàn PV GAS.
- Phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban Kiểm soát, Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ và các Đoàn kiểm tra, giám sát khác về hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn PV GAS.
- Phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình giám sát năm 2025 của HĐQT.
- Trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHCĐ, HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

- Căn cứ quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ PV GAS và Quy chế nội bộ về quản trị của PV GAS, việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm hiện tại, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
- Ban Kiểm soát nội bộ (do HĐQT quyết định thành lập) giúp việc cho HĐQT trong quản trị và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS; hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ (do HĐQT quyết định thành lập) giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm toán nội bộ.
- Ngoài ra, HĐQT còn phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong toàn PV GAS.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Stt	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chức danh	Ngày tháng năm sinh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Văn Phong	Tổng Giám đốc	21/12/1977	25/05/2023		Tiến sĩ Kỹ thuật hóa học
2	Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	22/10/1974	19/02/2020		Kỹ sư công nghệ hóa học và thực phẩm
3	Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng Giám đốc	23/11/1979	16/12/2022	30/5/2025	Thạc sĩ công nghệ hóa dầu và khí
4	Ông Hoàng Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	02/09/1973	20/11/2023		Thạc sĩ Chính sách công
5	Ông Nguyễn Công Luận	Phó Tổng Giám đốc	02/01/1980	01/02/2024		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
6	Ông Nguyễn Phúc Tuệ	Phó Tổng Giám đốc	13/05/1981	01/02/2024		Thạc sĩ Quản lý kỹ thuật
7	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	27/1/1974	02/06/2025		Kỹ sư công nghệ máy chính xác Cử nhân Quản trị kinh doanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	10/06/1975	02/02/2024		Cử nhân Tài chính – Tin dụng

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Chi tiết các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được tổng hợp và thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2025 (Tiếp theo)

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 34 ĐIỀU 6, LUẬT CHỨNG KHOÁN VÀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY

- Danh sách về người có liên quan của công ty: theo Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025 số 192/KVN-HDQT ngày 30/01/2026.
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: theo Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025 số 192/KVN-HDQT ngày 30/01/2026.
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không phát sinh giao dịch trong năm 2025.
- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không phát sinh giao dịch trong năm 2025.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

- Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: theo Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025 số 192/KVN-HDQT ngày 30/01/2026.
- Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: theo Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025 số 192/KVN-HDQT ngày 30/01/2026.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG

Tt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	2.310.692.875	95,76%	1	1	
	Cổ đông sáng lập/Cổ đông FDI					
2	* Trong nước					
	* Nước ngoài					
	Cổ đông lớn:					
3	* Trong nước					
	* Nước ngoài					
	Công đoàn Công ty:	100.857	0,00%	1	1	
4	* Trong nước	100.857	0,00%	1	1	
	* Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	-	0,00%	-	-	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi					
	Cổ đông khác:	102.156.024	4,23%	17.493	164	17.329
7	* Trong nước	58.645.127	2,43%	16.659	79	16.580
	* Nước ngoài	43.510.897	1,80%	834	85	749
	TỔNG CỘNG	2.412.949.756	100,00%	17.495	166	17.329
	* Trong nước	2.369.438.859	98,20%	16.661	81	16.580
	* Nước ngoài	43.510.897	1,80%	834	85	749

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: PV GAS đang làm các thủ tục để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với UBCKNN.

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP (NĐTCKCN)

Tt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	2.310.692.875	95,76%	1	1	
	* Trong nước	2.310.692.875	95,76%	1	1	
	* Nước ngoài					
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên					
	* Trong nước					
	* Nước ngoài					
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL	50.886.477	2,11%	111	111	
	* Trong nước	10.158.522	0,42%	37	37	
	* Nước ngoài	40.727.955	1,69%	74	74	
	TỔNG CỘNG	2.361.579.352	97,87%	112	112	

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Khoản 1 Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.
- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn.
- (*) nếu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình



BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2025 (Tiếp theo)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI CỔ PHIẾU

Stt	Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Người nội bộ		5.174	5.174	0,00%
2	Cổ phiếu quỹ		-	-	0,00%
3	Công đoàn Công ty	50.000	50.857	100.857	0,00%
4	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi				
5	Cổ đông khác	-	2.412.843.725	2.412.843.725	100,00%
	• Trong nước	-	2.369.332.828	2.369.332.828	98,19%
	> Cá nhân		47.284.256	47.284.256	1,96%
5.1	> Tổ chức		2.322.048.572	2.322.048.572	96,23%
	• Trong đó Nhà nước		2.310.692.875	2.310.692.875	95,76%
	• Nước ngoài	-	43.510.897	43.510.897	1,80%
5.2	> Cá nhân		1.004.299	1.004.299	0,04%
	> Tổ chức		42.506.598	42.506.598	1,76%
	TỔNG CỘNG	50.000	2.412.899.756	2.412.949.756	100,00%

Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác: không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

Stt	Tên tổ chức/cá nhân/	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
1	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.310.692.875	95,76%	
1	Đại diện: Nguyễn Thanh Bình	862.923.021	35,76%	
2	Đại diện: Phạm Văn Phong	723.884.927	30,00%	
3	Đại diện: Trịnh Văn Khiêm	241.294.976	10,00%	
4	Đại diện: Triệu Quốc Tuấn	241.294.976	10,00%	
5	Đại diện: Trần Nhật Huy	241.294.976	10,00%	



**BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2025** (Tiếp theo)**BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	0,00%
	<i>Đại diện Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam</i>			862.923.021	862.923.021	35,76%
2	Phạm Văn Phong	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-	-	0,00%
	<i>Đại diện Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam</i>			723.884.927	723.884.927	30,00%
3	Trịnh Văn Khiêm	TV HĐQT	-	-	-	0,00%
	<i>Đại diện Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam</i>			241.294.976	241.294.976	10,00%
4	Triệu Quốc Tuấn	TV HĐQT	-	-	-	0,00%
	<i>Đại diện Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam</i>			241.294.976	241.294.976	10,00%
5	Trần Nhật Huy	TV HĐQT	-	-	-	0,00%
	<i>Đại diện Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam</i>			241.294.976	241.294.976	10,00%
6	Đỗ Đông Nguyên	TV HĐQT độc lập	-	-	-	0,00%
7	Nguyễn Thanh Hà	TV HĐQT độc lập	-	-	-	0,00%
8	Huỳnh Quang Hải	Phó TGD	-	-	-	0,00%
9	Nguyễn Minh Tuấn	Phó TGD	-	5.150	5.150	0,00%
10	Hoàng Trọng Dũng	Phó TGD	-	-	-	0,00%
11	Nguyễn Công Luận	Phó TGD	-	12	12	0,00%
12	Nguyễn Phúc Tuệ	Phó TGD	-	-	-	0,00%
13	Trịnh Văn Minh	Trưởng BKS	-	-	-	0,00%
14	Nguyễn Công Minh	KSV	-	-	-	0,00%
15	Nguyễn Thị Kim Yến	KSV	-	-	-	0,00%
16	Nguyễn Anh Tuấn	Phó ban phụ trách Kế toán	-	-	-	0,00%
17	Hoàng Dạ Thu	Thư ký TCT	-	12	12	0,00%
18	Nguyễn Thị Thu Hương	Người phụ trách Quản trị	-	-	-	0,00%
TỔNG CỘNG				2.310.698.049	2.310.698.049	95,76%

CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC/THÀNH VIÊN

Trong năm 2025, PV GAS đã hoàn thành căn bản công tác tái cấu trúc bộ máy tổ chức hoạt động, sắp xếp lại các đơn vị, sẵn sàng thích ứng kịp thời với bối cảnh mới với yêu cầu đặt ra về tốc độ nhanh, hiệu quả cao.

CÔNG TY TRỰC THUỘC

NHÓM SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ

Công ty	Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ	Chi nhánh Khí Tây Nam Bộ
Chức năng, nhiệm vụ	Sản xuất, vận chuyển, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí từ bể Cửu Long, Nam Côn Sơn và LNG tái hóa cung cấp cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ.	Sản xuất, vận chuyển, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí từ bể Malay – Thổ Chu cung cấp cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp tại khu vực Tây Nam Bộ.
Thế mạnh	Quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Cửu Long, Nam Côn Sơn, hệ thống đường ống dẫn khí LNG tái hóa và các trạm phân phối khí, đặc biệt Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ hiện đại và lớn nhất Việt Nam hiện nay, nhà máy xử lý khí Dinh Cố (gần 11 triệu m ³ khí/ngày).	Quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Malay – Thổ Chu (6,5 triệu m ³ khí/ngày) và nhà máy xử lý khí Cà Mau (6,2 triệu m ³ khí/ngày).
Hoạt động chính năm 2025	Sản xuất, vận chuyển, phân phối, kinh doanh an toàn, hiệu quả trên 3,8 tỷ m ³ khí khô, gần 500 triệu m ³ LNG cung cấp cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp, gần 250 nghìn tấn LPG, gần 70 nghìn tấn Condensate.	Sản xuất, vận chuyển, phân phối, kinh doanh an toàn, hiệu quả trên 1,8 tỷ m ³ khí về bờ cung cấp cho các khách hàng điện, đạm, trên 125 nghìn tấn LPG, trên 6 nghìn tấn Condensate.
Địa chỉ	101 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh.	Ấp 6, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau
Điện thoại	0254 3834174	0290 3591343
Fax	0254 3834171	0290 3591315
Website	www.pvgas.com.vn	www.pvgas.com.vn

Công ty	Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	Chi nhánh Logistics
Chức năng, nhiệm vụ	Vận chuyển khí từ bể Nam Côn Sơn về Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ.	Kinh doanh dịch vụ tồn chứa, vận chuyển sản phẩm khí (LPG, LNG, CNG, Condensate, sản phẩm khí khác) và dịch vụ Logistics (kho bãi, đại lý hàng hải, thuê khai báo hải quan, giám định và các hoạt động liên quan khác).
Thế mạnh	<p>Quản lý và vận hành nhà máy xử lý khí, hệ thống đường ống dẫn khí, được Hội đồng Xác lập Tổ chức Kỷ lục Việt Nam ghi nhận vào danh sách kỷ lục Việt Nam trong năm 2025:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhà máy xử lý Khí Nam Côn Sơn: Nhà máy có công suất xử lý khí lớn nhất Việt Nam (Từ năm 2013, công suất tối đa đạt 22 triệu m³ khí/ngày đêm, tương đương khoảng 8.0 tỷ m³khí/năm). Đường ống khí Nam Côn Sơn: Đường ống 02 pha vận chuyển dòng lưu thể khí thiên nhiên và chất lỏng Condensate dài nhất, với công suất vận chuyển khí lớn nhất Việt Nam (Đường ống khí có đường kính 26 inch, tổng chiều dài 371,09 km gồm phần trên bờ và ngoài khơi, công suất vận chuyển tối đa 23,2 triệu m³ khí/ngày đêm). 	Quản lý hệ thống kho chứa, cảng xuất nhập LPG, LNG, Condensate (Kho cảng Thị Vải, Kho LPG Gò Dầu, Kho LPG Dung Quất) và kinh doanh dịch vụ logistics.
Hoạt động chính năm 2025	Vận chuyển an toàn, hiệu quả gần 1,5 tỷ m ³ khí về bờ; liên tục nhiều năm liền hệ thống khí đạt độ tin cậy, sẵn sàng 100%.	Sắp xếp, hoàn thiện bộ máy tổ chức và triển khai hoạt động kinh doanh.
Địa chỉ	Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP.HCM.	Tầng 5 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP. HCM.
Điện thoại	028 37840111	028 37822727
Fax	028 37840345	028 36227972
Website	www.pvgas.com.vn	www.pvgas.com.vn



CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC/THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

CÔNG TY TRỰC THUỘC (Tiếp theo)

NHÓM SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ (Tiếp theo)

Công ty	Công ty Dịch vụ khí	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí
Chức năng, nhiệm vụ	Bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định, hiệu chuẩn.	Kinh doanh, xuất nhập khẩu LPG, LNG tại thị trường Việt Nam và thế giới.
Thế mạnh	Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu, thông thạo công tác bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm định, hiệu chuẩn các công trình khí của PV GAS; cung cấp các dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ra bên ngoài PV GAS.	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống kho cảng phân phối/kinh doanh LPG rộng khắp cả nước (hệ thống kho Thị Vải 67.260 tấn, kho nổi 4.400 tấn tại Thái Bình, kho Gò Dầu 4.000 tấn, kho Dung Quất 2.000 tấn, kho Hải Phòng 4.500 tấn, Kho Cà Mau 8.000 tấn); nguồn hàng đa dạng (Dinh Cố, Cà Mau, Dung Quất, Trung Đông và các nước trong khu vực); có hợp đồng mua bán LPG với hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh LPG lớn tại thị trường các miền Bắc, Trung, Nam. Hệ thống tồn trữ, phân phối/kinh doanh LNG: Kho cảng LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải (Kho cảng khí thiên nhiên hóa lỏng đầu tiên tại Việt Nam - được Hội đồng Xác lập Tổ chức Kỷ lục Việt Nam ghi nhận vào danh sách kỷ lục Việt Nam trong năm 2025).
Hoạt động chính năm 2025	Hoàn thành công tác BDSC đợt dừng khí tháng 5, 8, 9/2025 với thời gian được rút ngắn so với kế hoạch. Các hoạt động kiểm định hiệu chuẩn thực hiện theo quy định, bảo dưỡng ngăn ngừa, đột xuất các thiết bị kịp thời, có chất lượng, góp phần đảm bảo các hệ thống khí của PV GAS hoạt động ổn định.	Kinh doanh gần 4 triệu tấn LPG/LNG, trong đó sản lượng LPG/LNG xuất khẩu và kinh doanh quốc tế khoảng 2 triệu tấn.
Địa chỉ	101 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP. HCM	Tầng 11 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP. HCM
Điện thoại	0254 3586381	028 37840220
Fax	0254 3563180	028 37840215
Website	www.pvgas.com.vn	www.pvgas.com.vn



Công ty	Chi nhánh Khí Bắc Bộ	Chi nhánh kinh doanh LNG
Chức năng, nhiệm vụ	Phân phối và kinh doanh khí khô và condensate.	Nhập khẩu và thu xếp nguồn cung cho công tác kinh doanh LNG.
Thế mạnh	Quản lý và vận hành hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình, đóng vai trò quan trọng trong việc thu gom và phân phối khí từ mỏ Hàm Rồng và Thái Bình.	Đội ngũ chuyên nghiệp, có khả năng và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế; bước đầu xây dựng được uy tín trong cộng đồng kinh doanh LNG khu vực và thế giới, xây dựng được quan hệ tốt và mạng lưới rộng rãi với các nhà cung cấp ở nhiều quốc gia khác.
Hoạt động chính năm 2025	Phân phối và kinh doanh khoảng 155 triệu m ³ khí khô cho khách hàng công nghiệp.	Nhập khẩu thành công 07 chuyến LNG (trên 500 triệu m ³).
Địa chỉ	Tầng 11 tòa nhà Cát Bi Plaza, số 1, đường Lê Hồng Phong, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	Tầng 6 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP. HCM.
Điện thoại	0225 397 9866	0283 7840 058
Fax	0225 397 9885	0283 7840 059
Website	www.pvgas.com.vn	www.pvgas.com.vn

NHÓM QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công ty	Công ty Quản lý Dự án khí
Chức năng, nhiệm vụ	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án khí quan trọng của PV GAS; tư vấn quản lý dự án.
Thế mạnh	Lực lượng lao động với kinh nghiệm quản lý và thực hiện công tác đầu tư xây dựng lâu năm nhất tại PV GAS.
Hoạt động chính năm 2025	Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án liên quan đến lĩnh vực hạ tầng cung cấp khí/sản phẩm khí. Trong năm, hoàn thiện thiết kế kỹ thuật tổng thể dự án Mở rộng, nâng công suất Kho chứa LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm; đã nhận được chấp thuận của UBND tỉnh Hà Tĩnh về chủ trương đầu tư và nhà đầu tư cho dự án kho LNG Vũng Áng và ý kiến đồng ý của Thành ủy TP. Hải Phòng về dự án Kho cảng PV GAS tại Cái Tráp.
Địa chỉ	Tầng 11 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP. HCM
Điện thoại	028 37840181
Fax	028 37840180
Website	www.pvgas.com.vn



CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC/THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

CÔNG TY THÀNH VIÊN

1

Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam – PV GAS LPG

Ngành nghề kinh doanh chính	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG), tham gia thị trường kinh doanh LNG.
Thế mạnh	Trong nhóm đứng đầu thị trường LPG dân dụng tại miền Bắc; sở hữu hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp, mạng lưới phân phối LPG rộng khắp cả nước.
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	400
PV GAS nắm giữ (%)	51
Doanh thu (tỷ đồng)	6.618,9
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	14,7
Tỷ suất LNST/VĐL (%)	3,7
Hoạt động chính năm 2025	Sản xuất và kinh doanh 352,1 nghìn tấn LPG.
Địa chỉ	Tầng 11 tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội
Điện thoại	024 39445555
Fax	024 39445333
Website	www.pvgaslpg.com.vn

2

Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – PV GAS D

Ngành nghề kinh doanh chính	Vận chuyển, phân phối và kinh doanh khí thấp áp, LNG.
Thế mạnh	Vận hành, kinh doanh khí thấp áp bằng đường ống cho khách hàng tại các KCN ở cả 2 khu vực Bắc Bộ và Nam Bộ và tiếp tục mở rộng.
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	990
PV GAS nắm giữ (%)	50,5
Doanh thu (tỷ đồng)	11.452,6
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	168,3
Tỷ suất LNST/VĐL (%)	17,1
Hoạt động chính năm 2025	Kinh doanh trên 1 tỷ m ³ khí thấp áp, LNG.
Địa chỉ	Tầng 7 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP. HCM.
Điện thoại	028 37840445
Fax	028 37840446
Website	www.pvgasd.com.vn

3

Công ty CP CNG Việt Nam – PV GAS CNG

Ngành nghề kinh doanh chính	Vận chuyển và kinh doanh CNG, LNG.
Thế mạnh	Công ty hàng đầu tại Việt Nam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối, kinh doanh CNG, LNG để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến và được sử dụng làm nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	351
PV GAS nắm giữ (%)	56
Doanh thu (tỷ đồng)	4.681
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	68,6
Tỷ suất LNST/VĐL (%)	24,5
Hoạt động chính năm 2025	Kinh doanh 368 triệu m ³ CNG, LNG.
Địa chỉ	Số 475 Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	0254 3574635
Fax	0254 3574619
Website	www.cngvietnam.com





CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC/THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

CÔNG TY THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

4

Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam – PV GAS PIPE

Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất và kinh doanh ống thép cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí, cung cấp các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực ống thép.
Thế mạnh	Sở hữu nhà máy có quy mô lớn và hiện đại đầu tiên tại Việt Nam, sản xuất ống thép hàn thẳng trên dây chuyền công nghệ 3 - Roll Bending đạt tiêu chuẩn API 5L và 2B phiên bản mới nhất.
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	1.838
PV GAS nắm giữ (%)	99,9
Doanh thu (tỷ đồng)	849,1
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	45,0
Tỷ suất LNST/VDL (%)	2,4
Hoạt động chính năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các hợp đồng sản xuất ống và dịch vụ trong và ngoài ngành. Đã sản xuất và xuất khẩu ống cho thị trường Hoa Kỳ.
Địa chỉ	Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại	028 37840196
Fax	028 37840198
Website	www.pvpipe.vn

5

Công ty CP bọc ống Dầu khí Việt Nam – PV GAS COATING

Ngành nghề kinh doanh chính	Bọc ống cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.
Thế mạnh	Hoạt động trong lĩnh vực bọc ống với các loại hình bọc bê tông gia trọng, bọc chống ăn mòn 3 lớp, bọc cách nhiệt, bọc bend, bọc mối nối,... cho loại ống có đường kính từ 6 đến 48".
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	216
PV GAS nắm giữ (%)	52,9
Doanh thu (tỷ đồng)	831,6
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	61,4
Tỷ suất LNST/VDL (%)	28,6
Hoạt động chính năm 2025	Thực hiện các hợp đồng bọc ống và dịch vụ trong và ngoài ngành.
Địa chỉ	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP.HCM.
Điện thoại	0254 3924456
Fax	0254 3924455
Website	www.pvcoating.vn





CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC/THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

CÔNG TY THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

6

PV GAS International

Ngành nghề kinh doanh chính	Kinh doanh quốc tế LPG và LNG
Thế mạnh	Đội ngũ trẻ, năng động, chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm, uy tín trong kinh doanh quốc tế các sản phẩm năng lượng; có mối quan hệ sâu rộng với nhiều tập đoàn kinh doanh quốc tế.
Vốn điều lệ (nghìn USD)	399,5
PV GAS nắm giữ (%)	100%
Doanh thu (tỷ đồng)	18.645
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	4,6
Hoạt động chính năm 2025	Kinh doanh quốc tế LPG, LNG với các đối tác Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực Đông Nam Á.
Địa chỉ	PECK SEAH Street, Singapore

7

Công ty TNHH Kho cảng LNG Sơn Mỹ

Bộ Công Thương đã phê duyệt kết quả thẩm định FS. Hiện các Bên sẵn sàng phê duyệt FS ngay khi FS của nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2 được phê duyệt.

CÔNG TY LIÊN KẾT

8

Công ty CP Kinh doanh Khí miền Nam – GAS South

Ngành nghề kinh doanh chính	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng. Sản xuất, kinh doanh khí thiên nhiên nén (CNG).
Thế mạnh	Sở hữu hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp, mạng lưới phân phối LPG rộng khắp cả nước; sản xuất và cung cấp CNG cho phương tiện giao thông vận tải và khách hàng công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	500
PV GAS nắm giữ (%)	35,3
Doanh thu (tỷ đồng)	6.394
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	115
Tỷ suất LNST/VĐL (%)	25,0
Hoạt động chính năm 2025	Sản xuất và kinh doanh 206 nghìn tấn LPG, 130 triệu m ³ CNG
Địa chỉ	Lầu 4 PetroVietnam Tower, 1-5 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. HCM
Điện thoại	028 39100108
Fax	028 39100165
Website	www.pgs.com.vn

9

Công ty trách nhiệm hữu hạn Khí nhiên liệu giao thông vận tải PVGAZPROM

Ngành nghề kinh doanh chính	Phân phối và kinh doanh khí nhiên liệu động cơ cho các phương tiện giao thông vận tải tại Việt Nam.
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	200,0
PV GAS nắm giữ (%)	29,0
Hoạt động chính năm 2025	Tìm kiếm cơ hội, phương án khả thi để đầu tư.
Địa chỉ	Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP. HCM.
Điện thoại	028 37816000
Fax	028 37816960



03 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2026

132 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

134 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2026

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHÍNH

NHIỆM VỤ CHUNG

1 Triển khai hoạt động SXKD đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2026; đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng về doanh thu hợp nhất của PV GAS.

2 Xác định khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng đột phá. Tập trung nguồn lực triển khai nghiên cứu khoa học để tạo ra các sản phẩm mới, giá trị gia tăng cao nhằm thúc đẩy sự phát triển của PV GAS.

3 Triển khai đồng bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, phát triển thị trường trong nước và quốc tế, thúc đẩy nghiên cứu sản phẩm từ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh công tác M&A tìm kiếm cơ hội để mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh... phù hợp với Chiến lược phát triển của PV GAS.

NHIỆM VỤ CỤ THỂ THEO LĨNH VỰC

- Quản lý và khai thác hiệu quả các hệ thống/công trình khí; thực hiện điều độ linh hoạt, cung cấp khí và các sản phẩm khí cho khách hàng tối ưu, đảm bảo tiêu thụ toàn bộ sản lượng khí về bờ; đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ khí/LNG/sản phẩm khí, đa dạng hóa sản phẩm, hộ tiêu thụ; đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh quốc tế, logistics.
- Đàm phán, ký kết, quản lý và khai thác hiệu quả các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí, LNG, sản phẩm khí ngay từ những tháng đầu năm để thúc đẩy hiệu quả chuỗi giá trị PVN; đồng thời chủ động, phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách về cước phí, giá khí/LNG, tiêu chuẩn và quy chuẩn liên quan đến ngành khí.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị, tối ưu quản lý tài sản và nguồn lực hiện có; tăng cường phân tích, dự báo, quản trị rủi ro nhằm tăng cường kiểm soát chi phí, giảm giá thành, gia tăng lợi nhuận; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đảm bảo năng lực cạnh tranh.
- Tập trung triển khai hiệu quả, đẩy mạnh công tác đầu tư và củng cố hệ thống quản trị danh mục, kiểm soát chất lượng và tiến độ các dự án/hạng mục công trình; thực hiện hiệu quả các chuỗi dịch vụ và hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết, tăng cường liên kết trong và ngoài ngành để mở rộng cung cấp sản phẩm, dịch vụ; nghiên cứu, triển khai các phương án đầu tư chiến lược để mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Triển khai và đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án/hạng mục công trình đầu tư trọng điểm: Mở rộng, nâng cấp kho chứa LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn; Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng; Kho cảng LPG Hải Phòng; Kho LNG Bắc Trung Bộ (Vũng Áng). Tiếp tục nghiên cứu/triển khai các phương án đầu tư mở rộng hệ thống hạ tầng và đa dạng hóa sản phẩm: (i) Thu gom, vận chuyển khí mỏ Tuna bằng đường ống về Việt Nam; (ii) Đường ống Đông - Tây Nam Bộ; (iii) Xây dựng kho LPG/LNG tại miền Bắc/Bắc Trung Bộ/Nam Trung Bộ và các khu vực có tiềm năng khác; (iv) Nâng cấp, mở rộng Bến Cảng PV GAS Vũng Tàu; (v) Tuyến ống cấp khí cho các nhà máy điện Long An; (vi) Cấp Propan cho Nhà máy nhựa Phú Mỹ; (vii) Đường ống Sơn Mỹ - Cà Ná;...
- Triển khai chuyển đổi số và xây dựng hệ thống ERP, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN.
- Chủ động bám sát, tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược của PVN để phát triển thị trường; nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng, khai thác tối đa lợi thế của PV GAS.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc/tái cơ cấu, đào tạo, bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh tại PV GAS, tình hình mới và Chiến lược phát triển của PV GAS; đảm bảo hiệu quả hoạt động tại các đơn vị thành viên, cũng như bảo toàn nguồn vốn đầu tư.
- Thực hiện công tác an sinh xã hội, truyền thông và văn hóa doanh nghiệp theo đúng các quy định, trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.
- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao.

 CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2026

SẢN LƯỢNG



KHÍ TIẾP NHẬN (BAO GỒM LNG)

7.435 triệu m³

Trong đó:

KHÍ ẤM NỘI ĐỊA

6.535 triệu m³

LNG NHẬP KHẨU

900 triệu m³

KHÍ KHÔ
(BAO GỒM LNG) TIÊU THỤ

7.117 triệu m³

CONDENSATE
SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ

76 nghìn tấn

LPG SẢN XUẤT

410 nghìn tấn

LPG KINH DOANH

3.620 nghìn tấn

TÀI CHÍNH



TỔNG DOANH THU
HỢP NHẤT

142.000
nghìn tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
HỢP NHẤT

11.285
nghìn tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
HỢP NHẤT

9.019
nghìn tỷ đồng



NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
HỢP NHẤT

4.554
nghìn tỷ đồng


CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2026 (Tiếp theo)

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT - TRUNG VÀ DÀI HẠN

Phát triển PV GAS hiệu quả, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, tiên phong đổi mới sáng tạo và thực hiện lộ trình năng lượng xanh của đất nước, giữ vững vai trò chủ đạo, dẫn dắt ngành công nghiệp năng lượng khí tại Việt Nam; tham gia sâu rộng vào thị trường quốc tế.

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

8.336 nghìn tỷ đồng

GIẢI NGÂN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

9.196 nghìn tỷ đồng

Trong đó:

VỐN CHỦ SỞ HỮU

3.672 nghìn tỷ đồng

VỐN VAY + KHÁC

5.524 nghìn tỷ đồng

04 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

140 Thông tin về doanh nghiệp

142 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

144 Báo cáo kiểm toán độc lập

146 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

150 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

152 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

154 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo của ban tổng giám đốc	142-143
Báo cáo kiểm toán độc lập	144-145
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	146-149
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	150-151
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	152-153
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	154-227

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Phong	Thành viên
Ông Triệu Quốc Tuấn	Thành viên
Ông Trần Nhật Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025)
Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Thanh Hào	Thành viên độc lập
Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025)
Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Phong	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Tuệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Luận	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2025)
Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Trịnh Văn Minh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025)
Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Công Luận
Phó Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 26/GUQ-KVN
ngày 20 tháng 2 năm 2024)
Ngày 28 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 0523/VN1A-HN-BC

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2026, từ trang 146 đến trang 227, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 20 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE
VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 2 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đào Ngọc Duy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5969-2023-001-1

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.902.465.635.326	57.290.495.430.038
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.876.468.282.085	5.567.983.431.468
1.	Tiền	111		913.368.282.085	1.248.083.431.468
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.963.100.000.000	4.319.900.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	32.890.551.400.598	27.494.031.282.702
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32.890.551.400.598	27.494.031.282.702
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.881.281.586.057	19.098.417.078.475
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.895.137.507.650	16.744.655.874.477
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	116.028.764.094	375.639.323.197
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.202.355.202.674	4.746.916.152.558
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.332.239.888.361)	(2.768.794.271.757)
IV.	Hàng tồn kho	140	11	4.398.771.281.185	4.598.950.949.593
1.	Hàng tồn kho	141		4.587.524.289.258	4.732.006.717.115
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(188.753.008.073)	(133.055.767.522)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		855.393.085.401	531.112.687.800
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	67.084.167.708	46.023.323.039
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		678.451.569.696	447.768.536.836
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	109.857.347.997	37.320.827.925

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.665.732.474.464	24.564.385.978.120
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.123.710.993.580	531.249.275.544
1.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		66.106.076.719	70.495.232.935
2.	Phải thu dài hạn khác	216	9	1.057.604.916.861	460.754.042.609
II.	Tài sản cố định	220		15.950.791.009.155	18.221.636.601.588
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	15.574.140.285.441	17.852.624.248.675
	• Nguyên giá	222		65.102.395.899.013	64.803.330.016.602
	• Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.528.255.613.572)	(46.950.705.767.927)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	14	376.650.723.714	369.012.352.913
	• Nguyên giá	228		681.620.150.377	655.572.693.047
	• Giá trị hao mòn lũy kế	229		(304.969.426.663)	(286.560.340.134)
III.	Bất động sản đầu tư	230		29.014.253.893	30.370.446.725
	• Nguyên giá	231		38.867.115.741	38.867.115.741
	• Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.852.861.848)	(8.496.669.016)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		2.876.892.162.239	1.717.948.385.041
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.876.892.162.239	1.717.948.385.041
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	406.032.256.124	399.715.358.524
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		396.032.256.124	389.715.358.524
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		35.000.000.000	35.000.000.000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.279.291.799.473	3.663.465.910.698
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.246.336.630.447	3.630.161.349.445
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		32.955.169.026	33.304.561.253
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		93.568.198.109.790	81.854.881.408.158

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.914.808.991.853	20.283.886.142.528
I. Nợ ngắn hạn	310		20.573.719.389.418	14.575.489.059.608
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11.925.122.947.416	6.037.010.202.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		447.467.999.760	270.548.145.715
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.006.497.154.930	682.837.407.395
4. Phải trả người lao động	314		476.584.660.439	409.699.768.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.226.253.151.500	2.995.123.654.976
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	1.308.805.721	2.241.036.607.643
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	333.114.428.193	373.838.581.752
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	1.439.827.466.686	933.829.846.483
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	717.542.774.773	631.564.845.191
II. Nợ dài hạn	330		5.341.089.602.435	5.708.397.082.920
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		17.230.329.623	18.094.359.687
2. Phải trả dài hạn khác	337	20	109.883.490.101	129.700.198.659
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.531.862.874.096	2.290.752.009.267
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		283.528.428.389	293.780.671.709
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	3.161.711.327.997	2.940.586.829.099
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		236.873.152.229	35.483.014.499

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.653.389.117.937	61.570.995.265.630
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	67.653.389.117.937	61.570.995.265.630
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		24.129.497.560.000	23.426.729.190.000
* Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.129.497.560.000	23.426.729.190.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		246.727.266	246.727.266
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		300.272.460.670	300.272.460.670
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		247.477.295	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.380.604.391.166	26.967.513.791.091
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.484.110.062.726	9.553.019.715.422
* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.271.658.010.533	(647.086.478.241)
* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.212.452.052.193	10.200.106.193.663
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		1.358.410.438.814	1.323.213.381.181
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		93.568.198.109.790	81.854.881.408.158

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Công Luận
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		135.196.548.909.363	103.603.614.927.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		67.493.580.968	39.488.364.359
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	135.129.055.328.395	103.564.126.562.888
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	118.078.501.968.730	85.909.769.124.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.050.553.359.665	17.654.357.438.748
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.580.477.045.284	1.736.612.351.244
7. Chi phí tài chính	22	31	383.579.287.970	660.047.745.399
• Trong đó: Chi phí lãi vay	23		216.056.324.707	318.596.953.375
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		41.579.205.053	37.806.658.350
9. Chi phí bán hàng	25	32	2.602.003.953.433	2.415.289.067.133
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.324.034.343.451	3.197.034.309.940
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		14.362.992.025.148	13.156.405.325.870
12. Thu nhập khác	31		65.973.656.627	41.606.598.391
13. Chi phí khác	32		69.530.497.916	25.904.427.886
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.556.841.289)	15.702.170.505
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.359.435.183.859	13.172.107.496.375
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	2.796.326.449.807	2.561.813.069.323
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(8.522.491.956)	20.173.841.542

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.571.631.226.008	10.590.120.585.510
<i>Trong đó:</i>				
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		11.414.339.911.686	10.398.370.049.725
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		157.291.314.322	191.750.535.785
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.647	4.140

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Công Luận
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.359.435.183.859	13.172.107.496.375
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.788.367.501.746	2.727.709.804.035
Các khoản dự phòng	03	(193.692.745.781)	2.109.442.400.255
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(57.066.280.341)	1.070.942.346
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.342.538.406.090)	(1.504.151.203.000)
Chi phí lãi vay	06	216.056.324.707	318.596.953.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.770.561.578.100	16.824.776.393.386
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.623.511.061.086)	(4.549.384.677.628)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	144.482.427.857	(662.132.189.021)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.352.615.685.034	930.606.432.959
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	362.763.874.329	(179.814.994.980)
Tiền lãi vay đã trả	14	(220.314.430.825)	(334.023.151.235)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.402.735.413.734)	(2.632.100.363.803)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.159.182.859	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(348.783.972.396)	(362.716.748.314)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.040.237.870.138	9.035.210.701.364
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.314.735.009.692)	(1.925.456.571.752)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	632.543.704	1.386.025.703
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.592.159.986.135)	(46.644.494.787.639)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.195.639.868.239	54.236.231.463.575
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.242.003.082.869	1.800.643.654.080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.468.619.501.015)	7.468.309.783.967
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.108.894.654.657	1.862.902.885.250
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.361.786.169.625)	(4.602.854.918.967)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.011.650.250.256)	(13.872.476.202.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.264.541.765.224)	(16.612.428.236.073)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.307.076.603.899	(108.907.750.742)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.567.983.431.468	5.668.895.193.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.408.246.718	7.995.989.161
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6.876.468.282.085	5.567.983.431.468


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu


Nguyễn Anh Tuấn
 Kế toán trưởng


Nguyễn Công Luận
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam ("PVN")), được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của PVN và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500102710 cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011. Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 23 số 3500102710 để cập nhật thông tin vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 23.426,7 tỷ đồng lên thành 24.129,4 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 60/2012/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 4 năm 2012. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 21 tháng 5 năm 2012 với mã chứng khoán là GAS.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.917 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: là 2.934).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí;
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, khí CNG, khí LPG và khí Condensate;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, khí LNG, khí LPG; Nhập khẩu khí Condensate;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí, dự án khí và liên quan đến khí và dự án, công trình công nghiệp khác;

- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất

Thành lập công ty PetroVietnam Gas International Trading Company Pte. Ltd.

Theo Quyết định số 1035/QĐ-KVN ngày 12 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thành lập Công ty PetroVietnam Gas International Trading Company Pte. Ltd. với ngành nghề kinh doanh chính bao gồm:

- Thu xếp nguồn (LPG, LNG, nguyên liệu, nhiên liệu cho hóa dầu, hóa chất...) cho thị trường Việt Nam và các nước trong khu vực;
- Nghiên cứu, mở rộng hoạt động thị trường ngoài Việt Nam đối với các sản phẩm khí (LPG, LNG, nguyên liệu, nhiên liệu cho hóa dầu, hóa chất...);
- Kinh doanh quốc tế LPG, LNG, nguyên liệu, nhiên liệu cho hóa dầu, condensate...;
- Cung cấp dịch vụ môi giới, ủy thác mua bán các sản phẩm trên và các dịch vụ liên quan đến thuê tàu, tồn trữ, tái hóa khí cho các đối tác nước ngoài và Việt Nam.

PetroVietnam Gas International Trading Company Pte. Ltd. chính thức hoạt động từ ngày 12 tháng 02 năm 2025 theo Giấy chứng nhận thành lập công ty do Cơ quan quản lý Thuế và Doanh nghiệp Singapore (ACRA) cấp ngày 13 tháng 02 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 09 đơn vị trực thuộc, bao gồm:

Đơn vị trực thuộc	Địa điểm hoạt động
Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ (trước đây là Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ)	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Logistics (*)	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ Khí	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Quản lý Dự án Khí	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Khí Tây Nam Bộ (trước đây là Công ty Khí Cà Mau)	Tỉnh Cà Mau
Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Khí Bắc Bộ (trước đây là Chi nhánh Khí Hải Phòng)	Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Kinh doanh LNG	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu (**) (chấm dứt hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2025)	Thành phố Hồ Chí Minh

(*) Chi nhánh Logistics, là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc, thành lập theo quyết định số 430/QĐ -KVN ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty với ngành nghề kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường bộ (dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí; vận chuyển sản phẩm khí) và một số ngành nghề kinh doanh khác như xây dựng chuyên dụng các công trình, dự án liên quan đến khí; nhập khẩu, kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực sử dụng khí; kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng, cơ sở hạ tầng phân phối sản phẩm khí lỏng, tổ chức xuất nhập khẩu, phân phối các sản phẩm khí, cho thuê máy móc, thiết bị.

(**) Theo quyết định số 1265/QĐ -KVN ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu được chấm dứt hoạt động để thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại đơn vị. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025, các quyền, nghĩa vụ, tài sản của Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu được chuyển giao cho Chi nhánh Khí Đông Nam Bộ và Chi nhánh Logistics.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 08 công ty con và 02 công ty liên doanh, liên kết. Thông tin khái quát về các công ty này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm	
			Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
			%	%	%	%
Công ty con						
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam ("PV GAS D")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối khí thấp áp	50,50%	50,50%	50,50%	50,50%
Công ty Cổ phần LNG Việt Nam ("LNG Việt Nam")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất khí thiên nhiên	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam ("LPG Việt Nam")	Thành phố Hà Nội	Phân phối khí hóa lỏng	51,31%	51,31%	51,31%	51,31%
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam ("PVCoating")	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	52,94%	52,94%	52,94%	52,94%
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam ("CNG Việt Nam")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất khí thiên nhiên	56,00%	56,00%	56,00%	56,00%
Công ty TNHH Kho Cáng LNG Sơn Mỹ ("LNG Sơn Mỹ")	Tỉnh Lâm Đồng	Xử lý khí thiên nhiên	61,00%	61,00%	61,00%	61,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam ("PVPipe")	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất ống thép	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
PetroVietnam Gas International Trading Company Pte. Ltd. ("PVGI")	Singapore	Kinh doanh các sản phẩm khí	100,00%	100,00%	-	-
Công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh khí	29,00%	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối khí hóa lỏng	35,26%	35,26%	35,26%	35,26%

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát trực tiếp và gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận, trừ khi Tổng Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Tổng Công ty đã đảm bảo và cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết của Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh phải có sự thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Hoạt động của cơ sở này theo thỏa thuận bằng hợp đồng giữa các bên góp vốn liên doanh quy định quyền đồng kiểm soát của các bên góp vốn liên doanh đối với các hoạt động kinh tế của cơ sở này.

Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc đầu tư vào công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 03 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")

BCC là thỏa thuận giữa Tổng Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát hoặc chia lợi nhuận sau thuế ("LNST"). Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia BCC là tài sản được các bên mua hoặc xây dựng, được sử dụng cho mục đích của BCC và mang lại lợi ích cho các bên tham gia BCC theo quy định của BCC. Tổng Công ty ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát được hưởng là tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Đối với BCC chia LNST**

BCC chia LNST quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ. Tổng Công ty ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân chia doanh thu và chi phí trong năm theo tỷ lệ thỏa thuận cho các bên tham gia.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu quá hạn, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước đối với sản phẩm khí LPG mua ngoài và theo phương pháp bình quân gia quyền với các loại hàng tồn kho khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt tùy theo phân cấp thẩm quyền.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác (bao gồm các công trình khí)	03 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định hữu hình là chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm máy tính	02 - 06
Tài sản cố định vô hình khác	03

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí mua khí bao tiêu, chi phí vỏ bình gas, khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí mua bảo hiểm, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận Tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí mua khí bao tiêu theo hợp đồng mua bán khí được tính dựa trên phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo cam kết lượng khí nhận tối thiểu và chi phí mua khí thực tế dưới mức cam kết giữa Tổng Công ty với PVN. Chi phí này sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với lượng khí nhận trong tương lai theo thời hạn quy định trên hợp đồng.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị vỏ bình gas bao gồm chi phí mua vỏ bình gas và các chi phí liên quan khác để vỏ bình gas ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khoản trả trước tiền thuê đất được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Tổng Công ty là thuê hoạt động

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả bao gồm dự phòng chi phí thu dọn công trình khí và các khoản dự phòng khác. Dự phòng chi phí thu dọn công trình khí được trích lập theo Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí và dự toán được Bộ Công thương phê duyệt.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu liên quan đến hợp đồng bán khí bao tiêu cho khách hàng được tính dựa vào phần chênh lệch giữa doanh thu bao tiêu và doanh thu đã thực hiện dưới mức bao tiêu. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Thông tư số 67/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 7 tháng 11 năm 2022. Theo đó, Tổng Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ để trích lập từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính để hình thành quỹ.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các nghị quyết phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng ngoại tệ

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu) được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra VND bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%), tỷ giá áp dụng là tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20%, tỷ giá áp dụng là tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang VND được ghi nhận trên chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất hoặc vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát và/hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, toàn bộ số dư của khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính trình bày bằng ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá/giá gốc tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá/giá gốc tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có giao dịch với Tổng Công ty chủ yếu bao gồm PVN và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của PVN, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty xem xét bản chất của các mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	7.294.094.135	7.331.988.862
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	906.074.187.950	1.164.901.442.606
Tiền đang chuyển	-	75.850.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	5.963.100.000.000	4.319.900.000.000
	6.876.468.282.085	5.567.983.431.468

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 0,2%/năm đến 4,75%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	32.890.551.400.598	32.890.551.400.598	27.494.031.282.702	27.494.031.282.702
	32.890.551.400.598	32.890.551.400.598	27.494.031.282.702	27.494.031.282.702

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 7,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,3%/năm đến 7,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm 678.753.809.946 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 678.753.809.946 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (“MBV”) (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), MBV đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại MBV. Do MBV là đơn vị được Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) (là Ngân hàng có vốn Nhà nước) tiếp nhận theo Quyết định chuyển giao bắt buộc của NHNN nên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi trên sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi MB thống nhất phương án chi trả với Tổng Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã dùng một số khoản tiền gửi để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	226.460.000.000	357.507.975.452	932.710.529.100	226.460.000.000	354.878.598.277	578.315.791.200
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	58.000.000.000	38.524.280.672	(*)	58.000.000.000	34.836.760.247	(*)
	284.460.000.000	396.032.256.124		284.460.000.000	389.715.358.524	

Biến động giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	Tại ngày đầu năm	Lợi nhuận trong liên doanh, liên kết	Chia cổ tức	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	Tại ngày cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	354.878.598.277	38.538.309.387	(35.263.158.000)	(645.774.212)	357.507.975.452
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	34.836.760.247	3.687.520.425	-	-	38.524.280.672
	389.715.358.524	42.225.829.812	(35.263.158.000)	(645.774.212)	396.032.256.124

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 36.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	25.000.000.000	(25.000.000.000)	(*)	25.000.000.000	(25.000.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000	-	(*)
	35.000.000.000	(25.000.000.000)		35.000.000.000	(25.000.000.000)	

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, Tổng công ty có một số khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thực hiện niêm yết trên các thị trường chứng khoán. Do Thông tư 200 không có hướng dẫn cách xác định nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng không phải là bên liên quan chủ yếu	13.912.464.416.811	11.637.260.938.285
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	1.807.958.015.117	1.739.993.982.218
Công ty TNHH Dầu khí Trần Hồng Quân	1.570.661.681.264	581.197.066.994
Gunvor Singapore Pte. Ltd.	1.008.286.450.348	-
Mitsui & Co., Ltd.	963.557.037.200	-
Công ty TNHH Gas Venus	748.697.159.667	889.851.457.494
Công ty Cổ phần Năng lượng Vietpetrol	616.900.682.148	783.211.504.419
Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	550.241.905.139	424.733.710.800
Elico Oil Pte. Ltd.	524.853.202.804	-
Công ty TNHH Năng lượng Mê Kông (*)	-	1.167.715.968.932
Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3 (*)	-	888.333.195.622
Các khách hàng khác	6.121.308.283.124	5.162.224.051.806
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	6.982.673.090.839	5.107.394.936.192
	20.895.319.586.788	16.744.655.874.477

(*) Số dư đầu năm phản ánh các khoản phải thu Công ty TNHH Năng lượng Mê Kông ("PM2.2") và Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3 ("PM3") về phần chênh lệch giữa đơn giá bán khí mới và đơn giá bán khí cũ do có sự thay đổi về các nguồn cung cấp khí của Tổng Công ty cho PM2.2 và PM3.

Trong năm, Tổng Công ty đã thống nhất đơn giá bán khí và thực hiện ký kết các phụ lục sửa đổi của Hợp đồng mua bán khí với PM2.2 và PM3. Theo đó, các khoản phải thu ngắn hạn tương ứng này đã được thanh toán toàn bộ.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn không phải là bên liên quan chủ yếu	86.226.681.991	95.094.884.158
Wanhua Chemical (Singapore) Pte. Ltd.	10.447.143.760	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Long Điền	-	32.897.728.823
Các đối tượng khác	75.779.538.231	62.197.155.335
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	29.802.082.103	280.544.439.039
	116.028.764.094	375.639.323.197

9. PHẢI THU KHÁC

a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về doanh thu bán khí tạm tính	5.199.927.423.159	3.694.327.314.230
Trong đó:		
* Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP	1.294.408.125.102	944.096.469.517
* Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.273.767.009.203	1.105.155.592.348
* Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	755.725.339.060	-
* Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	378.143.322.791	398.510.515
* Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	370.491.743.542	517.570.446.789
* Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	370.073.515.841	117.654.708.782
* Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban Quản lý Dự án điện	166.590.104.479	574.207.072
* Tập đoàn Điện lực Việt Nam	118.815.556.004	-
* Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	99.742.946.765	140.385.395.645
* Công ty TNHH Năng lượng Mê Kông	-	441.848.889.049
* Các đối tượng khác	372.169.760.372	426.643.094.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

a. Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về doanh thu vận chuyển khí tạm tính	322.500.876.729	407.964.032.967
Trong đó:		
• Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	169.525.832.044	166.934.493.549
• Công ty Điều Hành Dầu Khí Biển Đông Lô 05-2	52.348.124.098	76.111.979.074
• Công ty Điều Hành Dầu Khí Biển Đông Lô 05-3	89.304.384.432	27.070.332.530
• Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	55.814.003.125
• Các đối tượng khác	11.322.536.155	82.033.224.689
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	368.770.185.688	291.648.784.086
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	46.539.147.910	74.165.793.862
Khác	264.617.569.188	278.810.227.413
	6.202.355.202.674	4.746.916.152.558
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	3.724.951.853.158	2.374.458.066.052

b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu góp vốn theo BCC (i)	1.022.101.585.245	445.948.514.436
Kỳ cược, kỳ quỹ	35.503.331.616	14.805.528.173
	1.057.604.916.861	460.754.042.609
Trong đó:		
Phải thu dài hạn khác là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	1.022.101.585.245	445.948.514.436

(*) Phản ánh khoản tiền Tổng Công ty góp vốn để thực hiện Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn theo BCC số 26a/2010/PVGAS/KTTT-CHEVRON MOECO-PTTEP/D4 ngày 5 tháng 2 năm 2010 và các sửa đổi, bổ sung giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là "Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam"), MOECO Southwest Vietnam Pipeline B.V. và PTTEP Southwest Vietnam Pipeline Company Limited. Theo thỏa thuận giữa các bên, BCC này theo hình thức tài sản đồng kiểm soát với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty là 51%.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)		
	VND	VND	VND	VND		
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.375.540.125.233	2.271.156.780.330	1.104.383.344.903	5.541.777.517.727	2.627.209.295.800	2.814.568.221.927
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.221.675.676.974	1.026.469.995.435	195.205.681.539	2.689.910.679.990	1.220.258.286.199	1.469.652.393.791
• Trên 3 năm	351.381.644.757	351.381.644.757	-	268.172.561.112	268.172.561.112	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	94.019.328.659	94.019.328.659	-	92.736.100.660	64.915.270.462	27.820.830.198
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	186.059.102.435	186.059.102.435	-	942.349.245.797	471.174.622.899	471.174.622.898
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	192.516.214.761	192.516.214.761	-	1.386.652.772.421	415.995.831.726	970.656.940.695
• Dưới 6 tháng	397.699.386.362	202.493.704.823	195.205.681.539	-	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTPP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	1.101.886.084.971	218.498.263.603	883.387.821.368	164.908.821.665	137.249.137.901	27.659.683.764
• Trên 3 năm	118.982.547.915	118.982.547.915	-	104.516.208.832	104.516.208.832	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	44.143.047.927	44.143.047.927	-	14.466.339.083	10.126.437.358	4.339.901.725
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	16.108.089.827	16.108.089.827	-	44.143.047.927	22.071.523.964	22.071.523.963
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	26.595.379.371	26.595.379.371	-	1.783.225.823	534.967.747	1.248.258.076
• Dưới 6 tháng	896.057.019.931	12.669.198.563	883.387.821.368	-	-	-
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - CTPP	745.199.906.195	745.199.906.195	-	401.217.852.660	198.338.868.754	202.878.983.906
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	96.793.979.068	67.755.785.348	29.038.193.720
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	255.130.547.606	255.130.547.606	-	196.279.606.644	98.139.803.322	98.139.803.322
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	181.006.736.067	181.006.736.067	-	108.144.266.948	32.443.280.084	75.700.986.864
• Dưới 6 tháng	309.062.622.522	309.062.622.522	-	-	-	-

10. NỢ XẤU (tiếp theo)

	Số cuối năm				Số đầu năm					
	Giá gốc		Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi (*)		Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi (*)	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)										
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	93.898.840.627	78.583.590.399	15.315.250.228	92.572.035.287	80.983.447.375	11.588.587.912	-	-	-	-
• Trên 3 năm	82.788.131.641	71.863.532.096	10.924.599.545	78.636.682.998	78.636.682.998	-	-	-	-	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.560.157.043	4.592.109.930	1.968.047.113	4.754.289.870	2.346.764.377	2.407.525.493	-	-	-	-
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	4.246.914.524	2.123.457.262	2.123.457.262	6.560.157.043	-	6.560.157.043	-	-	-	-
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.970.369	4.491.111	10.479.258	2.620.905.376	-	2.620.905.376	-	-	-	-
• Dưới 6 tháng	288.667.050	-	288.667.050	-	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mê Kông	-	-	-	1.010.735.528.862	424.756.069.669	585.979.459.193	-	-	-	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	56.647.465.423	39.653.225.796	16.994.239.627	-	-	-	-
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-	494.382.124.206	247.191.062.103	247.191.062.103	-	-	-	-
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	459.705.939.233	137.911.781.770	321.794.157.463	-	-	-	-
Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3	-	-	-	888.333.195.622	380.763.481.424	507.569.714.198	-	-	-	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	44.733.556.510	31.313.489.557	13.420.066.953	-	-	-	-
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-	481.850.500.665	240.925.250.333	240.925.250.332	-	-	-	-
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	361.749.138.447	108.524.741.534	253.224.396.913	-	-	-	-
Các đối tượng khác	218.953.465.637	202.405.024.698	16.548.440.939	194.099.403.641	184.860.004.478	9.239.399.163	-	-	-	-
• Trên 3 năm	190.121.793.655	190.121.793.655	-	172.958.424.609	172.958.424.609	-	-	-	-	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.911.974.562	3.360.306.918	1.551.667.644	16.247.313.823	11.736.065.602	4.511.248.221	-	-	-	-
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.845.848.249	8.922.924.125	8.922.924.124	4.537.541.518	58.677.160	4.478.864.358	-	-	-	-
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	356.123.691	106.837.107	249.286.584	-	-	-	-

Mẫu số B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU (tiếp theo)

	Số cuối năm				Số đầu năm					
	Giá gốc		Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi (*)		Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi (*)	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn										
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	-	-	166.434.013.615	80.501.867.926	85.932.145.689	-	-	-	-
• Trên 3 năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	40.098.227.943	28.068.759.560	12.029.468.383	-	-	-	-
• Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-	72.661.863.320	36.330.931.660	36.330.931.660	-	-	-	-
• Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	53.673.922.352	16.102.176.706	37.571.745.646	-	-	-	-
c) Phải thu ngắn hạn khác	61.083.108.031	61.083.108.031	-	61.083.108.031	61.083.108.031	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	56.212.500.000	56.212.500.000	-	56.212.500.000	56.212.500.000	-	-	-	-	-
• Trên 3 năm	56.212.500.000	56.212.500.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	-
• Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	6.212.500.000	6.212.500.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.870.608.031	4.870.608.031	-	4.870.608.031	4.870.608.031	-	-	-	-	-
• Trên 3 năm	4.870.608.031	4.870.608.031	-	4.870.608.031	4.870.608.031	-	-	-	-	-
	3.442.697.082.435	2.332.239.888.361	1.110.457.194.074	5.669.294.639.373	2.768.794.271.757	2.900.500.367.616	-	-	-	-

(*) Giá trị thu hồi của các khoản mục phải thu được Tổng Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	824.505.295.049	-	1.210.323.529.576	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.343.033.345.945	(188.753.008.073)	1.033.551.621.705	(133.055.767.522)
Công cụ, dụng cụ	51.464.707.833	-	43.704.504.951	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	103.634.252.863	-	27.705.782.423	-
Thành phẩm	128.014.269.217	-	192.304.492.344	-
Hàng hoá	2.097.769.266.691	-	2.132.714.834.357	-
Hàng gửi bán	39.103.151.660	-	91.701.951.759	-
	4.587.524.289.258	(188.753.008.073)	4.732.006.717.115	(133.055.767.522)

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 55.697.240.551 VND (năm 2024: 7.725.665.174 VND) đối với hàng tồn kho bị giảm giá, chậm luân chuyển, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	67.084.167.708	46.023.323.039
Chi phí quảng cáo và truyền thông	24.699.456.463	14.304.319.789
Chi phí mua bảo hiểm	11.209.633.300	10.299.755.464
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31.175.077.945	21.419.247.786
b. Dài hạn	3.246.336.630.447	3.630.161.349.445
Chi phí mua khí bao tiêu (*)	2.122.645.029.982	2.259.101.296.936
<i>Trong đó:</i>		
* Chi phí mua khí bao tiêu Lô 05-1b và 05-1c năm 2021	1.573.597.060.888	1.573.597.060.888
* Chi phí mua khí bao tiêu Lô 05-1b và 05-1c năm 2023	191.927.449.563	503.464.154.919
* Chi phí mua khí bao tiêu Lô 05-1b và 05-1c năm 2024	182.040.081.129	182.040.081.129
* Chi phí mua khí bao tiêu Lô 05-1b và 05-1c năm 2025	175.080.438.402	-
Chi phí vỏ bình gas	336.225.657.259	537.554.169.861
Chi phí thuê đất và thuê văn phòng	293.211.748.447	290.922.515.708
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa	97.192.742.787	127.359.144.254
Chi phí bảo hiểm	72.801.456.675	65.887.613.158
Chi phí công cụ, dụng cụ	36.419.847.317	43.239.909.240
Chi phí trả trước dài hạn khác	287.840.147.980	306.096.700.288
	3.313.420.798.155	3.676.184.672.484

(*) Phản ánh chi phí mua khí theo hợp đồng bao tiêu được xác định dựa trên phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu của Tổng Công ty với PVN. Tổng Công ty có quyền nhận từ PVN một lượng khí tương đương lượng khí trả trước này trong thời hạn như sau:

- Chi phí mua khí bao tiêu năm 2021: Tổng Công ty được nhận trong suốt thời hạn hợp đồng;
- Chi phí mua khí bao tiêu năm 2023, 2024 và năm 2025: Tổng Công ty phải thực hiện trong vòng 5 năm hợp đồng từ thời điểm phát sinh khoản chênh lệch.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thực hiện của khoản chi phí trả trước dài hạn này là cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Công trình khí và các thiết bị khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	12.694.975.751.615	5.705.599.375.180	938.118.568.583	515.984.937.841	44.948.651.383.383	64.803.330.016.602
Mua mới trong năm	16.256.140.524	91.327.702.139	6.055.408.786	42.072.564.439	6.305.555.038	162.017.370.926
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.054.989.324	53.969.995.741	-	2.101.541.634	241.540.514.348	320.667.041.047
Phân loại lại	(489.000.000)	748.462.297	-	98.019.891	(357.482.188)	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.762.158.661)	(10.259.765.979)	(5.135.594.621)	(9.373.862.762)	(1.998.602.623)	(29.529.984.646)
Tăng/(Giảm) khác	1.174.687.412	4.500.000.000	-	(578.440.109)	(159.184.792.219)	(154.088.544.916)
Số dư cuối năm	12.732.210.410.214	5.845.885.769.378	939.038.382.748	550.304.760.934	45.034.956.575.739	65.102.395.899.013
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	5.764.150.961.782	3.970.311.916.492	798.992.694.561	448.065.186.365	35.969.185.008.727	46.950.705.767.927
Khấu hao trong năm	466.391.206.839	243.442.707.337	29.313.744.190	44.937.570.317	1.982.316.041.840	2.766.401.270.523
Phân loại lại	(488.977.740)	828.450.258	-	(21.782.394)	(317.690.124)	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.762.158.661)	(10.259.765.979)	(5.135.594.621)	(7.418.026.165)	(1.998.602.623)	(27.574.148.049)
Tăng/(Giảm) khác	(364.356.859)	600.000.000	-	(2.340.262.165)	(159.172.657.805)	(161.277.276.829)
Số dư cuối năm	6.226.926.675.361	4.204.923.308.108	823.170.844.130	483.222.685.958	37.790.012.100.015	49.528.255.613.572
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	6.930.824.789.833	1.735.287.458.688	139.125.874.022	67.919.751.476	8.979.466.374.656	17.852.624.248.675
Tại ngày cuối năm	6.505.283.734.853	1.640.962.461.270	115.867.538.618	67.082.074.976	7.244.944.475.724	15.574.140.285.441

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 38.080.007.714.620 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 31.732.796.314.610 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 319.639.035.653 VND và 33.400.501.839 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 255.157.948.499 VND và 82.070.802.141 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 21).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 12.679.077.421.947 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.323.883.040.059 VND) được ghi nhận tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi tài sản cố định được đưa vào sử dụng. Nguyên giá của các tài sản cố định này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	348.669.597.008	304.168.809.292	2.734.286.747	655.572.693.047
Mua trong năm	-	25.214.317.500	1.783.936.740	26.998.254.240
Thanh lý, nhượng bán	-	(950.796.910)	-	(950.796.910)
Số dư cuối năm	348.669.597.008	328.432.329.882	4.518.223.487	681.620.150.377
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	12.363.440.824	271.924.833.233	2.272.066.077	286.560.340.134
Khấu hao trong năm	1.300.331.783	19.287.249.067	22.457.541	20.610.038.391
Thanh lý, nhượng bán	-	(950.796.910)	-	(950.796.910)
Tăng/(Giảm) khác	-	(1.250.154.952)	-	(1.250.154.952)
Số dư cuối năm	13.663.772.607	289.011.130.438	2.294.523.618	304.969.426.663
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	336.306.156.184	32.243.976.059	462.220.670	369.012.352.913
Tại ngày cuối năm	335.005.824.401	39.421.199.444	2.223.699.869	376.650.723.714

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 252.785.463.657 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 228.161.940.267 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 48.664.363.636 VND và 39.928.217.284 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 48.664.363.636 VND và 40.898.900.212 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 21).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	2.163.649.884.580	1.038.622.727.573
Dự án kho cảng LNG Sơn Mỹ	226.780.679.004	223.500.353.165
Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	199.065.414.384	110.025.931.164
Dự án dây chuyền cấp khí cho nhà máy Nhơn Trạch 3 và 4	-	197.391.016.393
Các công trình khác	287.396.184.271	148.408.356.746
	2.876.892.162.239	1.717.948.385.041

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.717.948.385.041	1.780.813.510.170
Tăng trong năm	1.479.610.818.245	1.087.866.865.707
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 13)	(320.667.041.047)	(1.150.731.990.836)
Số dư cuối năm	2.876.892.162.239	1.717.948.385.041

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn không phải là bên liên quan chủ yếu	6.471.770.528.200	6.471.770.528.200
Wanhua Chemical (Singapore) Pte. Ltd.	1.258.364.671.992	1.258.364.671.992
Gunvor International B.V., Amsterdam, Geneva Branch	1.007.643.273.659	1.007.643.273.659
PetroChina International (Singapore) Pte. Ltd.	988.716.368.013	988.716.368.013
Petrolimex Singapore Pte. Ltd.	524.589.871.000	524.589.871.000
SwissChemGas Ltd.	-	-
Các đối tượng khác	2.692.456.343.536	2.692.456.343.536
b. Phải trả người bán là các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	5.453.352.419.216	5.453.352.419.216
	11.925.122.947.416	11.925.122.947.416
	6.037.010.202.174	6.037.010.202.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	140.204.850.106	1.816.823.212.270	1.933.917.993.518	23.110.068.858
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(420.060)	2.137.268.263.637	2.140.513.320.415	(3.245.476.838)
Thuế xuất, nhập khẩu	(18.947.720.153)	447.361.461.740	527.762.252.878	(99.348.511.291)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	490.025.227.198	2.840.166.078.714	2.402.735.413.734	927.455.892.178
Thuế thu nhập cá nhân	34.160.696.949	182.871.274.762	168.432.766.581	48.599.205.130
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(11.177.858)	54.128.974.777	54.136.875.009	(19.078.090)
Các loại thuế khác	85.123.288	50.378.048.534	50.375.464.836	87.706.986
	645.516.579.470	7.528.997.314.434	7.277.874.086.971	896.639.806.933
Trong đó:				
* Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	37.320.827.925			109.857.347.997
* Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	682.837.407.395			1.006.497.154.930

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả về chi phí mua, xử lý và vận chuyển khí	3.616.736.762.654	2.550.653.533.136
Trong đó:		
* Chi phí mua khí PM3 CAA và 46 Cái Nước (*)	1.137.473.888.552	141.888.119.087
* Chi phí mua khí Sao Vàng Đại Nguyệt	985.131.374.165	934.990.781.227
* Chi phí mua và vận chuyển khí Nam Côn Sơn	741.752.776.604	752.994.284.579
* Chi phí mua và xử lý khí Cửu Long	415.286.907.347	435.984.282.126
* Chi phí mua và xử lý khí và condensate Thiên Ưng Đại Hùng	236.247.968.373	190.340.659.043
* Chi phí mua khí Hàm Rồng Thái Bình	100.843.847.613	94.455.407.074

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả về chi phí vận hành BCC Nam Côn Sơn	152.762.562.361	76.979.538.034
Phải trả chi phí nhân hiệu	137.947.027.072	126.688.868.798
Phải trả chi phí lãi vay	20.192.528.892	24.460.237.084
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa	117.178.284	31.681.837.385
Chi phí phải trả khác	298.497.092.237	184.659.640.539
	4.226.253.151.500	2.995.123.654.976
Trong đó:		
Chi phí phải trả ngắn hạn cho bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	3.041.402.726.668	1.983.514.872.085

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã ký thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy GPP Cà Mau và ký kết Hợp đồng Mua bán khí PM3 CAA cho toàn bộ lượng khí thiên nhiên PM3 CAA do PVN cung cấp.

Đồng thời, theo các Sửa đổi bổ sung Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước cho Nhà máy Đạm Cà Mau và các Nhà máy Điện Cà Mau 1&2, Tổng Công ty thay thế PVN trở thành bên Bán và kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ của PVN theo quy định của các hợp đồng này kể từ tháng 10 năm 2025. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, PVN và các hộ tiêu thụ khí đang tiếp tục làm việc để quyết toán lượng khí mua tính đến trước ngày bắt đầu của các Sửa đổi bổ sung này

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Doanh thu bao tiêu chưa thực hiện (*)	-	2.229.174.396.077
Doanh thu khác	1.308.805.721	11.862.211.566
	1.308.805.721	2.241.036.607.643

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư phản ánh phần chênh lệch giữa doanh thu bao tiêu và doanh thu đã thực hiện dưới mức bao tiêu mà Tổng Công ty có nghĩa vụ thực hiện trong vòng 4 năm kể từ ngày phát sinh phần chênh lệch này với Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 12 của Hợp đồng Mua bán khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, trong đó, hai bên cùng thống nhất điều chỉnh lượng khí nhận tối thiểu của năm hợp đồng 2024 và 2025. Theo đó, khoản chênh lệch này đã được ghi nhận vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với số tiền là 1.039.511.914.882 VND và điều chỉnh giảm toàn bộ số dư còn lại, tương ứng giảm khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền là 1.189.662.481.195 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	150.409.599.617	142.649.759.182
Phải trả các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (*)	83.162.714.695	79.613.834.547
Cổ tức phải trả	2.927.721.175	2.931.792.638
Chênh lệch giá khí bao tiêu phải nộp Nhà nước	-	31.653.059.057
Phải trả ngắn hạn khác	96.614.392.706	116.990.136.328
	333.114.428.193	373.838.581.752
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	32.796.988.191	11.225.931.587
b. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	109.883.490.101	128.767.710.130
Phải trả dài hạn khác	-	932.488.529
	109.883.490.101	129.700.198.659

(*) Phản ánh phần vốn góp và lợi nhuận được chia của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long từ việc đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà Văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại BCC như sau:

	Tỷ lệ góp (%)
Tổng Công ty	90%
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	10%

Giá trị tài sản cố định của BCC tại cuối năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên giá	723.317.373.840	723.317.373.840
Trong đó:		
• Quyền sử dụng đất	223.730.000.000	223.730.000.000
• Tài sản trên đất	499.587.373.840	499.587.373.840
Giá trị khấu hao lũy kế của tài sản trên đất	(173.553.138.721)	(164.018.979.533)
Giá trị còn lại	549.764.235.119	559.298.394.307

Tình hình hoạt động kinh doanh và phân chia lãi/(lỗ) theo tỷ lệ vốn góp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	128.317.338.921	124.501.264.793
Giá vốn	(62.628.502.396)	(55.422.444.884)
Chi phí khác	(312.372.443)	(1.616.664.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.075.292.816)	(13.492.431.030)
Lợi nhuận sau thuế	52.301.171.266	53.969.724.119
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
• Tổng Công ty	48.752.291.118	49.431.303.422
• Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	3.548.880.148	4.538.420.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	123.455.608.798	123.455.608.798	1.059.981.257.462	545.422.531.940	638.014.334.320	638.014.334.320
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ('VietinBank')	37.050.699.858	37.050.699.858	485.346.311.654	221.642.161.083	300.754.850.429	300.754.850.429
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ('BIDV')	9.780.746.952	9.780.746.952	107.672.376.478	30.974.623.581	86.478.499.849	86.478.499.849
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ('Woori Bank')	-	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam ('MSB')	4.631.129.992	4.631.129.992	153.568.024.140	104.985.098.405	53.214.055.727	53.214.055.727
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ('Agribank')	-	-	50.176.988.514	-	50.176.988.514	50.176.988.514
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ('PVcomBank')	-	-	78.371.097.941	48.095.318.043	30.275.779.898	30.275.779.898
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ('SeaBank')	71.993.031.996	71.993.031.996	43.239.352.557	90.503.323.581	24.729.060.972	24.729.060.972
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ('VPBank')	-	-	71.607.106.178	49.222.007.247	22.385.098.931	22.385.098.931
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết tại Thuyết minh số 21b)	810.374.237.685	810.374.237.685	807.802.532.366	816.363.637.685	801.813.132.366	801.813.132.366
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ('Vietcombank')	399.142.705.319	399.142.705.319	386.946.600.000	401.059.705.319	385.029.600.000	385.029.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ('BIDV')	235.026.132.766	235.026.132.766	244.650.532.766	239.098.532.766	240.578.132.766	240.578.132.766
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ('VietinBank')	127.209.399.600	127.209.399.600	127.209.399.600	127.209.399.600	127.209.399.600	127.209.399.600
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ('Agribank')	48.996.000.000	48.996.000.000	48.996.000.000	48.996.000.000	48.996.000.000	48.996.000.000
	933.829.846.483	933.829.846.483	1.867.783.789.828	1.361.786.169.625	1.439.827.466.686	1.439.827.466.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**a. Vay ngắn hạn** (tiếp theo)

Tại 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn bằng VND với mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tổng hạn mức tín dụng	Thời hạn cấp tín dụng	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Vietinbank	500 tỷ VND	Đến ngày 31 tháng 10 năm 2026	Từ 5,4%/năm đến 8%/năm	(i)
BIDV	130 tỷ VND	Đến ngày 30 tháng 11 năm 2025	Từ 6,6%/năm đến 7%/năm	(ii)
Woori Bank	70 tỷ VND	Đến ngày 23 tháng 7 năm 2026	Từ 5,39%/năm đến 5,84%/năm	(iii)
MSB	800 tỷ VND	Đến ngày 10 tháng 12 năm 2027	Từ 6%/năm đến 7%/năm	(iv)
Agribank	75 tỷ VND	Đến ngày 28 tháng 8 năm 2026	Từ 5,7%/năm đến 6%/năm	(v)
PVcomBank	200 tỷ VND	Đến ngày 25 tháng 12 năm 2025	7%/năm	(vi)
SeaBank	250 tỷ VND	Đến ngày 7 tháng 7 năm 2026	Từ 6,8%/năm đến 7,8%/năm	(vii)
VPBank	200 tỷ VND	Đến ngày 24 tháng 7 năm 2026	Từ 7,2%/năm đến 9,8%/năm	(viii)

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tài sản đảm bảo là một số tài sản cố định hữu hình, một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 52,5 tỷ VND và quyền tài sản từ một số hợp đồng cung cấp dịch vụ, gia công chế tạo đang thực hiện của PVCoating và PVPipe.

(ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 30 tỷ VND và quyền sử dụng đất và quyền tài sản từ một số hợp đồng cung cấp dịch vụ đang thực hiện của PVCoating.

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam với tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn giá trị 14 tỷ VND của PVCoating.

(iv) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam với tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ và quyền phải thu hình thành từ một số hợp đồng gia công chế tạo đang thực hiện của PVPipe.

(v) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với tài sản đảm bảo là một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 70 tỷ VND của PV GAS D và PVCoating.

(vi) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam với tài sản đảm bảo là một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 40 tỷ VND của PVCoating.

(vii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất tại Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Gia Thuận, tỉnh Tiền Giang của PVPipe.

(viii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 4,5 tỷ VND, hàng tồn kho và quyền tài sản từ một số hợp đồng cung cấp dịch vụ đang thực hiện của PVCoating.

b. Vay dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.212.066.461.424	1.212.066.461.424	36.106.397.195	239.098.532.766	1.009.074.325.853	1.009.074.325.853
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	1.174.351.624.624	1.174.351.624.624	12.807.000.000	401.059.705.319	786.098.919.305	786.098.919.305
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("VietinBank")	445.232.898.738	445.232.898.738	-	127.209.399.600	318.023.499.138	318.023.499.138
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank")	269.475.262.166	269.475.262.166	-	48.996.000.000	220.479.262.166	220.479.262.166
Trong đó:	3.101.126.246.952	3.101.126.246.952	48.913.397.195	816.363.637.685	2.333.676.006.462	2.333.676.006.462
• Số phải trả trong vòng 12 tháng	810.374.237.685				801.813.132.366	
• Số phải trả sau 12 tháng	2.290.752.009.267				1.531.862.874.096	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b. Vay dài hạn (tiếp theo)

Tại 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty chỉ có các khoản vay dài hạn bằng VND, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Kỳ hạn trả lãi	Thời hạn kết thúc trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
BIDV	Trả nợ trước hạn cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	6 tháng/ lần	6 tháng/ lần	Đến ngày 29 tháng 6 năm 2030	(i)	Tín chấp
BIDV	Trả nợ trước hạn cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	6 tháng/ lần	6 tháng/ lần	Đến ngày 02 tháng 10 năm 2030	(ii)	Tín chấp
BIDV	Mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")	6 tháng/ lần	6 tháng/ lần	Đến ngày 16 tháng 8 năm 2029	(iii)	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất, các TSCĐ hình thành từ vốn vay của LPG Việt Nam
BIDV	Mua sắm, xây dựng tài sản cố định	Hàng tháng	Hàng tháng	Đến ngày 24 tháng 12 năm 2030	(iv)	Một số TSCĐ của CNG Việt Nam
Vietcombank	Trả nợ trước hạn cho khoản vay tại Ngân hàng Mizuho Bank	6 tháng/ lần	6 tháng/ lần	Đến ngày 16 tháng 6 năm 2027	(i)	Tín chấp
Vietcombank	Trả nợ trước hạn cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	6 tháng/ lần	6 tháng/ lần	Đến ngày 22 tháng 4 năm 2030	(ii)	Tín chấp
Vietcombank	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	Hàng tháng	Hàng tháng/ quý	Đến ngày 05 tháng 3 năm 2030	(v)	Quyền sử dụng đất, bất động sản đầu tư và một số TSCĐ khác của CNG Việt Nam
Vietinbank	Trả nợ trước hạn cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	6 tháng/ lần	6 tháng/ lần	Đến ngày 23 tháng 8 năm 2028	(ii)	Tín chấp
Agribank	Trả nợ trước hạn cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6 tháng/ lần	6 tháng/ lần	Đến ngày 23 tháng 4 năm 2030	(vi)	Tín chấp

(i) Khoản vay chịu lãi suất 6,5%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó được điều chỉnh theo lãi suất huy động cơ sở là bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ của 4 Ngân hàng BIDV, Vietcombank, VietinBank, Agribank với biên độ 2%/năm.

(ii) Khoản vay chịu lãi suất 6,8%/năm trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó được điều chỉnh theo lãi suất huy động cơ sở là bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của 4 Ngân hàng BIDV, Vietcombank, VietinBank, Agribank với biên độ 2%/năm.

(iii) Khoản vay chịu lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng bằng lãi suất tiết kiệm (VND) kỳ hạn 12 tháng trả lãi vay sau + biên độ tối thiểu 2,8%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần; Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm (VND) kỳ hạn 12 tháng trả lãi vay sau + biên độ tối thiểu 1,0%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần.

(iv) Khoản vay chịu lãi suất cố định 2 năm ở mức 6,7% - 7,3%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất các năm sau thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần. Lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng của 4 Ngân hàng BIDV, Vietcombank, VietinBank, Agribank.

(v) Khoản vay chịu lãi suất 6,6% - 7,4%/năm được áp dụng cố định 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất các năm sau của khoản vay này bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng với hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Vietcombank công bố, cộng biên độ 2,5% - 2,8%/năm.

(vi) Khoản vay chịu lãi suất 6,5% cho năm đầu tiên và 7%/năm cho năm thứ hai kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó được điều chỉnh theo lãi suất huy động cơ sở 12 tháng trả lãi sau với biên độ 2,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**b. Vay dài hạn** (tiếp theo)

Khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	801.813.132.366	810.374.237.685
Trong năm thứ hai	652.552.857.197	792.047.532.366
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	879.310.016.899	1.498.704.476.901
	2.333.676.006.462	3.101.126.246.952

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	631.564.845.191	569.062.923.168
Tăng trong năm	433.755.180.684	425.218.670.337
Giảm trong năm	(347.777.251.102)	(362.716.748.314)
Số dư cuối năm	717.542.774.773	631.564.845.191

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bể Cừu Long (i)	1.994.818.250.165	1.994.818.250.165
PM3 - Cà Mau (i)	562.856.418.929	492.653.883.884
Nhà máy chế biến, đường ống vận chuyển và các trạm phân phối khí (ii)	306.548.596.754	248.349.077.007
Đường ống Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2 và đường ống Sao Vàng Đại Nguyệt (iii)	196.930.000.000	143.690.000.000
Đường ống Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	62.391.359.814	56.152.223.832
Khác	38.166.702.335	4.923.394.211
	3.161.711.327.997	2.940.586.829.099

(i) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình khí Bể Cừu Long và PM3 - Cà Mau được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 1295/QĐ-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2019.

(ii) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình Nhà máy chế biến, đường ống vận chuyển và các trạm phân phối khí được trích lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 2437/QĐ-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2020.

(iii) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình Đường ống Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2 và Đường ống Sao Vàng Đại Nguyệt được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 610/QĐ-BCT ngày 10 tháng 3 năm 2023.

(iv) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình Đường ống Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh được trích lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 3754/QĐ-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể cuối năm trước	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024									
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	22.967.398.470.000	246.727.266	282.322.856.474	-	23.919.001.668.407	5.461.127.074.863	11.418.634.013.165	1.249.889.464.218	65.298.620.274.393
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	-	11.418.634.013.165	(11.418.634.013.165)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	10.398.370.049.725	191.750.535.785	10.590.120.585.510
Tăng vốn trong năm	459.330.720.000	-	-	-	(459.330.720.000)	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(204.699.870.331)	-	(22.254.943.944)	(226.954.814.275)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024	-	-	-	-	-	-	(198.263.856.062)	-	(198.263.856.062)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	3.525.792.446.880	(3.525.792.446.880)	-	-	-
Chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang vốn khác của chủ sở hữu	-	-	17.949.604.196	-	(17.949.604.196)	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.780.439.082.000)	-	(92.037.120.356)	(13.872.476.202.356)
Khác	-	-	-	-	-	(15.916.167.058)	-	(4.134.554.522)	(20.050.721.580)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	23.426.729.190.000	246.727.266	300.272.460.670	-	26.967.513.791.091	(647.086.478.241)	10.200.106.193.663	1.323.213.381.181	61.570.995.265.630
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025									
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	23.426.729.190.000	246.727.266	300.272.460.670	-	26.967.513.791.091	(647.086.478.241)	10.200.106.193.663	1.323.213.381.181	61.570.995.265.630
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	-	10.200.106.193.663	(10.200.106.193.663)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.414.339.911.686	157.291.314.322	11.571.631.226.008
Tăng vốn trong năm (i)	702.768.370.000	-	-	-	(702.768.370.000)	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (ii)	-	-	-	-	-	(206.761.622.535)	-	(12.821.349.734)	(219.582.972.269)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (ii)	-	-	-	-	-	(3.014.011.139)	-	(146.081.251)	(3.160.092.390)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 (iii)	-	-	-	-	-	-	(201.887.859.493)	(12.284.348.922)	(214.172.208.415)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	-	3.115.858.970.075	(3.115.858.970.075)	-	-	-
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(4.919.613.129.900)	-	(92.037.120.356)	(5.011.650.250.256)
Khác	-	-	-	247.477.295	-	(36.113.971.240)	-	(4.805.356.426)	(40.671.850.371)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	24.129.497.560.000	246.727.266	300.272.460.670	247.477.295	29.380.604.391.166	1.271.658.010.533	11.212.452.052.193	1.358.410.438.814	67.653.389.117.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 61/NQ-KVN ngày 30 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 bằng hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Theo đó, tỷ lệ phát hành là 3% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 702.768.370.000 đồng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển. Theo Nghị quyết số 81/NQ-KVN ngày 18 tháng 9 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua kết quả tăng vốn điều lệ từ 23.426.729.190.000 đồng lên thành 24.129.497.560.000 đồng.

(ii) Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 bao gồm:

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 59/NQ-KVN ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ-LPG ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam, các Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2024 như sau:

- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 3.042.852.554.090 VND; trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành với số tiền 378.366.261.157 VND (Tổng Công ty đã tạm trích trong năm 2024 số tiền 182.985.607.756 VND nên trích bổ sung trong năm nay 195.380.653.401 VND) và chia cổ tức bằng tiền tương ứng 21% vốn điều lệ cho các cổ đông với số tiền khoảng 4.919,61 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 74.750.514.512 VND; trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền lần lượt là 8.989.551.167 VND và 914.272.004 VND; chia cổ tức bằng tiền tương ứng 15% vốn điều lệ cho các cổ đông với số tiền là 148.495.966.500 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.
- Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 4.390.000.000 VND, và trích Quỹ Đầu tư phát triển là 10.140.000.000 VND (trong đó, số

trích quỹ thuộc về cổ đông Tổng Công ty là 4.772.371.725 VND).

- Công ty Cổ phần CNG Việt Nam trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 7.768.588.089 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 45.494.699.089 đồng; chia cổ tức bằng tiền tương ứng 12% vốn điều lệ cho các cổ đông với số tiền 42.119.157.600 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.
- Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 8.600.000.000 VND (trong đó, số trích quỹ thuộc về cổ đông Tổng Công ty là 4.187.662.559 VND); trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền lần lượt là 5.000.000.000 VND và 300.000.000 VND.

(iii) Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 bao gồm:

- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 187.753.084.383 VND trên cơ sở kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 với số tiền là 12.000.000.000 VND.
- Công ty Cổ phần CNG Việt Nam tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 14.419.124.031 đồng theo quyết định số 07/QĐ-CNG ngày 07 tháng 01 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 10 năm 2025, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 24.129.497.560.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	23.106.406.863.456	95,76%	22.433.911.410.000	95,76%
Các cổ đông khác	1.023.090.696.544	4,24%	992.817.780.000	4,24%
	24.129.497.560.000	100%	23.426.729.190.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.412.949.756	2.342.672.919
Cổ phiếu phổ thông	2.412.949.756	2.342.672.919
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.412.949.756	2.342.672.919
Cổ phiếu phổ thông	2.412.949.756	2.342.672.919

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.664.146,33	13.473.425,47
Euro (EUR)	438,14	383,41

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Tổng Công ty có 08 công ty con. Hoạt động của công ty mẹ và các công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Tổng Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí, gồm có:
 - ✦ Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
 - ✦ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
 - ✦ Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
 - ✦ Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam
 - ✦ Công ty Cổ phần LNG Việt Nam
 - ✦ Công ty TNHH Kho Cảng LNG Sơn Mỹ
 - ✦ PetroVietnam Gas International Trading Company Pte. Ltd.
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí, sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt và sửa chữa các công trình khí, gồm có:
 - ✦ Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam
 - ✦ Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiêu	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.572.381.152.707	304.087.129.378	-	6.876.468.282.085
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.719.551.400.598	171.000.000.000	-	32.890.551.400.598
Các khoản phải thu ngắn hạn	26.892.173.518.303	705.771.886.148	(2.716.663.818.394)	24.881.281.586.057
Hàng tồn kho	3.801.507.253.874	597.264.027.311	-	4.398.771.281.185
Tài sản ngắn hạn khác	850.046.607.699	29.065.910.426	(23.719.432.724)	855.393.085.401
Các khoản phải thu dài hạn	1.113.051.484.769	12.321.293.936	(1.661.785.125)	1.123.710.993.580
Tài sản cố định	15.047.106.411.845	1.054.987.508.207	(151.302.910.897)	15.950.791.009.155
Bất động sản đầu tư	29.014.253.893	-	-	29.014.253.893
Tài sản dở dang dài hạn	2.823.911.111.217	52.981.051.022	-	2.876.892.162.239
Đầu tư tài chính dài hạn	3.022.855.728.451	-	(2.616.823.472.327)	406.032.256.124
Tài sản dài hạn khác	3.183.548.125.322	70.589.874.810	25.153.799.341	3.279.291.799.473
Tổng tài sản hợp nhất	96.055.147.048.678	2.998.068.681.238	(5.485.017.620.126)	93.568.198.109.790
Nợ phải trả				
Nợ phải trả ngắn hạn	22.023.016.962.013	1.294.546.458.258	(2.743.844.030.853)	20.573.719.389.418
Nợ phải trả dài hạn	5.021.056.256.836	428.166.702.335	(108.133.356.736)	5.341.089.602.435
Tổng nợ phải trả hợp nhất	27.044.073.218.849	1.722.713.160.593	(2.851.977.387.589)	25.914.808.991.853

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiêu	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.523.730.374.308	44.253.057.160	-	5.567.983.431.468
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.262.051.977.253	231.979.305.449	-	27.494.031.282.702
Các khoản phải thu ngắn hạn	22.326.105.242.132	278.846.349.389	(3.506.534.513.046)	19.098.417.078.475
Hàng tồn kho	4.303.897.230.242	295.053.719.351	-	4.598.950.949.593
Tài sản ngắn hạn khác	497.324.442.693	33.788.245.107	-	531.112.687.800
Các khoản phải thu dài hạn	526.799.348.496	6.111.712.173	(1.661.785.125)	531.249.275.544
Tài sản cố định	17.360.700.708.583	1.120.162.766.023	(259.226.873.018)	18.221.636.601.588
Bất động sản đầu tư	30.370.446.725	-	-	30.370.446.725
Tài sản dở dang dài hạn	1.651.718.862.726	35.971.657.067	30.257.865.248	1.717.948.385.041
Đầu tư tài chính dài hạn	2.968.552.070.894	-	(2.568.836.712.370)	399.715.358.524
Tài sản dài hạn khác	3.545.513.631.663	89.649.504.624	28.302.774.411	3.663.465.910.698
Tổng tài sản hợp nhất	85.996.764.335.715	2.135.816.316.343	(6.277.699.243.900)	81.854.881.408.158
Nợ phải trả				
Nợ phải trả ngắn hạn	17.496.903.821.793	560.019.752.654	(3.481.434.514.839)	14.575.489.059.608
Nợ phải trả dài hạn	5.412.879.531.125	400.524.003.015	(105.006.451.220)	5.708.397.082.920
Tổng nợ phải trả hợp nhất	22.909.783.352.918	960.543.755.669	(3.586.440.966.059)	20.283.886.142.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	153.580.223.448.399	1.680.595.782.774	(20.131.763.902.778)	135.129.055.328.395
Chi phí sản xuất kinh doanh	(140.696.549.875.952)	(1.544.872.771.457)	20.236.882.381.795	(122.004.540.265.614)
• Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(136.773.044.984.735)	(1.425.414.948.365)	20.119.957.964.370	(118.078.501.968.730)
• Chi phí bán hàng	(2.685.149.568.430)	(40.022.196.885)	123.167.811.882	(2.602.003.953.433)
• Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.238.355.322.787)	(79.435.626.207)	(6.243.394.457)	(1.324.034.343.451)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.883.673.572.447	135.723.011.317	105.118.479.017	13.124.515.062.781
Phần lãi trong công ty liên kết				41.579.205.053
Doanh thu hoạt động tài chính				1.580.477.045.284
Chi phí tài chính				(383.579.287.970)
Lợi nhuận khác				(3.556.841.289)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				14.359.435.183.859
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.796.326.449.807
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(8.522.491.956)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.571.631.226.008

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	119.052.469.537.175	668.192.746.170	(16.156.535.720.457)	103.564.126.562.888
Chi phí sản xuất kinh doanh	(107.143.083.710.634)	(732.770.672.448)	16.353.761.881.869	(91.522.092.501.213)
• Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(101.467.519.053.402)	(675.030.697.200)	16.232.780.626.462	(85.909.769.124.140)
• Chi phí bán hàng	(2.531.839.256.949)	(3.549.102.244)	120.099.292.060	(2.415.289.067.133)
• Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.143.725.400.283)	(54.190.873.004)	881.963.347	(3.197.034.309.940)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.909.385.826.541	(64.577.926.278)	197.226.161.412	12.042.034.061.675
Phần lãi trong công ty liên kết				37.806.658.350
Doanh thu hoạt động tài chính				1.736.612.351.244
Chi phí tài chính				(660.047.745.399)
Lợi nhuận khác				15.702.170.505
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				13.172.107.496.375
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.561.813.069.323
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				20.173.841.542
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				10.590.120.585.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty và các công ty con có hoạt động kinh doanh tại các khu vực địa lý là Việt Nam và Singapore. Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh tại Việt Nam	Hoạt động kinh doanh tại Singapore	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.861.114.690.016	15.353.592.069	-	6.876.468.282.085
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.890.551.400.598	-	-	32.890.551.400.598
Các khoản phải thu ngắn hạn	25.869.282.916.253	1.728.662.488.198	(2.716.663.818.394)	24.881.281.586.057
Hàng tồn kho	4.398.771.281.185	-	-	4.398.771.281.185
Tài sản ngắn hạn khác	879.112.518.125	-	(23.719.432.724)	855.393.085.401
Các khoản phải thu dài hạn	1.125.372.778.705	-	(1.661.785.125)	1.123.710.993.580
Tài sản cố định	16.102.093.920.052	-	(151.302.910.897)	15.950.791.009.155
Bất động sản đầu tư	29.014.253.893	-	-	29.014.253.893
Tài sản dờ dang dài hạn	2.876.892.162.239	-	-	2.876.892.162.239
Đầu tư tài chính dài hạn	3.022.855.728.451	-	(2.616.823.472.327)	406.032.256.124
Tài sản dài hạn khác	3.254.138.000.132	-	25.153.799.341	3.279.291.799.473
Tổng tài sản hợp nhất	97.309.199.649.649	1.744.016.080.267	(5.485.017.620.126)	93.568.198.109.790
Nợ phải trả				
Nợ phải trả ngắn hạn	21.588.622.764.282	1.728.940.655.989	(2.743.844.030.853)	20.573.719.389.418
Nợ phải trả dài hạn	5.449.222.959.171	-	(108.133.356.736)	5.341.089.602.435
Tổng nợ phải trả hợp nhất	27.037.845.723.453	1.728.940.655.989	(2.851.977.387.589)	25.914.808.991.853

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh tại Việt Nam	Hoạt động kinh doanh tại Singapore	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	136.615.579.924.932	18.645.239.306.241	(20.131.763.902.778)	135.129.055.328.395
Chi phí sản xuất kinh doanh	(123.601.797.358.408)	(18.639.625.289.001)	20.236.882.381.795	(122.004.540.265.614)
* Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(119.560.106.001.795)	(18.638.353.931.305)	20.119.957.964.370	(118.078.501.968.730)
* Chi phí bán hàng	(2.723.900.407.619)	(1.271.357.696)	123.167.811.882	(2.602.003.953.433)
* Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.317.790.948.994)	-	(6.243.394.457)	(1.324.034.343.451)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.013.782.566.524	5.614.017.240	105.118.479.017	13.124.515.062.781
Phần lãi trong công ty liên kết				41.579.205.053
Doanh thu hoạt động tài chính				1.580.477.045.284
Chi phí tài chính				(383.579.287.970)
Lợi nhuận khác				(3.556.841.289)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				14.359.435.183.859
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.796.326.449.807)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				8.522.491.956
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.571.631.226.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán LPG	71.224.852.717.107	54.874.626.611.874
Doanh thu bán khí khô	38.652.449.028.274	36.722.254.808.603
Doanh thu bán LNG	15.065.951.210.048	3.758.172.862.359
Doanh thu bán CNG	3.453.705.737.259	3.516.782.742.983
Doanh thu vận chuyển khí và condensate	2.389.370.062.789	2.750.393.495.768
Doanh thu sản xuất, xây dựng và lắp đặt	1.653.649.241.237	637.934.880.922
Doanh thu bán xăng dầu	1.315.427.063.735	-
Doanh thu bán condensate	965.997.702.786	1.000.531.302.354
Khác	407.652.565.160	303.429.858.025
	135.129.055.328.395	103.564.126.562.888
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	28.917.992.325.683	18.721.078.992.983

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán LPG	67.624.409.667.361	50.652.696.262.776
Giá vốn bán khí khô	29.042.968.499.110	26.977.763.817.133
Giá vốn bán LNG	14.114.075.755.748	3.342.291.158.225
Giá vốn bán CNG	3.233.229.970.643	3.231.810.286.307
Giá vốn sản xuất, xây dựng và lắp đặt	1.398.468.406.828	604.205.635.424
Giá vốn bán xăng dầu	1.314.392.863.415	-
Giá vốn vận chuyển khí và condensate	601.058.625.707	425.325.880.403
Giá vốn bán condensate	515.847.175.340	651.679.940.380
Khác	234.051.004.578	23.996.143.492
	118.078.501.968.730	85.909.769.124.140

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	34.068.757.679.203	32.044.367.760.212
Chi phí khấu hao TSCĐ và và bất động sản đầu tư	2.788.367.501.746	2.727.709.804.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.252.177.978.210	1.808.448.462.652
Chi phí nhân công	1.750.077.835.380	1.520.356.400.885
Chi phí vận chuyển	1.333.539.584.688	1.415.374.987.318
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	760.077.472.784	418.002.465.453
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	399.786.172.768	263.099.705.292
Chi phí an sinh xã hội	372.663.250.988	182.392.476.107
Chi phí dự phòng thu dọn công trình khí	153.921.088.940	159.816.977.103
Chi phí nhân hiệu	142.506.772.476	130.008.902.242
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(436.554.383.396)	1.918.404.942.418
Chi phí khác bằng tiền	2.171.407.746.362	1.737.901.043.390
	45.756.728.700.149	44.325.883.927.107

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.270.969.549.723	1.466.308.324.483
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán	219.044.307.830	268.922.293.080
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	57.066.280.341	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	33.396.907.390	1.381.733.681
	1.580.477.045.284	1.736.612.351.244

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	216.056.324.707	318.596.953.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã trong thanh toán	164.806.639.203	331.791.689.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	1.070.942.346
Khác	2.716.324.060	8.588.159.681
	383.579.287.970	660.047.745.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng	2.602.003.953.433	2.415.289.067.133
Chi phí vận chuyển	1.328.884.038.714	1.415.374.987.318
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	399.694.572.768	263.099.705.292
Chi phí nhân viên	280.047.104.499	239.775.649.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.592.656.583	98.149.677.826
Khác	485.785.580.869	398.889.046.946
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.324.034.343.451	3.197.034.309.940
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(436.554.383.396)	1.918.404.942.418
Chi phí an sinh xã hội	372.245.250.988	182.392.476.107
Chi phí nhân viên quản lý	349.589.898.243	302.118.468.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.266.078.647	170.839.866.165
Chi phí nhãn hiệu	139.218.684.422	130.008.902.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.348.770.985	53.397.676.479
Khác	539.920.043.562	439.871.978.278
	3.926.038.296.884	5.612.323.377.073

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.796.326.449.807	2.561.813.069.323
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(8.522.491.956)	20.173.841.542
	2.787.803.957.851	2.581.986.910.865

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm bắt đầu phát sinh thu nhập tính thuế (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2022 đến năm 2030).

Thu nhập từ các hoạt động khác ngoài thu nhập từ Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau chịu thuế suất thuế thu nhập hiện hành 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của từng đơn vị phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.716.378.557.735	2.472.126.936.407
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	41.468.509.939	63.742.713.846
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	18.628.730.716	22.409.373.173
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	14.681.722.224	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	3.672.196.625	3.379.682.095
Petrovietnam Gas International Trading Company Pte. Ltd.	953.869.018	-
Công ty Cổ phần LNG Việt Nam	542.863.550	154.363.802
	2.796.326.449.807	2.561.813.069.323

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.414.339.911.686	10.398.370.049.725
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	201.887.859.493	408.039.489.736
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11.212.452.052.193	9.990.330.559.989
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.412.949.756	2.412.949.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.647	4.140

(*) Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty và các công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền là 201.887.859.493 VND.

Đồng thời, Tổng Công ty và các công ty con xác định lại số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành năm trước theo số trích lập thực tế được phê duyệt tại Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 59/NQ-KVN ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ-LPG ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU** (tiếp theo)

Ngoài ra, số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2024 cũng đã được điều chỉnh theo số lượng cổ phiếu mới phát hành từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 61/NQ-KVN ngày 30 tháng 5 năm 2025.

Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	10.398.370.049.725	10.398.370.049.725
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của công ty mẹ và các công ty con (VND)	198.263.856.062	408.039.489.736
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.200.106.193.663	9.990.330.559.989
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.342.672.919	2.412.949.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.354	4.140

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang triển khai. Các khoản cam kết vốn liên quan tới dự án này được xác định trên cơ sở giá trị công trình chưa thực hiện trong tổng mức đầu tư, dự toán công trình hoặc hợp đồng đã ký kết, cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn đường ống dẫn khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4	12.394.382.073.655	13.610.420.042.645
Dự án mở rộng, nâng công suất Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm	8.827.584.954.426	8.834.962.930.815
Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	16.737.896.646	100.427.379.866
	21.238.704.924.727	22.545.810.353.326

Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có những cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh khí như sau:

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết/năm	Thời gian cam kết
Mua khí từ chủ khí Lô 05.2 và 05.3	0,2506 (tỷ m ³)	Đến tháng 12 năm 2026
Mua khí từ chủ khí Lô 102 và 106	0,204 (tỷ m ³)	Đến hết giai đoạn bình ổn
Mua khí từ chủ khí Lô 05-1b và 05-1c	1,508 (tỷ m ³)	Đến tháng 12 năm 2026
Mua khí LNG từ Shell Eastern Trading (Pte) Ltd	20.700.000 (MMBTU)	Từ năm 2027 đến hết năm 2031
Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết/năm	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	0,6 (tỷ m ³)	Đến tháng 12 năm 2026

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ
Các đơn vị là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Các đơn vị là công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty	Các đơn vị do Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.917.992.325.683	18.721.078.992.983
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.667.941.712.795	1.260.659.382.910
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	2.992.546.776.922	3.289.368.932.399
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	12.490.279.264.592	5.328.958.267.522
Trong đó:		
* Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	6.913.984.817.735	535.610.656.364
* Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	5.576.294.446.857	4.791.367.900.041
* Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	1.979.711.117
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.742.576.351.667	5.823.706.558.507
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.947.496.830.975	1.003.795.598.908
Trong đó:		
* PVOIL Singapore Pte. Ltd.	1.011.529.349.002	-
* Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	934.451.562.615	1.002.585.603.763
* Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	1.229.341.358	1.077.094.895
* Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	286.578.000	132.900.250
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.297.479.929.551	605.085.037.987
Trong đó:		
* Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí quốc tế	1.185.129.921.342	605.085.037.987
* Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	61.832.956.311	-
* Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	39.715.080.000	-
* Công ty Cổ phần Vận tải Nhật - Việt	10.801.971.898	-

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ Phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.030.650.887.132	9.811.643.089
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.027.787.923.831	80.171.774.167
Trong đó:		
* Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	737.343.978.687	56.956.636.574
* Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	173.073.586.283	13.370.803.609
* Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	86.958.099.653	-
* Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	30.412.259.208	8.962.783.984
* Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	-	881.550.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	677.261.718.127	574.906.642.402
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	25.091.874.700	-
Trong đó:		
* Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí PVD	25.091.874.700	-
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	15.903.494.886	61.203.535.565
Trong đó:		
* Công ty TNHH PVChem - Tech	15.903.494.886	61.203.535.565
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	1.790.386.874	669.539.365.740
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.185.173.631	2.761.486.840
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	7.812.378.437
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	3.298.388.510
Trong đó:		
* Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	3.298.388.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây: (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	31.808.024.972.800	27.348.885.963.699
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	24.954.005.318.257	20.642.932.792.170
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	148.942.952.815	2.480.900.277
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.307.797.237.679	4.153.568.690.359
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.118.102.558.028	4.153.568.690.359
• Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn	189.694.679.651	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.022.153.398.674	506.775.554.781
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	610.043.636.673	423.676.163.774
• Công ty Cổ phần Vận tải Nhật - Việt	349.685.156.028	-
• Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	35.263.799.944	83.069.222.962
• Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	27.130.345.298	-
• Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	30.460.731	30.168.045
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	418.813.302.863	886.210.627.758
Trong đó:		
• Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	316.225.250.635	696.649.640.560
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	49.657.995.991	50.221.947.507
• Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	29.834.804.994	11.222.396.676
• Công ty Cổ phần cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	20.280.306.370	20.343.048.191
• Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	2.814.944.873	2.514.184.678
• Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	-	99.240.891.627
• Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	-	6.018.518.519

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	382.290.258.460	381.701.312.652
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	197.792.672.920	406.537.204.073
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	195.196.732.648	176.512.679.128
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	63.995.767.936	79.390.657.339
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	64.836.550.627	75.467.023.351
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	41.724.408.633	52.231.033.660
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	19.538.729.337	20.712.595.339
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.657.117.345	2.523.394.352
• Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Vũng Áng	916.295.312	-
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	37.806.980.816	2.877.741.237
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	26.587.892.337	1.166.107.420
• Công ty TNHH PVChem - Tech	11.219.088.479	1.711.633.817
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.630.700.000	11.396.238.166
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	5.317.977.679	5.175.236.995
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	5.317.977.679	5.175.236.995
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.445.121.426	17.859.305.413
Trong đó:		
• Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.445.121.426	-
• Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	-	17.859.305.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây: (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	52.941.089.052	70.627.845.106
<i>Công ty thành viên thuộc Tập đoàn</i>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	52.941.089.052	70.627.845.106
Lãi vay	1.866.927.848	425.582.769
<i>Công ty thành viên thuộc Tập đoàn</i>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.866.927.848	425.582.769
Cổ tức, lợi nhuận được chia	68.660.065.390	35.513.084.814
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	35.263.158.000	35.263.158.000
<i>Công ty thành viên thuộc Tập đoàn</i>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	33.396.907.390	249.926.814

(*) Tổng công ty đã được chia lợi nhuận theo Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 ngày 20 tháng 01 năm 2021 với Tổng công ty Dầu Việt Nam.

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	46.676.607.560	25.132.426.621

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Thanh Bình - Chủ tịch	3.745.020.390	2.033.482.515
Ông Phạm Văn Phong - Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	4.145.020.390	2.007.466.112
Ông Đỗ Đông Nguyên - Thành viên	3.191.104.765	1.896.754.755
Ông Triệu Quốc Tuấn - Thành viên	3.048.455.911	1.783.045.675
Ông Trần Nhật Huy - Thành viên (từ ngày 30 tháng 5 năm 2025)	1.378.245.658	-
Ông Nguyễn Thanh Hào - Thành viên	2.722.089.620	538.981.357

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị (tiếp theo)		
Ông Trịnh Văn Khiêm - Thành viên (từ ngày 30 tháng 5 năm 2025)	1.403.737.620	-
Ông Trương Hồng Sơn - Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2025)	1.708.326.824	1.896.754.755
Bà Võ Thị Thanh Ngọc - Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2025)	1.732.299.559	1.936.345.234
Ông Hoàng Văn Quang - Thành viên (đến ngày 25 tháng 5 năm 2023)	-	395.528.905
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Văn Phong - Tổng Giám đốc	(*)	(*)
Ông Nguyễn Công Luận - Phó Tổng Giám đốc	3.362.840.387	1.752.230.774
Ông Hoàng Trọng Dũng - Phó Tổng giám đốc	3.502.528.863	1.277.207.828
Ông Huỳnh Quang Hải - Phó Tổng Giám đốc	3.362.840.387	1.716.016.239
Ông Nguyễn Phúc Tuệ - Phó Tổng giám đốc	3.333.127.698	913.329.192
Ông Nguyễn Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc (từ ngày 02 tháng 6 năm 2025)	1.417.052.079	-
Ông Trần Nhật Huy - Phó Tổng giám đốc (đến ngày 30 tháng 5 năm 2025)	2.087.091.918	1.646.252.696
Ông Phạm Đăng Nam - Phó Tổng giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2024)	-	705.747.569

(*) Trình bày tại phần thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị do có sự kiêm nhiệm về chức vụ.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Kiểm soát		
Ông Trịnh Văn Minh - Trưởng ban (từ 30 tháng 5 năm 2025)	1.105.635.878	-
Ông Nguyễn Công Minh - Kiểm soát viên	1.974.912.841	1.518.719.754
Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm soát viên	1.899.118.202	1.398.547.022
Bà Trần Thị Hoàng Anh - Trưởng ban (đến ngày 30 tháng 5 năm 2025)	1.557.158.570	1.716.016.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.445.000.000.000	1.121.851.503.433
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.445.000.000.000	1.121.851.503.433
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.982.673.090.839	5.107.394.936.192
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	168.118.809.067	158.795.190.163
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	372.055.222.539	434.242.486.505
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.003.339.296.287	4.126.951.970.843
Trong đó:		
• Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.781.663.619.313	538.044.764.358
• Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.221.675.676.974	3.586.769.118.479
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	2.138.088.006
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.130.273.608.567	34.654.520.605
Trong đó:		
• PVOIL Singapore Pte. Ltd.	1.007.857.665.976	-
• Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	122.303.739.771	34.633.970.725
• Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	112.202.820	20.549.880
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	389.240.507.194	13.261.993.888
Trong đó:		
• Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	241.115.752.301	13.261.993.888
• Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	127.836.533.524	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	13.108.583.717	-
• Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	7.179.637.652	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	366.821.103.344	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	275.968.351.921	114.749.860.820
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	246.417.122.935	114.749.860.820
• Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	17.885.099.336	-
• Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	11.666.129.650	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	117.989.595.230	41.164.356.623
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	94.362.646.364	96.685.240.949
Trong đó:		
• Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.898.840.627	96.685.240.949
• Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án dầu khí PVE	397.536.905	-
• Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	66.268.832	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	44.648.768.142	44.648.768.142
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.994.483.517	35.756.754.303
Trong đó:		
• Công ty TNHH PVChem - Tech	14.994.483.517	35.756.754.303
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.860.698.667	6.483.793.351
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.860.698.667	6.483.793.351
Trả trước nhà cung cấp	29.802.082.103	280.544.439.039
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	7.727.945.478	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:
(tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	15.650.863.175	280.544.439.039
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – Công ty Cổ phần	6.423.273.450	-
Trong đó:		
• Công ty TNHH PVChem - Tech	6.423.273.450	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.724.951.853.158	2.374.458.066.052
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	169.525.832.044	176.924.764.595
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	99.742.946.765	140.385.395.645
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.566.155.968.583	1.223.384.508.202
Trong đó:		
• Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.292.388.959.380	118.228.915.854
• Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.273.767.009.203	1.105.155.592.348
Công ty Cổ Phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	378.143.322.791	398.510.515
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	370.491.743.542	517.570.446.789
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	56.212.500.000	56.212.500.000
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	56.212.500.000	56.212.500.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	49.288.319.633	39.089.575.514
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	33.397.907.390	250.926.814

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.264.280.000	1.399.587.501
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.264.280.000	1.264.280.000
• Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	135.307.501
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	229.032.410	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	162.527.847.352
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	55.814.003.125
Phải thu dài hạn khác	1.022.101.585.245	445.948.514.436
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	1.022.101.585.245	445.948.514.436
Phải trả nhà cung cấp	5.453.352.419.216	2.738.845.042.897
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	4.441.715.605.170	1.722.037.938.662
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	27.497.464.890	-
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	470.090.343.393	669.101.850.561
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	451.272.950.949	669.101.850.561
• Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại dầu khí Bình Sơn	18.817.392.444	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	161.418.925.807	119.447.823.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:
(tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp (tiếp theo)		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	256.035.438.852	11.223.858.804
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	158.315.384.801	-
• Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	93.078.855.894	991.868.022
• Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	4.641.198.157	10.231.990.782
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	59.865.940.056	174.759.616.079
Trong đó:		
• Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	49.797.303.122	168.432.524.849
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	4.556.385.767	4.341.378.948
• Công ty Cổ phần Cánh Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	3.349.690.379	-
• Công ty Cổ phần Cánh Dịch vụ Dầu Khí Đình Vũ	2.049.306.588	1.632.420.000
• Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	113.254.200	353.292.282
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	15.500.000.000	18.736.776.645
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	9.054.551.009	10.346.154.537
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	4.879.076.568	7.089.896.522
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	4.175.474.441	3.256.258.015
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	3.321.073.833	2.120.465.877
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	2.107.633.072	1.875.856.459
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	1.806.840.000	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.560.731.140	1.061.701.602

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp (tiếp theo)		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.419.079.512	7.140.563.769
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.260.382.052	3.008.243.676
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	75.474.714	-
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	54.581.732	-
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	28.641.014	-
• Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	2.146.171.845
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	985.996.317	343.464.687
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	985.996.317	343.464.687
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	456.947.691	456.947.691
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	515.848.474	192.024.495
Trong đó:		
• Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	473.214.000	-
• Công ty TNHH PVChem - Tech	42.634.474	192.024.495
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	41.472.527.936	76.703.458.203
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	22.116.126.451	76.703.458.203
Trong đó:		
• Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	22.116.126.451	67.322.350.698
• Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	-	9.381.107.505
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	16.083.787.730	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:
(tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	3.272.613.755	-
<i>Trong đó:</i>		
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	3.272.613.755	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.041.402.726.668	1.983.514.872.085
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	3.022.427.875.530	1.927.185.196.764
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	18.761.672.854	39.838.493.862
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	117.178.284	16.491.181.459
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	96.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
• Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	96.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	32.796.988.191	11.225.931.587
Công ty mẹ		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	3.123.485.000	-
Công ty thành viên thuộc Tập đoàn		
Tổng công ty bảo hiểm PVI	10.978.839.466	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.955.921.301	10.924.599.545
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.236.776.645	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.146.171.845	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.934.461.892	-
Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	301.332.042	301.332.042
<i>Trong đó:</i>		
• Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	301.332.042	301.332.042
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	120.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
• Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	120.000.000	-

37. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tổng Công ty có thể phát sinh chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình Đường ống Khí Nam Côn Sơn 1 và một số khu đất tại các tỉnh nơi Tổng Công ty có hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các bên hữu quan nhằm ước tính giá trị và thời gian chi trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả này một cách đáng tin cậy nên chưa có khoản dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng nói trên được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm 702.768.370.000 VND là số vốn điều lệ tăng lên tương ứng với số cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu như trình bày tại Thuyết minh số 24.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 71.327.249.101 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 196.887.669.765 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 20.192.528.892 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 24.460.237.084 VND) là số tiền lãi của các khoản vay phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 402.167.093.078 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 291.899.710.900 VND), là lãi tiền gửi trong năm chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu


Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Công Luận
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 2 năm 2026




**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP**

 Tòa nhà PV GAS, số 673 đường
Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh

 (+84) 28 3 7816 777

 (+84) 28 3 7815 666

 www.pvgas.com.vn